

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le N° 0708 G 88353
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy



Xã luận

Revue mensuelle Thông Luận, imprimée en France par la SARL Point Concept - 51 avenue Paul-Vaillant Couturier - 94400 Vitry sur Seine.
Prix du numéro : 3,5 EUR - Abonnement un an (11 numéros) : 35 EUR

ISSN 1145-9557 - Số 230 - Năm thứ 21, tháng 11-2008

KHỦNG HOẢNG !

Thế giới đang trải qua một cuộc khủng hoảng lớn nhất từ 1929.

Cuộc khủng hoảng này không chứng tỏ sự phá sản của chủ thuyết kinh tế tự do, và do đó là giảm lòng tin ở dân chủ, như một số người có thể hiểu lầm. Nó là hậu quả của sự không tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của kinh tế tự do. Nó có những nguyên nhân kỹ thuật như sự thiếu cảnh giác với các sản phẩm tài chính nguy hiểm và những nguyên nhân chính trị như sự thiếu phối hợp giữa các nước tư bản lớn. Trầm trọng hơn, nó là hậu quả của một phần công quốc tế vô lý theo đó các nước giàu có vai trò tiêu thụ còn các nước nghèo có nhiệm vụ sản xuất hàng hóa và nếu cần cho các nước giàu vay tiền để họ mua sản phẩm của mình. Sự vô lý này không thể tiếp tục.

Cuộc khủng hoảng này sẽ gây thiệt hại trong thời gian dài cho mọi quốc gia, đặc biệt là các nước đang tăng trưởng, nhất là nếu lại thiếu dự trữ tiền mặt, nợ nhiều, lệ thuộc nhiều vào đầu tư nước ngoài như trường hợp điển hình của Việt Nam. Việt Nam theo chân Trung Quốc dựa vào đầu tư nước ngoài, bóc lột tối đa sức lao động của người dân và tập trung vào xuất khẩu, nhưng tệ hơn Trung Quốc Việt Nam liên tục nhập siêu và tích lũy nợ nần. Chắc chắn đất nước sẽ trải qua sóng gió lớn khi các nước phương Tây cắt giảm đầu tư và nhập khẩu.

Nhiều người cho rằng phong trào dân chủ sẽ mất nhiều hậu thuẫn bởi vì Hoa Kỳ và các nước dân chủ đang quá bối rối tự cứu nguy để có thể yểm trợ đắc lực những giá trị đạo đức. Nghĩ như vậy là sai. Dân chủ hóa là một vấn đề nội bộ của mỗi quốc gia và chủ yếu tùy thuộc vào quyết tâm của từng dân tộc. Đồng minh chính của các lực lượng dân chủ không

phải là các chính phủ mà là dư luận thế giới và các tổ chức nhân quyền. Những đồng minh này vẫn còn nguyên vẹn. Cái mà những người dân chủ có thể mất chỉ là ảo tưởng có thể nhờ cậy nhiều vào Hoa Kỳ và Châu Âu, một ảo tưởng đáng lẽ đã phải vất bỏ từ lâu rồi.

Trái lại cuộc khủng hoảng này, giữa những khó khăn không tránh khỏi cho xã hội, cũng mang những hạt giống đầy hứa hẹn cho tương lai. Sở dĩ cho tới nay nhiều chế độ độc tài, trong đó có Trung Quốc và Việt Nam, không bị lên án gay gắt là vì trong vài thập niên qua thế giới đã quá đề cao tăng trưởng kinh tế, lẫn lộn tăng trưởng với phát triển, lấy lượng thay cho phẩm, lấy phương tiện làm cứu cánh. Chính vì thế Trung Quốc đã được nhìn với sự thán phục vì mức tăng trưởng cao mặc dù nhân quyền bị vi phạm một cách rất thô bạo và môi trường bị tàn phá một cách khủng khiếp. Chế độ cộng sản Việt Nam cũng đã được hưởng một cách nhìn nhân nhượng tương tự. Cuộc khủng hoảng này sẽ buộc thế giới đánh giá lại các chế độ độc tài bạo ngược và lên án chúng như chúng phải bị lên án.

Mặt khác cái mô thức phát triển bằng cách bóc lột tối đa, tập trung vào xuất khẩu, bỏ rơi thị trường nội địa, bất chấp môi trường, bất chấp chênh lệch giàu nghèo sẽ hiện nguyên hình như một sự phá sản về cả đạo đức lẫn kinh tế trước mắt toàn dân và ngay cả trước mắt một số đồng đảng viên cộng sản. Hào quang tăng trưởng không còn, và cũng không còn gì để biện minh cho sự tồn tại của một chế độ độc tài tham nhũng. Ý chí đổi đời sẽ mạnh hơn rất nhiều. Những người dân chủ không có lý do gì để nao núng. Họ phải chuẩn bị cho một giai đoạn đấu tranh thuận lợi mới.

Thông Luận

ASEAN và Trung Quốc tìm cách thoát hiểm

Nguyễn Minh và Kiên Hương

Diễn đàn ASEM lần thứ 7

Hội nghị ASEM lần thứ 7 giữa 45 quốc gia ASEAN+3, khu vực Nam Á và Liên Hiệp Châu Âu đã được nhóm họp tại Bắc Kinh trong suốt tháng 10-2008, gồm ba đợt: đợt 1 từ 13 đến 14-10-2008 là diễn đàn để các quốc gia trong hội nghị phát biểu quan điểm; đợt 2 từ 21 đến 23-10-2008 là diễn đàn để chỉ bàn thảo các khía cạnh liên quan đến kinh doanh và đợt 3 từ 24 đến 25-10-2008 là buổi họp thượng đỉnh giữa các cấp lãnh đạo quốc gia tham dự hội nghị.

Chương trình nghị sự của hội nghị thượng đỉnh đợt 3 khá phong phú. Ngoài việc hòa giải tranh chấp quyền khai thác hải dương Nhật-Trung, vấn đề hủy bỏ kho vũ khí nguyên tử của Bắc Triều Tiên và các biện pháp ngăn chặn khủng bố, hội nghị này tập trung thảo luận những vấn đề thời sự nóng bỏng hơn như cuộc khủng hoảng tài chính và nạn vỡ bong bóng bất động sản từ Mỹ gây ra với hy vọng tìm ra một hướng giải quyết tốt đẹp. Hội nghị cũng là cơ hội để các nhà lãnh đạo châu Âu và Đông Á xác nhận vai trò lãnh đạo của trung tâm kinh tế và tài chính thế giới đang chuyển từ Hoa Kỳ sang đại lục Eurasian từ đầu thế kỷ 21 này.

Đối với các nước ASEAN đang khổ sở vì nạn lạm phát (hiện nay là 30%) do giá dầu mỏ và ngũ cốc tăng cao từ đầu năm 2008, đây là cơ hội để điều chỉnh lượng hàng hóa nhập khẩu. Lý do là vì cán cân xuất nhập khẩu tiếp tục chênh lệch, nhập cao hơn xuất, khiến các nhà đầu tư nước ngoài lo ngại và bán các tín phiếu đặt cọc với giá rẻ. Thêm vào đó, tỷ lệ lạm phát và lãi suất ngân hàng vẫn tiếp tục tăng cao khiến sức mua của người Đông Á giảm xuống một cách đáng kể. Có thể nói do lạm phát tăng cao và sức mua giảm xuống khiến tăng trưởng thực chất ở tất cả các nước ASEAN đều bị giảm (Việt Nam chỉ đạt từ 6,5 đến 7% trong năm nay).

Cũng nên biết từ 10 năm trước, cùng với Mỹ, cả thế giới đã thụ hưởng một thời kỳ "tăng trưởng kinh tế không lạm phát". Giới đầu cơ tài chính quốc tế đua nhau xâm nhập vào Đông Á, một vùng kinh tế năng động nhất thế giới, để truy tìm lợi nhuận nhanh chóng khiến trị giá các cổ phần và tỉ giá đồng tiền của các nước ASEAN và Trung Quốc, Ấn Độ thuộc loại cao nhất thế giới. Khi bong bóng bất động sản Mỹ bắt đầu vỡ, các nhà đầu tư nước ngoài không muốn đổ thêm vốn vào các quốc gia châu Á nữa vì cơ sở hạ tầng tại các quốc gia này còn quá yếu kém để có thể thu về lợi nhuận một cách nhanh chóng. Chính vì thế, mục đích của hội nghị ASEM lần thứ 7 này nhằm tìm ra biện pháp giải quyết cuộc khủng hoảng nội địa tại của các quốc gia Đông Á, bằng cách tạo ra nhu cầu nội địa để các nước trong vùng có thể dựa vào nhau mà phát triển như Liên Hiệp Châu Âu đã từng làm.

Một cách cụ thể, ngày 29-9-2008 chính phủ Nhật tuyên bố sẽ ký kết hiệp ước hữu nghị kinh tế (EPA) với Việt Nam và Thụy Sĩ. Nhật đã từng ký hiệp ước EPA này với 9 nước khác như

Singapore, Mexico, Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Brunei, Philippines. Những ngày tới Nhật sẽ dự định ký với Ấn Độ, Nam Hàn, Úc... Theo hiệp ước này, sau khi hiệp ước có hiệu lực trong 10 năm, các quốc gia tham gia sẽ triệt bỏ 92% thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng sản xuất chiến lược như máy móc, thép nhập từ Nhật và các mặt hàng công nghệ nhẹ, nông lâm ngư nghiệp xuất từ các quốc gia ký kết. (NM)



Từ ưu tiên xuất khẩu sang khuyến khích tiêu dùng nội địa

Để đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính và nạn suy thoái kinh tế trên toàn cầu, ngày 10-10-2008, bộ chính trị và ban thường vụ ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Trung Quốc đã đề ra hai hướng phát triển mới để tránh khủng hoảng: tư doanh hóa các xí nghiệp trung ương (tên gọi các xí

nghiệp quốc doanh lớn thuộc trung ương) và chiến lược phát triển kinh tế lấy nội nhu làm chủ đạo.

Tư doanh hóa các xí nghiệp quốc doanh là một trong những chính sách lớn của Trung Quốc, nhưng khi đưa vào thực nghiệm không một chính quyền địa phương nào thi hành một cách nghiêm chỉnh. Lý do là các chính quyền địa phương không chịu mất nguồn lợi duy nhất của mình là các xí nghiệp quốc doanh mà không được đền bù xứng đáng, trong khi các xí nghiệp quốc doanh trung ương thì không ai được đụng đến.

Cũng nên biết kế hoạch tư doanh hóa các xí nghiệp quốc doanh đã được công bố từ tháng 12-2006, theo đó đến năm 2010 Trung Quốc sẽ giảm 160 xí nghiệp quốc doanh trung ương xuống còn từ 80 đến 100 xí nghiệp. Sự giải tư này nhằm tạo ra những nhóm xí nghiệp mạnh như Nhật Bản và Nam Hàn để có thể cạnh tranh với thế giới. Tuy nhiên tính đến tháng 10-2008, nghĩa là chỉ còn hai năm nữa, số xí nghiệp quốc doanh cấp trung ương vẫn gần như nguyên vẹn: 149 xí nghiệp, nghĩa là chỉ mới giải tư được 11 xí nghiệp, 10%.

Lý do của sự trì trệ này là sự chia chác quyền lợi chưa ngã ngũ. Mục tiêu giải tư dự trù lúc đầu là rút quốc doanh ra khỏi 8 ngành trong tổng số 28 ngành, trong thực tế chỉ tư doanh hóa được 7 ngành vì sức chống đối của các đại xí nghiệp đặc quyền. Đối với các xí nghiệp không có tiềm năng tự lập cao, các ban giám đốc cố gắng duy trì chế độ quốc doanh càng lâu càng tốt, vì tất cả đều biết rằng tư doanh hóa là tự sa thải mình. Nhưng nếu cứ tiếp tục duy trì sự hiện diện của các xí nghiệp quốc doanh trên thương trường quốc tế, sự trao đổi sẽ gặp nhiều khó khăn vì nguyên tắc của WTO, mà Trung Quốc là thành viên, là không chấp nhận sự can thiệp của chính quyền vào dịch vụ trao đổi thương mại, các công ty tư nhân không thể ký kết những thỏa thuận hay hiệp ước thương mại với các chính quyền.

Thêm vào đó, với số ngoại tệ do xuất khẩu dự trữ, Bắc Kinh đang khuyến khích các xí nghiệp Trung Quốc đầu tư ra nước ngoài ("thảo xuất khẩu"). Vấn đề là hiện nay 82% vốn đầu tư ở nước ngoài của Trung Quốc thuộc các xí nghiệp trung ương, điều

này trái với nguyên tắc sinh hoạt của WTO : tất cả mọi trao đổi dân sự phải xuất phát từ tư nhân.

Trong suốt ba thập niên phát triển kinh tế với tốc độ cao, mọi cố gắng đều tập trung vào xuất khẩu để thu về ngoại tệ, Bắc Kinh không hề nghĩ tới một chính sách phòng hộ. Bị ảnh hưởng trực tiếp bởi cuộc khủng hoảng tài chính và nạn suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay, đảng cộng sản Trung Quốc mới vỡ lẽ ra rằng muốn duy trì một sự phát triển hài hòa phải tăng cường sức mua của dân chúng trong nước (nội nhu). Bắc Kinh đã ban hành một số luật lệ để chỉ đạo thực hiện.

Từ đầu năm nay các qui định ưu đãi về thuế dành các vùng đô thị ven Biển Đông (sản xuất để xuất khẩu) để tiến đến một chế độ thuế khóa đồng nhất cho mọi pháp nhân. Để kiểm soát quyền hạn quá lớn của các chính quyền địa phương, Bắc Kinh ban hành một số quy định và thuế khóa sử dụng đất đai để hạn chế nạn lạm dụng chức quyền của các quan chức địa phương. Tiếp đến là ban hành của luật lệ về hợp đồng lao động để bảo đảm tiền lương tối thiểu. Chính sách tiết kiệm nguyên liệu và bảo vệ môi trường cũng được xúc tiến, vì từ trước đến nay chính quyền vẫn thường bao cấp giá điện và xăng dầu nên chỉ những thành phần được ưu đãi mới được hưởng và tiêu xài một cách phung phí.

Với chiến lược mới này Trung Quốc sẽ biến từ một "công trường thế giới với nhân công rẻ, giá đất rẻ, thuế rẻ" thành một thị trường bình thường với một mức sống cao. Các xí nghiệp tập trung sức lao động cao như các ngành dệt, đóng giấy, chế tạo đồ chơi vốn tập trung ở châu thổ sông Chu Giang và vùng duyên hải sẽ đưa sâu vào lục địa hay chuyển ra nước ngoài. Sự di chuyển này là một quá trình không thể đảo ngược vì Bắc Kinh không thể tiếp tục che giấu sự giàu có của mình bằng cách ép giá đồng CNY (nhân dân tệ) và qui định lợi tức đầu người thấp mãi được. (NM)

Khai thác nguồn lương thực từ nước ngoài

Khác với suy nghĩ của nhiều người, điều mà giới lãnh đạo Trung Quốc sợ nhất hiện nay không phải là giá xăng dầu tăng cao hay cuộc khủng hoảng tiền tệ thế giới. Lo âu chính của Bắc Kinh là nạn thiếu lương thực trên toàn cầu có thể ảnh hưởng đến Trung Quốc trong thập niên 2010 tới.

Để tránh nạn thiếu đói xảy ra tại Trung Quốc, Bắc Kinh đang chuyển hướng từ việc thu đoạt tài nguyên thế giới bằng mọi giá về cho mình sang việc đầu tư sản xuất nông nghiệp, trồng cây lương thực và khai thác gỗ rừng tại khắp nơi trên thế giới để chuyển về Trung Quốc.

Trong tháng 5-2008 vừa qua, Bắc Kinh loan báo hai cơ chế tích cực giúp đỡ các công ty nông nghiệp của Trung Quốc được hưởng những điều kiện dễ dàng khi đầu tư vào trong nội địa hay tại châu Phi và Nam Mỹ. Các công ty nông nghiệp Trung Quốc dành ưu tiên cho những hợp đồng thuê những mảnh đất rộng lớn và trồng trọt qui mô về bắp và đậu nành. Một trong những điều kiện bắt buộc của chính sách mới này là chỉ sử dụng nhân công lao động đến từ Trung Quốc tại bất cứ nông trường nào ở nước ngoài, trong mục đích giải quyết nạn thất nghiệp tại

nông thôn ở Trung Quốc bằng cách di dân ra nước ngoài, đồng thời cũng tạo ra một lực lượng thương nhân được quyền di trú hợp pháp tại nước ngoài để làm đầu cầu tiêu thụ nguồn hàng hóa sản xuất tại lục địa và mang về ngoại tệ. Tuy nhiên, vì bất đồng văn hóa, ngôn ngữ và phong tục, số di dân này sống co cụm và biệt lập với người địa phương, điều này khiến giới truyền thông ở châu Phi gần đây bắt đầu phàn nàn về nguy cơ của chính sách xâm thực mới này của Trung Quốc có thể gây phản cảm đối với nông dân địa phương, nhất là ở những vùng đang xảy ra nạn thiếu đói. Tại châu Á, các công ty nông nghiệp của Trung Quốc đầu tư mạnh vào Myanmar và Lào, hai quốc gia còn rất nhiều vùng đất tốt chưa được khai khẩn.

Thực ra ước muốn đầu tư ra hải ngoại để bảo đảm lương thực cho dân tộc mình không phải là mới, nó đã được các chế độ thực dân tại Tây Âu thi hành hồi đầu thế kỷ 20 cách đây 100 năm. Kế đến là Saudi Arabia vào giữa thế kỷ 20 tại khắp các đất phi nhiêu tại Đông Phi, sau đó là Nhật với chính sách di dân để khai

khẩn đồn điền trồng bắp, đậu tương, cà phê ở Brasil, Argentina, Peru, Columbia trong những năm 1950-1960.

Lý do tìm đất canh tác nông nghiệp của Trung Quốc có nguyên nhân từ thời Mao Trạch Đông kéo dài cho tới ngày nay. Vì không đủ khả năng nuôi sống một dân số đông đảo, các chính quyền Trung Quốc đã không giới hạn số gia súc nuôi trong mỗi hộ dân. Kết quả là đàn dê và cừu của Trung Quốc lên đến 90 triệu con vào năm 2007, so với Hoa Kỳ cùng thời điểm chỉ có 8 triệu con, tức cao gấp 11 lần. Dê và cừu là loại gia súc có thể sinh sống dễ dàng trên những vùng đất đai nghèo khó, chúng còn là nguồn cung cấp thịt và sữa. Nhưng đàn gia súc này là một mối nguy thường trực cho môi trường, chúng có thể ăn sạch những cánh đồng cỏ và cây cỏ dại trong một thời gian kỷ lục. Bằng chứng là những nơi chăn nuôi dê và cừu đều trở thành sa mạc, một vùng lãnh thổ rộng lớn phía tây-bắc Trung Quốc, từ thượng lưu sông Hoàng Hà cho đến gần Bắc Kinh cũng thế, đang biến thành sa mạc. Thêm vào đó, tốc độ đô thị hóa của Trung Quốc tăng với cấp số nhân trong khi đất đai canh tác nông nghiệp giảm với tốc độ cộng. Thực tế nguy hiểm của Trung Quốc là dân số chiếm gần 40% dân số thế giới trong khi diện tích canh tác chỉ bằng 9% thế giới.

Để nuôi được một dân số trên 1,4 tỷ người của mình, chính quyền Bắc Kinh buộc phải lo toan đủ mọi cách. Lượng sữa cần cho dân chúng Trung Quốc năm 2000 là 5,8 triệu tấn, năm 2004 đã lên đến 22,58 triệu tấn, hiện nay là 50 triệu tấn. Hiện tượng sữa độc pha melanine chỉ là dấu hiệu đầu tiên báo động về mối lo về lương thực, thực phẩm của Trung Quốc. Thế giới sẽ còn nghe nói nhiều về những biện pháp gia tăng nguồn lương thực này trong những thập niên tới. (NM)

Thất nghiệp trầm trọng sau cuộc khủng hoảng tiền tệ

Một cách âm thầm nhưng rất qui mô, các xí nghiệp sản xuất vừa và nhỏ của Trung Quốc đua nhau phá sản. Theo ủy ban phát triển quốc gia Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2008 hơn 67 000 xí nghiệp thuộc các ngành gia công xuất khẩu ở các thành phố duyên hải Biển Đông bị phá sản, hơn 20 triệu người bị mất



công ăn việc làm. Các xí nghiệp chế tạo đồ chơi và hàng dệt tuyển dụng khoảng một ngàn người ở các tỉnh Quảng Đông, Triết Giang trong tháng 10-2008 đua nhau phá sản.

Nguyên nhân của tình trạng này nạn suy thoái kinh tế trên toàn cầu, đặc biệt là tại các quốc gia phát triển, buộc những công ty thương mại phương Tây hủy bỏ nhiều đơn đặt hàng, những công ty sản xuất gia công tư nhân nhỏ và vừa không đủ tiền để trả lương buộc phải sa thải nhân công và đóng cửa xí nghiệp. Thêm vào đó, vì hối suất đồng Yuan (nhân dân tệ) được nâng cao khiến giá thành sản xuất hàng hóa cao theo do đó khó bán vì mức sống của dân chúng các quốc gia phát triển sút giảm vì suy thoái kinh tế. Cuộc khủng hoảng trong lãnh vực tín dụng tại các nước tiến tiến Âu, Mỹ và Nhật đã làm cho nhu cầu mua hàng từ Trung Quốc từ đây cho đến cuối năm suy giảm nặng.

Từ mùa hè năm nay khủng hoảng tiến tệ Mỹ làm cho tình hình thêm trầm trọng, hy vọng được đặt nhiều hàng vào dịp Giáng Sinh từ Âu Mỹ của các xí nghiệp gia công Trung Quốc giảm hẳn so với năm ngoái làm tăng cường độ phá sản của các công ty Trung Quốc. Cũng nên biết tổng lượng xuất khẩu của Trung Quốc chiếm 37% tổng sản lượng quốc nội (GDP), đó là nơi tạo ra hơn 200 triệu công ăn việc cho những người từ nông thôn ra thành phố làm kiếm sống. Trước cuộc khủng hoảng này, mỗi năm ngành xuất khẩu tạo thêm 8 triệu công ăn việc làm. Nạn suy thoái kinh tế này là một tai họa cho giới sản xuất tại Trung Quốc nói riêng và cho giới lao động Trung Quốc nói chung. Xã hội Trung Quốc sẽ lâm vào cảnh bất ổn trong những ngày sắp tới, số thanh niên thất nghiệp có thể sẽ là mầm biến loạn trong các đô thị lớn của Trung Quốc.

Để đối phó với tình trạng suy thoái chung trên toàn thế giới, ban lãnh đạo Hồ Cẩm Đào thi hành một chính sách phát triển mới : chuyển sinh hoạt kinh tế từ xuất khẩu thu ngoại tệ sang khuyến khích tiêu dùng quốc nội để duy trì sự hài hòa của phát triển. Vấn đề là cho đến nay chưa thấy có nhúc nhích nào. Nếu tăng trưởng với tốc độ cao của Trung Quốc bị khựng lại (dự kiến năm 2008 sẽ xuống còn khoảng 9%), các cuộc biểu tình phản đối và các cuộc xuống đường bạo động của những người thất nghiệp và thiếu đói sẽ bùng lên khắp nơi, dư luận thế giới sẽ khám phá ra sự thật về xã hội Trung Quốc từ lâu vẫn bị che giấu. (KH)

Điện thoại cầm tay, một dịch vụ đang nổ bùng

Giữa lúc sinh hoạt kinh tế trong nước đang gặp khó khăn, dịch vụ điện thoại cầm tay tại Trung Quốc phát triển một cách vượt bậc. Tổng số người có điện thoại cầm tay ở Trung Quốc năm 2007 là 550 triệu người, 42% dân số. Với đà này số người có điện thoại cầm tay ngày càng tăng. Dự kiến đến năm 2010 tổng số người có điện thoại cầm tay ở Trung Quốc sẽ lên đến 738 triệu. Một cách vô thức, sống trong một xã hội bùng nổ, điện thoại cầm tay có lẽ là dụng cụ để thông tin và liên lạc một cách tự do mà người Trung Quốc nào cũng muốn sở hữu.

Thông tin là một dịch vụ rất béo bở mà chính quyền chỉ dành cho những thân tín. Hiện nay dịch vụ điện thoại chỉ được dành riêng cho 6 đại công ty quốc doanh : đứng đầu là Tổ hợp China Mobile (độc quyền về dịch vụ điện thoại cầm tay), kế đến là Tổ hợp China Unicom (độc quyền về dịch vụ điện thoại công cộng), Tổ hợp China Telecom (độc quyền về điện thoại cố định), Tổ hợp China Netcom (chuyên về Internet), Tổ hợp Trung Quốc Thiết

Thông và Tổ hợp Trung Quốc Vệ Thông (chuyên về Internet và thông tin vệ tinh).

Mỗi năm số khách hàng của tổ hợp China Mobile tăng thêm 60 triệu người, một con số mà bất cứ công ty dịch vụ nào cũng đều mơ ước. Cuối năm 2007, số người sử dụng điện thoại cầm tay của China Mobile tăng 22% so với năm trước, với tổng số 360 triệu người. Tỷ lệ thị phần điện thoại cầm tay tại Trung Quốc của tổ hợp này là 67%.

Trong năm 2007, mỗi tháng tổ hợp China Mobile bình quân có thêm từ 5 đến 6 triệu khách hàng. Qua năm 2008, chỉ riêng trong tháng 1, số khách hàng đã tăng lên 7 triệu, tháng 2 lên 8 triệu. Nói chung số khách hàng điện thoại cầm tay tại Trung Quốc chỉ có tăng chứ chưa có giảm. Đáng kể là tỷ lệ sở hữu điện thoại cầm tay vùng đô thị chiếm 19%, chỉ bằng 1/3 số người sở hữu ở vùng nông thôn. Lợi tức của China Mobile trong 6 tháng đầu năm 2008 tăng 44,7% so với năm trước, khoảng 8,3 tỷ USD, trong khi đó tỷ lệ bán điện thoại cầm tay so với năm trước cũng tăng lên 17,9%, khoảng 28,78 tỷ USD. Tổng số đầu tư vào dịch vụ điện thoại cầm tay của China Mobile lên đến 10,26 tỷ USD, ngang ngửa với tổng số tiền đầu tư của đại công ty xe hơi của Nhật là Toyota. Một phần vốn cổ phần của China Mobile được đưa lên thị trường chứng khoán Hồngkong hồi cuối tháng 9-2008, trị giá 224,77 tỷ USD. Cũng nên biết tổng trị giá cổ phần Tổ hợp Vodafone của Anh là 128,29 tỷ USD và Tổ hợp NTT Docomo của Nhật là 78 tỷ USD, ngay cả Đại công ty Toyota hiện nay cũng chỉ lên tới 162,16 tỷ USD mà thôi.

Trong tháng 5-2008, chính quyền Trung Quốc triển khai kế hoạch tái biên 6 đại công ty điện thoại hiện nay thành 3 tổng công ty nhằm tăng cường khả năng kinh doanh và cạnh tranh với thế giới. Một cách cụ thể : China Mobile thu mua công ty Trung Quốc Thiết Thông để trở thành Tổng công ty China Mobile

; China Unicom sẽ bán một phần chuyên ngành của mình cho China Mobile để sau đó sẽ kết hợp với China Netcom thành một tổng công ty mới : China

Unicom ; Tổ hợp điện thoại cố định lớn nhất là China Telecom sẽ kết hợp với Trung Quốc Vệ Thông và một phần của China Unicom để tạo ra một tổng công ty mới : China Telecom.

Cả ba tổng công ty này đều có cả hai bộ môn điện thoại cầm tay di động và điện thoại cố định và có đủ chức năng và giấy phép để đáp ứng được thị trường điện thoại 3G (thế hệ thứ 3) của thế giới. Được biết phương thức 3G của tổng công ty China Mobile là TD-SCDMA độc đáo của Trung Quốc. Sự thành công của China Mobile hiện nay là nhờ chính sách ưu đãi xí nghiệp của Trung Quốc nhưng công ty này chưa nắm vững được các bí quyết kỹ thuật cơ bản mà các đại công ty thông tin quốc tế như Nokia, Motorella, Vodafone, NTT sở hữu, nếu có sự cố kỹ thuật lớn hệ thống thông tin của Trung Quốc có thể bị sụp đổ nửa chừng.

China Mobile dự định sẽ mở rộng ra nước ngoài : thu mua công ty điện thoại di động Paktel của Pakistan (tháng 2-2007), thành lập công ty hợp doanh Joint Innovation Labo (JIL) (tháng 4-2008) để áp dụng các kỹ thuật mới về điện thoại cầm tay với tổng công ty Softbank (Nhật) và Vodafone (Anh).

Ngoài ra còn có một số công ty chế tạo điện thoại di động như Hoa Vi và Trung Hưng đang tích cực triển khai tại nước ngoài, đặc biệt ở các thị trường Trung Đông, Ấn Độ và châu Phi. (KH)



Chiến lược "lãnh thổ màu xanh lam"

Trần Kha

Chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc hiện nay đang nhắm hai hướng. Một hướng nhắm vào phát triển nhu cầu nội địa với quyết định tăng quyền sử dụng đất đai của nông dân từ 30 hécta lên 70 hécta qua Hội nghị ban chấp hành trung ương đảng cộng sản Trung Quốc ngày 10-10-2008. Một hướng khác nhắm vào việc phát triển ra đại dương qua hai chiến lược: "tiến ra nước ngoài" (thảo xuất khứ) và phát triển hải dương với tên gọi chiến lược "lãnh thổ màu xanh lam" (lam sắc quốc thổ chiến lược).

Quá trình thành hình chiến lược lãnh thổ màu xanh lam

Gần đây, trong nhiều bản báo cáo về chính sách phát triển lâu dài, cụm từ "chiến lược lãnh thổ màu xanh lam" ngày càng xuất hiện thường xuyên.

Lãnh thổ màu xanh lam là tên gọi các vùng biển và đại dương mà Trung Quốc tự cho mình có chủ quyền. Theo tính toán của Bắc Kinh, lãnh thổ màu xanh lam đó rộng khoảng 300 triệu km², nghĩa là bằng 1/3 diện tích trên đất liền của Trung Quốc.

Trong các văn kiện mới của Trung Quốc, ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc ghi rõ: "Trung Quốc có 37 vạn km² biển nội địa và 300 triệu km² lãnh hải". Như vậy, đối với Trung Quốc 300 triệu km² trên biển này là vùng nước thuộc chủ quyền kinh tế của mình, kể cả vùng thềm lục địa. Trong thực tế một nửa diện tích kể trên là vùng đang còn tranh chấp không những Đài Loan mà còn cả với Bắc Triều Tiên, Nam Hàn, Nhật Bản, Việt Nam và ba nước ASEAN khác: Malaysia, Philippines và Brunei.

Vùng biển mà Trung Quốc tự nhận có chủ quyền này bao gồm gần như trọn vẹn vùng Biển Đông Trung Hoa trên bản đồ thế giới. Nó bất chấp đường trung gian trên biển do các nước Nam Hàn, Nhật Bản và Việt Nam chủ trương.

Với xác nhận trên, Trung Quốc biện luận rằng vùng đất thiên nhiên ở vùng biển Đông Trung Hoa nếu có lấn vào sâu phía Nhật, vượt qua đường trung gian Nhật-Trung, Trung Quốc vẫn có quyền điều tra, khai thác. Trong thực tế, Trung Quốc đã không ngần ngại ra tay trước khi có tranh chấp chủ quyền với Nhật về quyền khai thác mỏ khí đốt ở vùng này.

Ước muốn khai thác hải dương của Trung Quốc thể hiện rõ trước dư luận quốc tế năm 1995 khi ông Giang Trạch Dân, lúc đó đang là tổng bí thư đảng cộng sản Trung Quốc, tuyên bố: "Quốc gia của chúng ta là một nước nội địa nhưng đồng thời cũng là một nước hải dương. Chúng ta nhận thức vấn đề hải dương một cách chiến lược và phải tăng cường ước muốn khai thác hải dương cho toàn thể dân tộc ta".

Định chế được giao trách vụ nghiên cứu chiến lược hải dương của Trung Quốc là Cục Hải Dương Quốc Gia. Trong Hội nghị kỹ thuật hải dương toàn quốc năm 2003, ông Tôn Chí Huy, cục trưởng lúc đó, nói: "Trung Quốc tuy là một quốc gia lớn về biển nhưng không phải là cường quốc hải dương" và hô hào: "Trong vòng 20 năm nữa chúng ta phải đưa Trung

Quốc lên hàng cường quốc hải dương". Lần đầu tiên cụm từ "hải dương" mới có một hạng mục riêng trong kế hoạch 5 năm lần thứ 11 (2006-2010) của Hội nghị đại biểu toàn quốc năm 2006. Kế hoạch đó ghi rõ mục tiêu "nhằm bảo vệ quyền lợi hải dương và khai thác tài nguyên hải dương". Theo báo *Hải Dương Trung Quốc*, số ngày 5-1-2007, chiến lược khai thác hải dương là một trong 10 tin quan trọng nhất của năm 2006.

Để hỗ trợ cho chiến lược cường quốc hải dương này, Trung Quốc cần có một sức mạnh quân sự áp đảo và sức mạnh này đã được tăng cường trong suốt 19 năm qua, đặc biệt là hải quân. Trước kia Cục hải dương quốc gia thuộc quyền quản lý của hải quân, năm 1980 được chuyển qua Ủy ban khoa học nhà nước nhưng vẫn giữ quan hệ mật thiết với hải quân. Trong một phát biểu nội bộ, chính chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã nêu rõ những mục tiêu mà Trung Quốc cần phải đạt được: "Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008, Hội Chợ Quốc Tế Thượng Hải 2010 và sau đó là Đài Loan". Giành ưu thế ở Đài Loan chính là bước quan trọng để Trung Quốc có thể thực hiện kế hoạch lãnh thổ màu xanh lam của mình.

Mục tiêu của chiến lược lãnh thổ màu xanh lam

Theo dự trù mục tiêu của chiến lược lãnh thổ màu xanh lam là phải đạt cho bằng được một mức lợi nhuận từ 277 tỷ USD lên 3 080 tỷ USD từ hải dương. Để thực hiện chỉ tiêu hơn ba ngàn tỷ USD của chiến lược lãnh thổ màu xanh lam này, thiết tưởng nên tìm hiểu thêm về ngành kỹ nghệ hải dương của Trung Quốc.

Dựa vào thống kê trên báo *Trung Quốc Hải Dương*, kỹ nghệ hải dương của Trung Quốc có thể được chia ra làm 12 chuyên ngành: Du lịch biển (25,6%), Ngư nghiệp và các nghề liên quan (24,6%), Giao thông vận tải (14,1%), Thuyền bè (6,2%), Điện lực: phát điện thủy triều, năng lượng mặt trời, gió... (6,2%), Dầu mỏ (6,1%), Xây dựng (2,6%), Công nghiệp gia công hóa học (2,2%), Thanh lọc nước biển (1,5%), Làm muối (0,5%), Y dược sinh học: rong biển, sứa, hải mã, rùa... (0,5%), Khoáng sản cát biển (0,1%), các ngành khác (9,8%).

Điều đáng ngạc nhiên là tổng số tiền thu được từ kỹ nghệ hải dương này của Trung Quốc lên đến 177 tỷ USD. Trong đó các ngành nuôi trồng thủy sản, khí đốt thiên nhiên từ đại dương, làm và chế tạo muối, đứng đầu thế giới. Ngành đóng tàu của Trung Quốc đứng hạng thứ ba thế giới, số thuyền bè của Trung Quốc cũng thuộc hạng 5 thế giới.

Theo dự đoán của chính quyền Trung Quốc, từ đây đến năm 2010 kỹ nghệ hải dương của Trung Quốc sẽ đạt đến qui mô 2 052 tỷ USD và đến năm 2020 dự định sẽ đạt từ 3 080 tỷ đến 3 592 tỷ USD, theo đó Trung Quốc sẽ chiếm 10% tài sản kinh tế về hải dương của thế giới. Chiến lược phát triển hải dương của Trung Quốc đặt trên cái nhìn trường kỳ này.

Các kế hoạch kỹ nghệ hải dương

Từ tháng 5-2003, quốc hội Trung Quốc đã phân phát "cương lĩnh kế hoạch phát triển kinh tế hải dương toàn quốc (từ 2001 đến 2010)" đến các khu hành chính cấp 1.

Về vùng biển, cương lĩnh này qui định như sau: "Đường bờ biển đại lục của Trung Quốc dài 15 000 km, lượng tài nguyên dầu mỏ hải dương của Trung Quốc khoảng 24 tỷ tấn, lượng tài nguyên khí đốt thiên nhiên là 14 000 tỷ m³, diện tích vịnh và biển là 3,8 triệu hécta, diện tích biển cạn đến 15 m là 124 000 km². Còn vùng chứa nhiều quặng mỏ kim loại thuộc vùng biển sâu quốc tế khoảng 75 000 km²".

Đối với ba nước láng giềng của Trung Quốc là Nam Hàn, Nhật Bản và Việt Nam có cùng quan tâm khai thác dầu mỏ, bản cương lĩnh này chủ trương như sau: "Về việc khai thác dầu mỏ và khí đốt ở vùng thềm lục địa Trung Quốc và vùng biển độc quyền của Trung Quốc, ở Hoàng Hải, Trung Quốc sẽ tiến hành điều tra, thăm tra để thăm dò và khai thác các mỏ dầu và khí đốt. Ở vùng biển Đông, Trung Quốc tăng cường công tác thăm tra, từng bước tăng lượng sản xuất. Ở vùng biển Nam, Trung Quốc mở rộng việc thăm tra và giữ vững quyền lợi hải dương của Trung Quốc".

Để cụ thể hóa quyền lợi trên ba vùng biển vừa nói, Trung Quốc phân chia các khu vực kinh tế hải dương ra làm 4 khu vực:

- Vùng 1 : bờ biển và phụ cận,
- Vùng 2 : đảo và phụ cận,
- Vùng 3 : vùng biển độc quyền và thềm lục địa,
- Vùng 4 : vùng biển sâu quốc tế.

Trong vùng 1 có khu kinh tế hải dương quanh đảo Hải Nam, vùng 2 tăng cường cơ sở vật chất bến cảng cho các vùng biển xung quanh các đảo trung tâm, xây dựng các trạm phát điện lợi dụng sức gió và thủy triều, phát triển nuôi trồng thủy sản, biến nước biển thành nước lợ, biến các vùng hải đảo san hô thành nơi sinh sống được. Riêng vùng 3, Trung Quốc định xúc tiến ngư nghiệp, khai thác dầu mỏ và khí đốt. Về vùng 4 biển sâu quốc tế : Trung Quốc sẽ tiếp tục mở rộng việc thăm tra độ sâu của biển, phát triển kỹ thuật biển sâu vào những thời điểm thích hợp nhất. Kể từ đây Trung Quốc sẽ dồn mọi nỗ lực vào việc xác định các khu vực có mỏ chứa kim loại, cobalt..., đồng thời nghiên cứu và khai thác kỹ thuật di truyền sinh vật, nước ngọt dưới đáy biển.

Nhìn cách phát triển cương lĩnh xây dựng cường quốc hải dương này của Trung Quốc, người ta thấy quyết tâm mạnh mẽ của giới lãnh đạo hiện nay. Đối với các nhà lãnh đạo còn mang nặng tư tưởng cổ truyền Trung Hoa, nghĩa là còn mang nặng quan niệm về vùng "biên cương chiến lược", đây là một khái niệm biên cương mới : một biên cương chiến lược vượt qua "biên cương địa lý" (biên giới). Đây là sự triển khai của chủ thuyết "không gian sinh tồn mới", nó đặt nặng trên uy tín và sức mạnh quân sự của Trung Quốc : tùy theo sức mạnh tăng hay giảm của Trung Quốc mà vùng biên cương chiến lược này có thể mở rộng hay thu hẹp. Khi biên cương chiến lược này được mở rộng, trên thực tế biên cương địa lý cũng được mở rộng theo.

Để đạt được chỉ tiêu này, sức mạnh quân sự và sức mạnh tổng hợp về kinh tế, tài chính của Trung Quốc phải được tăng

cường là điều cần thiết. Trong thế kỷ 21 này, Trung Quốc dự định sẽ mở rộng biên giới hải dương màu xanh lam đến vùng lãnh hải 3 triệu hecta trên toàn biển Đông Trung Quốc.

Theo dự đoán của giới quan sát quốc tế, sau Hội Chợ Quốc Tế Thượng Hải 2010, Bắc Kinh có thể sẽ liêu lĩnh tấn công Đài Loan để thống nhất đất nước vào năm 2012 (năm bầu cử tổng thống Mỹ). Hoa Kỳ có ngăn được hành động liêu lĩnh này hay không còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, đặc biệt là các nước Đông Á (Nam Hàn, Bắc Triều Tiên, Nhật Bản và các quốc gia ASEAN).

Phải vào hang cọp mới bắt được cọp con

Dù biết chiến lược lâu dài của Bắc Kinh là như vậy nhưng trong Hội nghị Á Âu (ASEM) 2008 tổ chức tại Bắc Kinh cuối tháng 10-2008 vừa qua, ban lãnh đạo đảng cộng sản Trung Quốc đã tỏ ra hòa hoãn với cả Nhật Bản lẫn Nam Hàn.

Từ cuộc hội đàm thượng đỉnh Nhật-Trung cuối tháng 12-2007 đến chuyến viếng thăm Nhật Bản tháng 5-2008 của chủ tịch Hồ Cẩm Đào, Bắc Kinh đã đồng ý cùng khai thác khí đốt ở hai mỏ nằm ngay trên đường trung gian của biển giữa hai nước, phía đông Trung Quốc và phía nam Nhật. Việc tổng công ty dầu hải dương Teikoku của Nhật được tự do đưa nhân viên và kỹ thuật vào khai thác hai mỏ khí đốt Shirahaba và Asunaro là một nhượng bộ lớn của Trung Quốc đối với cường quốc kinh tế Đông Á có kỹ thuật cao về chế tạo dầu và tiết kiệm năng lượng. Nhật Bản có thể là một chuyển hướng thực hiện của chiến lược lãnh thổ màu xanh lam của Trung Quốc để cùng có lợi lâu dài ở vùng Đông Á.

Đối với Triều Tiên, sự gặp gỡ giữa hai lãnh tụ Nam Hàn và Bắc Triều Tiên cuối tháng 9-2007 vừa qua về quyền lợi của hai nước trên ranh giới vùng biển phía tây Triều Tiên (tức vùng tiếp giáp với Hoàng Hải của Trung Quốc) cho thấy các nhà lãnh đạo ở bán đảo Triều Tiên sẽ không dễ dàng nhượng bộ khi Trung Quốc định xâm lấn vùng biển giàu tài nguyên của hai nước này. Nhất là cùng với việc Mỹ loại bỏ Bắc Triều Tiên ra khỏi danh sách các nhà nước khủng bố hồi trung tuần tháng 10-2007 cho thấy việc Bắc Triều Tiên hợp tác với Hội nghị 6 nước về Bắc Triều Tiên đã kéo theo sự hợp tác của Mỹ, Nhật và Nam Hàn vào vùng này khiến Trung Quốc không thể thực hiện bá quyền một mình được.

Còn đối với Việt Nam, từ một thái độ bị động khi bị Trung Quốc lấn chiếm các hải đảo trên Biển Đông có thể đổi qua một thái độ tích cực hợp tác để hiểu rõ nhau hơn. Chẳng hạn như việc hợp tác khai thác kinh tế giữa đảo Hải Nam và đảo Phú Lâm thuộc Hoàng Sa, các công ty có kỹ thuật cao cấp về pin mặt trời hay lọc nước ngọt từ biển của Đại học công nghiệp Phú Thọ (Sài Gòn) có thể thảo xuất khứ sang Trung Quốc. Ngược lại giới đầu tư Hải Nam cũng có thể sang Việt Nam đầu tư khai thác cát biển và chế biến ngư sản. Dân chúng đảo Hải Nam có trình độ học vấn cao và có tinh thần cởi mở hơn người lục địa có thể sẽ có một tinh thần hợp tác cởi mở hơn với các dân tộc xung quanh như Đài Loan, Việt Nam. Khi mằm tan vỡ của Trung Quốc chiếm lĩnh lục địa, người Hải Nam có thể vào Việt Nam để lánh nạn và trở về quê quán khi thái bình trở lại. Phải dám vào hang cọp mới bắt được cọp con.

Trần Kha (Sagamihara)

Những gì sẽ đến sau cuộc khủng hoảng này ?

Nguyễn Gia Kiểng

Chúng ta đang sống một trong những cuộc khủng hoảng kinh tế lớn nhất trong lịch sử thế giới mà có thể nhiều thế hệ mai sau sẽ không được biết.

Nhiều chuyên gia nói rằng đây là cuộc khủng hoảng lớn nhất từ 1929. Sự so sánh này hơi khập khiểng. Cuộc khủng hoảng 1929-1932 đã dữ dội và gây nhiều thảm kịch bởi vì nó không được dự trù, các cơ cấu tài chính còn quá sơ sài và các chính phủ, đặc biệt là Hoa Kỳ, đã không phản ứng thích đáng và kịp thời. Và nó cũng chỉ giới hạn trong một số nước phát triển, chủ yếu là Hoa Kỳ và Tây Âu. Cuộc khủng hoảng hiện nay lớn hơn và phức tạp hơn nhiều. Nó đã tới mặc dù người ta đã biết trước và cố gắng ngăn ngừa, nó tiếp tục gia tăng mặc dầu những biện pháp cứu nguy rất quả quyết, và lan ra khắp thế giới. Sự khác biệt cơ bản giữa hai trường hợp là năm 1929 thế giới đã lâm vào khủng hoảng vì tổ chức tài chính quá sơ sài, lần này lý do ngược lại là vì tổ chức tài chính quá phức tạp. Điểm giống nhau là cả hai cuộc khủng hoảng đều đòi xét lại một cách sâu rộng các cơ cấu và các quan hệ trong và giữa các quốc gia.

Điều nổi bật là tất cả những nhân vật có uy tín và có thẩm quyền trên thế giới đều đã lâm. Từ hơn hai năm nay họ đã thấy có nguy cơ khủng hoảng và đều nói là cần những biện pháp để kinh tế có thể "hạ cánh an toàn", nhưng họ đều đồng ý là khó khăn sẽ được vượt qua. Sau này khi cuộc khủng hoảng đã thực sự lộ dạng họ đều khẳng định là nó sẽ được khắc phục nhanh chóng. Họ là những chuyên gia kinh tế tài chính lừng danh, những giáo sư các trường đại học đầy uy tín, những chủ tịch tổng giám đốc các công ty, ngân hàng, định chế tài chính lớn, bộ trưởng tài chính các nước lớn. Họ không những uyên bác mà còn có kinh nghiệm và mọi phương tiện để nắm vững tình hình. Nếu những nhân vật "không thể sai" như vậy mà đều nhận định sai, nhiều khi sai hoàn toàn, thì phải kết luận rằng cuộc khủng hoảng này không phải chỉ là một cuộc khủng hoảng tài chính, ngay cả một cuộc khủng hoảng kinh tế, mà có nguyên do sâu xa hơn nhiều.

Cuộc khủng hoảng này có chứng tỏ sự phá sản của chủ thuyết kinh tế tự do không ? Chắc chắn là không nếu ta hiểu chủ nghĩa kinh tế tự do một cách đúng đắn như nó phải được hiểu. Đó là một cách tổ chức sinh hoạt kinh tế trong đó nhà nước không kinh doanh, không làm chủ những ngân hàng, công ty may, khách sạn v.v., không quyết định các công ty phải sản xuất

"Chúng ta sẽ lấy thị trường trong nước làm bàn đạp để tiến lên. Với 80 triệu dân, nước ta là một thị trường rất lớn và sự trao đổi giữa những người Việt Nam với nhau tự nó đã là một động cơ kinh tế vô cùng quan trọng. Trong bất cứ một nền kinh tế nào, ngay cả trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, trừ trường hợp rất đặc biệt của các nước xuất khẩu dầu lửa, thị trường nội địa bao giờ cũng quan trọng hơn hoạt động xuất nhập cảng.

(...) một mức độ tăng trưởng 5% của tổng sản lượng quốc gia với những hệ thống giáo dục và y tế hoàn chỉnh, môi trường thiên nhiên được bảo vệ và cải thiện, lợi tức được phân chia tương đối đồng đều, phải được đánh giá là tốt hơn nhiều lần một tăng trưởng 15% trong đó mọi vấn đề văn hóa, xã hội và môi sinh bị bỏ rơi".

(Thành Công Thế Kỷ 21,
Dự án chính trị của THĐCĐN, 2001)

những gì, sản xuất bao nhiêu và bán với giá nào ; vai trò của nhà nước là ấn định luật chơi, bảo đảm sự tôn trọng luật pháp, trọng tài những tranh tụng và chế tài những sai phạm ; nó hoàn toàn không có nghĩa là nhà nước phải để mặc ai muốn làm gì thì làm. Vai trò qui định và kiểm soát của nhà nước là yếu tố cốt lõi trong một nền kinh tế thị trường : qui định thể nào để đừng tạo ra mâu thuẫn và có thể áp dụng được, để đừng trói tay doanh nhân mà vẫn ngăn chặn được những thái quá và những bất công. Tự do đi lại không có nghĩa là không có luật đi đường.

Nguyên nhân trực tiếp của cuộc khủng hoảng này, một mặt là sự thiếu cảnh giác với các sản phẩm tài chính (financial products, produits financiers) được tung ra một cách bừa bãi hầu như không có kiểm soát. Mặt khác, nó cũng là chính sách kích thích tăng trưởng bằng tiêu thụ quá lạm quan của các chính quyền Mỹ từ thời tổng thống Clinton. Đây là sai lầm của con người chứ không phải của hệ thống.

Tôi đang ở Mỹ trung tuần tháng 7 vừa qua khi cuộc khủng hoảng đột ngột trở thành trầm trọng với sự phá sản của hai ngân hàng Freddie Mac và Fannie Mae, hai ngân hàng chiết khấu - nghĩa là những ngân hàng mà vai trò chính là mua lại những khoản cho vay của các ngân hàng thương mại khi các ngân hàng này thiếu tiền mặt - giữ trong tay một nửa tổng số tín dụng nhà đất của Mỹ. Chính phủ Mỹ đã phải can thiệp bằng cách bảo trợ cho các ngân hàng này. Đây là biện pháp can thiệp chưa từng có và không tưởng tượng được vài tuần trước đó ở Mỹ (và sẽ còn được tiếp theo bởi những biện pháp can thiệp mạnh mẽ hơn). Một người bạn hỏi tôi có nên tin tưởng ở chủ nghĩa kinh tế tự do nữa hay không ? Vấn đề là hai ngân hàng Freddie Mac và Fannie Mae đã là những ngoại lệ tại Mỹ, chúng do nhà nước thành lập ra và bảo trợ và chúng đã góp phần quyết định tạo ra chiếc bong bóng subprime. Chính quyền liên bang Mỹ đã phải can thiệp để sửa chữa một sai lầm trước đó là lập ra và lạm dụng hai ngân hàng này. Chính quyền Clinton đã sử dụng hai ngân hàng này như một vũ khí chiến lược của



chính sách tăng trưởng. Các ngân hàng thương mại được khuyến khích cho công chúng vay tối đa để mua nhà vì một huyền thoại về xây cất : khi ngành xây dựng phát đạt thì mọi ngành đều phát đạt, xây nhà cần rất nhiều vật liệu và khi có nhà mới người ta sẽ mua xe hơi mới, tivi mới v.v. Có cả những nghiên cứu kết luận rằng một khi có nhà người ta sẽ yêu nước hơn và ứng xử có trách nhiệm hơn. Tất cả những nhận xét này đều đúng cả, nhưng chúng chỉ đúng trong chừng mực mà các ngành khác theo kịp. Xây dựng đã được sử dụng như một thuốc kích thích cho kinh tế Mỹ dưới chính quyền Clinton và rất được lòng dân, chính quyền Bush đã không dám đảo ngược khuynh hướng này. Nhưng cũng như trong thể thao có một lúc mà cơ thể không chịu đựng nổi thuốc kích thích nữa. Để tiếp tục, người ta dùng những thủ thuật mà một người bình thường cũng phải thấy là phiêu lưu : cho vay không cần bảo đảm có khả năng hoàn trả, cho vay với lãi suất điều chỉnh theo thời gian, và cho vay thêm nữa theo thời giá của căn nhà. Nói một cách giản dị : anh không có tiền và thu nhập cũng không cao, nhưng tôi vẫn cho anh vay tiền để mua nhà với lãi suất ban đầu thật thấp, có thể cho anh hoãn trả tiền trong một hai năm đầu, rồi sau đó anh sẽ bắt đầu trả tiền vay với lãi suất ngày càng cao. Cách làm ăn này chỉ có thể tiếp tục với hai điều kiện : một là lợi tức của người vay, nghĩa là đa số dân chúng, tiếp tục gia tăng nhanh chóng ; hai là giá nhà đất tiếp tục gia tăng. Cả hai điều kiện này đều không thể có một cách lâu dài. Nhưng không sao, đã có sáng kiến credit default swaps (chuyển nhượng rủi ro nợ mất) để các ngân hàng đầu tư - như Bear Stearns, Lehman Brothers v.v. và dĩ nhiên Fannie và Freddie - lãnh nợ giùm. Và cuộc vui cứ tiếp tục. Cho đến khi mà chính các ngân hàng đầu tư cũng đứng trước nguy cơ phá sản chắc chắn.

Tài chính cho đến một ngày gần đây vẫn được coi là một môn dễ học, lương khá và công việc bảo đảm nhưng không được sinh viên ưa chuộng vì hơi tẻ nhạt. Sự thật trọng là cốt lõi của nó. Từ hơn mười năm qua tình thế đảo ngược hẳn, tài chính trở thành một hoạt động phiêu lưu. Các sinh viên tốt nghiệp những trường đại học danh tiếng được trả lương rất cao để phát minh và sử dụng những công thức toán học phức tạp trong thị trường chứng khoán. Một bộ môn trở thành thời thượng : môn toán tài chính (financial maths, mathématiques financières). Công việc của họ, ngoài việc theo dõi những biểu đồ thống kê để mua hoặc bán cổ phiếu, là chế tạo sản phẩm tài chính như các phó sản (derivatives, produits dérivés), hay tích sản hóa (securitization, titrisation) các khoản nợ và đem bán trên thị trường chứng khoán giống như những cổ phiếu.

Đàng sau những từ ngữ chuyên môn có vẻ huyền bí này chẳng có gì là cao siêu. Những phát minh tài chính này hoàn toàn không chứa đựng một ý kiến mới nào về kinh tế, và về toán chúng cũng chỉ ở mức độ rất thấp. Chúng chỉ phức tạp vì có nhiều tính toán nhưng trong nguyên tắc chúng rất sơ sài. Các derivatives chủ yếu là cờ bạc, là đánh cuộc trên một diễn biến nào đó, thí dụ như cổ phiếu của Microsoft sẽ tăng (hay giảm) 10% trong ba tháng sắp tới ; chúng có công dụng kinh tế, thí dụ như các options có thể sử dụng để giới hạn rủi ro đầu tư, nhưng chúng đã bị sử dụng ngoài mục đích ban đầu. Securitization có mục đích sau cùng là đem bán những khoản cho vay của các ngân hàng cho một công chúng không đủ thông tin để biết các khoản cho vay đó rủi ro đến mức nào.

Từ nhiều năm nay các hoạt động gọi là "tài chính đầu tư" này hoàn toàn không có ích lợi cho sinh hoạt kinh tế và cho xã hội



cả, dù chúng huy động những thanh niên xuất sắc nhất. Sự thiếu cảnh giác hoặc thiếu trách nhiệm của các cấp lãnh đạo chính trị và các định chế tài chính đã khiến các sản phẩm tài chính này phát triển một cách không tưởng tượng nổi. Trong số những người đáng bị phê phán phải kể Bill Clinton và Alan Greenspan. Clinton và bộ tham mưu kinh tế đã quá tin tưởng hoặc, đúng hơn, đã quá lạm dụng, khả năng lôi kéo của ngành xây cất. Họ đã làm tất cả để khuyến khích tín dụng nhà đất. Hai ngân hàng Freddie và Fannie, do nhà nước giám sát, đã bảo lãnh một cách dễ dãi mọi khoản cho vay nhà đất của các ngân hàng thương mại. Freddie và Fannie kéo theo các ngân hàng đầu tư khác, và trái bóng bóng đầu cơ nhà đất cứ phình lên. Sau đó đầu cơ lan ra mọi ngành. Sự bành trướng của nó càng nhanh nhờ những máy tính hiện đại và mạng Internet. Người ta thường trách Alan Greenspan đã giữ lãi suất cơ bản quá lâu ở mức độ thấp nhưng sai lầm nghiêm trọng nhất của ông là đã bảo vệ tối đa các sản phẩm tài chính nguy hiểm, chống lại những khuyến cáo của những nhà kinh tế thận trọng. Năm 2000 ông đã dùng uy tín rất lớn của mình để thuyết phục quốc hội Mỹ ra một đạo luật cấm mọi ngăn cấm đối với các derivatives. Được hỗ trợ bởi mạng Internet, các "sản phẩm" này, mà nhà đầu tư chúng khoán lớn nhất thế giới Warren Buffet gọi là "các vũ khí giết người hàng loạt", phát triển một cách không tưởng tượng nổi.

Một vài con số : tổng số các derivatives lên tới gần 700.000 tỷ USD, hơn 12 lần tổng sản lượng kinh tế thế giới, nghĩa là tổng sản lượng của tất cả các quốc gia cộng lại. Tổng số các trao đổi tài chính lên tới trên hai triệu tỷ USD, cao gấp 45 lần tổng số các thanh toán sản phẩm và dịch vụ trên thế giới, nghĩa là các trao đổi của kinh tế thực. Nếu nhìn sát hơn thì trong những con số kinh khủng này - 700.000 tỷ USD và 2.000.000 tỷ USD - chỉ có một phần thực sự đe dọa sinh hoạt kinh tế, các derivatives nguy hiểm "chỉ" ở mức 15.000 tỷ USD nhưng cũng cao hơn tổng sản lượng (GDP) của Hoa Kỳ, các credit default swaps "chỉ" ở mức 55.000 tỷ USD nhưng cũng cao hơn tổng sản lượng của cả thế giới.

Tài chính thế giới tách rời khỏi hoạt động kinh tế và trở thành không hiểu nổi, ngay cả cho các chuyên gia và các cấp lãnh đạo. Mỗi lần họ tuyên bố báo cáo đã qua thì một cơn bão mới, mạnh hơn, lại ập đến. Họ thở phào nhẹ nhõm khi các chính quyền Mỹ và Châu Âu đưa ra những biện pháp cứu vãn mạnh mẽ, nhưng rồi khủng hoảng tài chính vẫn tiếp tục, lan rộng và trở thành khủng hoảng kinh tế vì một phần xạ tâm lý : người ta hành động dựa trên dự đoán kinh tế sẽ suy thoái. Và chúng ta đi vào vòng xoắn độc hại của khủng hoảng.

Một cách tự nhiên người ta đặt câu hỏi phải xét lại và cải

tổ những gì ? Nhưng đừng nên quên là không thể quyết định những biện pháp cải tổ đúng đắn nào giữa cơn khủng hoảng. Phải chữa cháy trước đã rồi sau đó mới có thể cải tổ, cũng như khi cháy nhà thì phải chữa lửa trước khi xét lại kiến trúc căn nhà. Không thể khác. Chúng ta đều đã thấy là các chính quyền đều đã phải làm những gì đã bị coi là nguyên nhân gây ra khủng hoảng, thí dụ như mọi người đều đồng ý rằng việc duy trì lãi xuất cơ bản quá thấp đã tạo ra trái bong bóng subprime, nhưng các ngân hàng trung ương đã làm gì ? Họ đã phải hạ lãi xuất hai lần trong thời gian không đầy một tháng. Chữa cháy đã, xét lại sau.

Và nếu xét lại một cách bình tĩnh thì cuộc khủng hoảng mà chúng ta đang sống không phải là do sai lầm của hệ thống mà là do sai lầm của con người. Kiến trúc căn nhà không sai nhưng người ta đã nấu ăn một cách không thận trọng và gây hỏa hoạn. Đây là một sai lầm trong cách sinh hoạt, điều cần xét lại là cái văn hóa kinh tế đã bị xuống cấp trong hơn hai thập niên qua. Sau cơn khủng hoảng này, mà những hậu quả tai hại sẽ còn kéo dài, người ta sẽ khám phá lại là chủ thuyết kinh tế tự do phải đặt nền tảng trên những qui luật chính xác và nghiêm khắc. Điều này là hiển nhiên, người ta đã chỉ quên đi trong một lúc tâm thần không bình thường. Không gì vô lý bằng việc không kiểm soát các sản phẩm tài chính nguy hiểm. Một viện bào chế muốn đưa ra thị trường một dược phẩm mới phải trình một cơ quan kiểm soát để bảo đảm dược phẩm không độc hại ; ngay cả một ống nước muốn bán trên thị trường xây cất cũng phải qua kiểm soát để bảo đảm hợp tiêu chuẩn. Tại sao những sản phẩm tài chính lại không có kiểm soát ?

Sau một vài tuần xôn xao chỉ còn rất ít người nói về những cải tổ cần thiết bởi vì chúng khá hiển nhiên : chỉ cho vay những người có khả năng hoàn trả, chỉ được lấy những rủi ro vừa phải ; các ngân hàng thương mại chỉ được cho vay tới một tỷ lệ nào đó của tiền gửi, các công ty bảo hiểm tín dụng không thể cũng đồng thời là chủ nhân các ngân hàng thương mại mà mình nhận bảo hiểm tín dụng (nếu không thì cũng không khác gì mình bảo hiểm cho chính mình), các ngân hàng đầu tư và chiết khấu có vai trò cung cấp thanh khoản chứ không có chức năng nhận lãnh giùm rủi ro của những món nợ phiêu lưu ; sự chuyển nhượng nguy cơ mất nợ phải được xét trong từng trường hợp ; việc tích sản hóa các khoản nợ phải theo những tiêu chuẩn minh bạch để một công dân Nhật không vô tình trở thành chủ một món nợ do một ngân hàng Mỹ cho vay một cách thiếu thận trọng v.v. Nói chung, đó chỉ là sự áp dụng đúng đắn những kiến thức kinh tế cơ bản.

Sự tái lập trật tự này cần thiết cho kinh tế, để tránh những tai họa như thế giới đang phải chịu đựng nhưng cũng để đem tài chính về vai trò thực - nghĩa là khiêm tốn - của nó và để sử dụng đúng chỗ những chất xám quý hiếm. Quá nhiều thanh niên ưu tú với kiến thức khoa học cao bị lợi nhuận lôi kéo vào ngành tài chính ngân hàng để làm những chuyện vô bổ, họ cần được trả lại cho hoạt động kinh tế, kỹ thuật, khảo cứu. Nó cũng cần thiết về mặt triết lý chính trị. Sự hống hách của tài chính là một xúc phạm đối với dân chủ. Câu hỏi nền tảng đặt ra từ ngàn xưa là "ai lãnh đạo ?". Các chế độ quân chủ và chuyên chính trả lời "kẻ có bạo lực lãnh đạo !". Platon trả lời "kẻ xứng đáng nhất lãnh đạo !", nhưng những kẻ có bạo lực cũng có thể tự xưng là xứng đáng nhất. Trong dân chủ người lãnh đạo do dân bầu ra, nhưng những quyết định tài chính quan trọng có ảnh hưởng lớn đến đời sống dân chúng lại thuộc những ngân hàng trung ương hoạt

động một cách độc lập với chính quyền, tài chính gần như do các chuyên gia lãnh đạo theo quan điểm của Platon. Đây là một điểm lấn cấn chưa có giải đáp của các chế độ dân chủ và khi tài chính trở thành quá áp đảo thì sự lấn cấn càng nhức nhối hơn.

Cuộc khủng hoảng này có gốc rễ từ một văn hóa kinh tế sai. Sai lầm quan trọng nhất cần được xét lại là sự phân công vô lý vai trò của các quốc gia, theo đó các nước giàu có vai trò tiêu thụ còn các nước nghèo có nhiệm vụ sản xuất hàng hóa và nếu cần cho các nước giàu vay tiền để họ mua sản phẩm của mình. Hàng hóa không được tiêu thụ ở nước sản xuất ra chúng và người nghèo cho người giàu vay tiền. Tình trạng này không khác bao nhiêu so với chế độ thực dân trước đây, điều khác là thực dân không cần sang thuộc địa để bóc lột. Mô hình này sai cả về kinh tế lẫn đạo đức. Về mặt kinh tế, nó bỏ lơ thị trường nội địa tại các nước đang phát triển. Đây là một sai lầm lớn. Xây dựng thị trường nội địa đòi hỏi một cố gắng lớn nhưng là điều kiện bắt buộc cho một phát triển lành mạnh ; thị trường nội địa vừa là kho trái độn để đương đầu với những biến thiên đột ngột trên thị trường thế giới vừa là nơi thử nghiệm cho hàng xuất khẩu. Vả lại, các nước giàu cũng không thể vay tiền các nước nghèo để tiêu thụ mãi được. Về mặt đạo đức nó biến công nhân các nước nghèo thành những người nô lệ mới, làm ra các thực phẩm ngon mà họ không được ăn, may những quần áo đẹp mà họ không được mặc. Như mọi chính sách vô lý, chính sách hướng ngoại này không hề được thảo luận một cách nghiêm chỉnh, nó là một thực trạng hình thành với thời gian, hậu quả của cái nhìn ngắn hạn và sự coi thường con người. Và tại sao các chế độ độc tài không phát triển thị trường nội địa ? Đó là vì sự phát triển kinh tế nội địa tăng cường sức mạnh của người dân và xã hội dân sự và đe dọa các chế độ độc tài. Chúng muốn xã hội dân sự yếu để không có sức đề kháng. Và khi ngay cả con người đã bị khinh thường thì môi trường còn được nể nang gì ? Các chế độ đặt trọng tâm vào xuất khẩu đều là những thảm kịch cho môi trường.

Sở dĩ mô hình quái đản này không bị lên án là vì trong vài thập niên qua thế giới đã quá đề cao tăng trưởng kinh tế, lấn lộn tăng trưởng với phát triển, lấy lượng thay cho phẩm, lấy phương tiện làm cứu cánh. Chính vì thế Trung Quốc đã được nhìn



với sự thán phục vì tăng trưởng trên 10% mặc dù nhân quyền bị vi phạm một cách rất thô bạo và môi trường bị tàn phá một cách khủng khiếp. Cuộc khủng hoảng này buộc thế giới xét lại triết lý phát triển. Tỷ lệ tăng trưởng không phải là tất cả, cũng không phải là điều quan trọng nhất. Một tăng trưởng 5% mỗi năm trong đó con người, xã hội và môi trường được tôn trọng phải được coi là nhiều lần tốt hơn một tăng trưởng hoang dại 15%.

Một nguyên nhân quan trọng khác đã đóng góp đưa đến cuộc khủng hoảng này là trào lưu toàn cầu hóa đã không đi đôi với sự hình thành của một lãnh đạo chung cho cả thế giới. Liên Hiệp Quốc không đảm nhiệm được vai trò này vì nó phải đảm nhiệm một vai trò cần thiết khác : làm nơi gặp gỡ và thảo luận cho mọi nước bất kể chế độ chính trị. Hoa Kỳ do sức mạnh kinh tế và quân sự trở thành nước lãnh đạo thế giới một cách tự nhiên, nhưng vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ chỉ được chấp nhận một cách rất miễn cưỡng và chính Hoa Kỳ cũng không quan tâm tới thế giới, trừ khi bị bắt buộc. Các cấp lãnh đạo dân cử của Hoa Kỳ hầu như chỉ được chọn lựa trên những issues thuần túy nội bộ. Sự hiểu biết về thế giới của các chính trị gia Mỹ, trừ một vài ngoại lệ rất hiếm hoi, không bằng một sinh viên đại học năm thứ nhất về sử địa. Ở một khía cạnh sự thành công của xã hội Mỹ chứng tỏ phúc lợi ghê gớm của dân chủ : không có dân chủ thì một nước như Hoa Kỳ không thể hơn Mexico và cũng chưa chắc đã tồn tại được. Sự thiếu vắng lãnh đạo càng rõ rệt trong sinh hoạt kinh tế, nhất là gần đây khi trọng lượng kinh tế tương đối của Hoa Kỳ sút giảm trên thế giới. Ngân hàng trung ương Mỹ thay đổi lãi suất một cách đơn phương không cần biết ý kiến của các quốc gia khác, và khi Mỹ cắt lãi suất thì Châu Âu không theo mà còn phản đối gián tiếp bằng cách bày tỏ lo âu về nguy cơ lạm phát. Những lúng túng đó dần dần tạo ra niềm tin là kinh tế thế giới không lành mạnh và khi cuộc khủng hoảng xảy ra nó đã gây hốt hoảng. Thế giới thực sự cần một lãnh đạo chung, ít nhất một ngân hàng thế giới đúng nghĩa. Điều này cũng không có gì là cao siêu.

Nhiều người đã nghĩ hơi vội là cuộc khủng hoảng này chứng tỏ chủ nghĩa kinh tế tự do đã phá sản và cần được xét lại. Thực ra cái đã phá sản và cần được xét lại là "chủ nghĩa kinh tế tự do mới" (neo-liberalism). Xét lại để trở về với chủ nghĩa kinh tế tự do đúng nghĩa, như nó đã được giảng dạy. Một nhận xét : cái gọi là "chủ nghĩa kinh tế tự do mới" thực ra không phải là một lý thuyết. Nó chưa bao giờ được trình bày một cách có hệ thống, nó chỉ là tên gọi của một sự áp dụng phóng đại của chủ nghĩa kinh tế tự do.

Thế giới sẽ ra sao sau cuộc khủng hoảng này ?

Chúng ta có thể yên tâm là sẽ không có những hậu quả nghiêm trọng như cuộc khủng hoảng 1929-1932. Chúng ta không lo sợ nhiều dân tộc bị lâm vào đói khổ cùng cực, mất lòng tin vào tự do dân chủ và bị cám dỗ bởi các chủ thuyết cực đoan phát-xít, nazi, cộng sản. Những thảm kịch đó đã xảy ra và dẫn đến thế chiến II vì các chính quyền đã không có phản ứng phối hợp thích đáng. Lần này các nước giàu mạnh đã bén nhạy và sáng suốt hơn nhiều và thế giới cũng đã tiến bộ hơn nhiều so với thập niên 1930. Chắc chắn là sẽ có nhiều khó khăn nhưng thế giới cũng sẽ rút được nhiều bài học quý báu. Kinh tế và tài chính sẽ được quản lý một cách chừng mực và hợp lý hơn, trào lưu toàn cầu hóa sẽ lành mạnh hơn.

Còn Việt Nam ?

Mới cách đây vài tuần vẫn còn có những chuyên gia và các cấp lãnh đạo cho rằng các nước đang tăng trưởng sẽ không bị ảnh hưởng nhiều vì cuộc khủng hoảng này và hơn nữa còn có triển vọng tiếp tay giúp các nước giàu mạnh sớm ra khỏi khủng hoảng. Thực tế đã chứng tỏ họ lầm to. Cuộc khủng hoảng đã không giới hạn ở Hoa Kỳ, Châu Âu và Nhật. Các nước đang tăng trưởng còn khốn đốn hơn, các thị trường chứng khoán của họ suy sụp nặng hơn. Không thể khác được, họ quá lệ thuộc vào thị trường các nước phát triển trong một tương quan lực lượng quá chênh lệch. Hiệu ứng nhân rất nguy hiểm cho họ trong giai đoạn khủng hoảng. Khi nhập khẩu ở các nước giàu giảm 1% thì xuất khẩu ở các nước đang tăng trưởng có thể giảm 10% hay hơn nữa. Trong lúc này ít ai còn cho vay, phần lớn các công ty đa quốc gia đều thiếu thanh khoản và bị bắt buộc phải rút vốn về, giảm thiểu, bãi bỏ hay hoãn lại các dự án đầu tư. Với hiệu ứng nhân, một mức độ triệt thoái nhỏ của các nước giàu cũng có thể là một thảm kịch đối với các nước nghèo. Các nước đang tăng trưởng thiếu dự trữ tiền mặt, nợ nhiều, lệ thuộc nhiều vào đầu tư nước ngoài sẽ là những nước khốn đốn nhất. Đây là tình trạng của Việt Nam. Khác với Trung Quốc, Việt Nam tuy cũng đặt trọng tâm vào xuất khẩu nhưng lại nhập siêu. Cán cân thương mại của Việt Nam luôn luôn thâm thủng và mức độ thâm thủng ngày càng nghiêm trọng hơn. Chúng ta phải chờ đợi những ngày sắp tới rất vất vả. Toàn dân sẽ phải trả giá đắt cho sự thiếu cận của những người lãnh đạo.

Và cuộc đấu tranh cho dân chủ sẽ ra sao ? Có người nói rằng phong trào dân chủ sẽ gặp khó khăn bởi vì Hoa Kỳ, cường quốc quan tâm nhất tới dân chủ và nhân quyền, đang bối rối cứu nguy cho chính mình và cũng không còn tư cách để cho các nước khác những bài học sau những gì vừa xảy ra. Các nước phương Tây khác vốn đã chẳng quan tâm gì mấy sẽ lại càng ít quan tâm hơn trong giai đoạn này. Tôi không thể chia sẻ quan điểm này. Chẳng bao giờ có chuyện Hoa Kỳ, hay phương Tây nói chung, áp đặt dân chủ trên một nước khác cả. Dân chủ hóa là một vấn đề nội bộ của mỗi quốc gia và chủ yếu tùy thuộc vào cố gắng, quyết tâm và hy sinh của từng dân tộc. Không ai đem dân chủ ban phát cho chúng ta cả. Đồng minh của các lực lượng dân chủ là dư luận thế giới và các tổ chức nhân quyền. Những đồng minh này vẫn còn nguyên vẹn. Chúng ta thực sự có thể mất cái gì trong trường hợp xấu nhất ? Sự quan tâm tới dân chủ của Hoa Kỳ và các nước phương Tây đã không ngăn cản Việt Nam được bầu vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc mà không bị một phiếu chống nào, cũng không ngăn cản các tổng thống Clinton, Bush, Chirac và nhiều thủ tướng các nước dân chủ khác tươi cười thăm viếng Bắc Kinh và Hà Nội. Cái mà những người dân chủ có thể mất là ảo tưởng có thể nhờ cậy nhiều vào Hoa Kỳ và Châu Âu. Đó chính là ảo tưởng nên mất. Có như thế chúng ta mới khá lên được.

Trái lại cuộc khủng hoảng này, giữa những khó khăn không tránh khỏi cho xã hội, cũng mang những hạt giống đầy hứa hẹn cho tương lai. Cái mô thức phát triển bằng cách bóc lột tối đa, tập trung vào xuất khẩu, bỏ rơi thị trường nội địa, bất chấp môi trường, bất chấp chênh lệch giàu nghèo sẽ hiện nguyên hình như một sự nhảm nhí trước mắt toàn dân và ngay cả trước mắt một số đồng đảng viên cộng sản. Hào quang tăng trưởng không còn, và cũng không còn gì để biện minh cho sự tồn tại của một chế độ độc tài tham nhũng. Ý chí đổi đời sẽ mạnh hơn rất nhiều. Lạc quan là thái độ đúng, rất đúng.

Nguyễn Gia Kiểng

Hình V hay dạng L ?

Nguyễn Huy Đức

Cuộc khủng hoảng tín dụng được gọi là "nợ dưới tiêu chuẩn" đã bùng nổ từ tháng 7-2007. Nó đã nhanh chóng lan tràn đến các quốc gia phát triển và làm chao đảo hệ thống kinh tế tài chính và nền kinh tế thực thụ. Đã có nhiều phân tích và nhiều giải pháp được đưa ra. Người kia cổ vũ cho một hệ thống luật lệ khắt khe hơn. Người kia chỉ tay lên án giới tài chính ngân hàng là thành phần du đãng bất lương. Nhiều người cổ vũ sự can thiệp của nhà nước và nhiều người khác lớn tiếng tuyên bố rằng đây là hố chôn của thành trì tư bản. Tuy nhiên sẽ không có giải pháp nào lâu bền nếu không trực diện với những nguyên do sâu xa của hiện tượng suy thoái mà thế giới phải đương đầu.

Về nền tảng, cuộc khủng hoảng này bắt nguồn từ một mô hình phân công của thế giới. Mô hình này có thể được tóm tắt như sau : để đạt đến phổ vinh, các quốc gia nghèo cần phát huy nền kinh tế dựa vào mô hình sản xuất và xuất cảng. Nhờ vào khối lượng nhân công rẻ và một đơn vị tiền tệ phá giá, những sản phẩm trên sẽ đến tay người tiêu thụ với một mức giá phải chăng. Người tiêu thụ lẽ đương nhiên là những quốc gia phát triển.

Mô hình sai quấy ?

Đừng vội lên án mô hình này !

Nó đúng ! Và nó đã giúp cho rất nhiều quốc gia vững bước đi vào quỹ đạo phát triển. Tuy nhiên nó chỉ đúng với một số điều kiện căn bản : Quốc gia tiêu thụ phải có điều kiện để tiêu thụ. Quốc gia xuất khẩu, trên con đường đi đến phổ vinh, cũng cần canh tân để tạo điều kiện cho mọi thành phần xã hội được hưởng những phúc lợi mà phát triển mang lại.

Nó trở thành một sai lầm khi người tiêu thụ sống ngoài khả năng của họ. Sai lầm càng nguy ngập hơn khi các quốc gia xuất khẩu quyết định cho các nước tiêu thụ vay để họ có thể tiếp tục ăn xài, thay vì gây dựng một nền tiêu thụ nội địa. Và đây là hiện tượng đã trở nên áp đảo từ 10 năm qua. Nó bắt đầu từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á 1997. Khủng hoảng năm 1997 đã khiến giới chức trách khu vực kết luận rằng cần có một lượng dự trữ ngoại tệ dồi dào để phòng chống mọi mưu toan đầu cơ phá giá đồng tiền quốc gia : đồng Mỹ kim (USD) đương nhiên trở thành đơn vị tiền tệ được dùng cho chính sách dự trữ này. Một qui tắc bất thành văn, phần lớn lợi tức của Châu Á (nhờ vào xuất cảng) được bơm vào các quốc gia Tây Âu và nhất là Hoa Kỳ. Luồng tư bản dư thừa này khuyến khích những vụ đầu tư vào là các dự án thuần túy tiêu thụ, nhất là vào những dự án kém hiệu quả. Hệ lụy tự nhiên của việc đầu tư vô bổ này là hiện tượng bong bóng : Con số cổ phần của các công ty Internet và hiện tượng bong bóng "dot-com" (.com) xì hơi không phải là một trường hợp ngẫu nhiên.

Ngay khi khủng hoảng "dot-com" bộc phát, chất kích thích mà các quốc gia tân tiến tiếp tục sử dụng để duy trì mức phát triển vẫn là... tiêu thụ. Những gì chính quyền Hoa Kỳ và Quỹ Dự Trữ Liên Bang đã làm chỉ nhắm vào tiêu thụ để bảo đảm

tỷ lệ phát triển. Họ đã hạ giảm mức lãi suất tối đa để mọi người dân có thể mượn tiền đầu tư vào địa ốc.

Câu hỏi thường được đặt ra là tại sao lãi suất giảm thấp như vậy mà không dẫn đến tình trạng lạm phát ? Tiến trình toàn cầu hóa với sự xuất hiện của Ấn Độ và nhất là Trung Quốc trên thương trường là câu trả lời. Thật vậy, hàng hóa của hai nước này đã tràn ngập thị trường với giá rẻ mạt. Hệ lụy của nó là giảm phát. Lãi suất thấp và tình hình giảm phát đã tạo ra cảm tưởng sung túc : phong trào thi đua mua nhà làm thị trường địa ốc bén lửa, giá nhà càng tăng khiến chủ nhà cho rằng họ càng giàu và càng dễ dàng tiêu thụ, nhất là khi những sản phẩm nhập cảng lại rất rẻ.

Điều đáng sợ hơn là trong khoảng thời gian này, Trung Quốc đã trở thành một trong những chủ nợ khổng lồ sẵn sàng bơm tiền để người Mỹ tiêu thụ vượt ngoài khả năng tài chính của mình. Một chính giới Hoa Kỳ đã thốt lên câu để đời về Trung Quốc : "Họ bán T-shirts và mua... T-Bonds (trái phiếu nợ của Hoa Kỳ) !".

Tài chính, nguyên nhân của tất cả ?

Kinh tế cũng có quy luật của nó ! Tiền được đầu tư vào dự án kém hiệu quả vẫn phải đưa đến thất bại sau khi đã thổi phồng những dự án nay đến mức độ choáng ngợp : Phá sản của những con nợ "dưới tiêu chuẩn" tại Hoa Kỳ và tình trạng sụt giá địa ốc không là ngoại lệ. Nói như triết nhà Phật thì, từ "khủng hoảng 1997" qua suy thoái "dot-com" đến vụ "nợ dưới chuẩn", đây là sự tuần tự của vòng luân hồi. Khi chưa giác ngộ, khi chưa thấy được nguyên do sâu xa thì không thể thoát khỏi nghiệp chướng để vào cõi... niết bàn.

Mọi giải pháp (xiết chặt kiểm soát, tăng cường luật lệ, can thiệp nhà nước, hạ giảm lãi suất, truy lùng và trừng trị tội phạm...) chỉ là tạm bợ trước khi bước vào giai đoạn suy thoái kế tiếp.

Trong điều kiện như trên, cũng khó quy mọi tội lỗi vào giới tài chính. Họ chỉ là một giải pháp tốt nhất, trong một thời gian nhất định để đáp ứng một nhu cầu nhất định : sáng tạo ra những sản phẩm để tạo điều kiện cho những người, tuy không đủ khả năng, có thể ăn xài. Qua đó, duy trì được mức tiêu thụ để các quốc gia khác có thể sản xuất, bán ra thế giới và thâm nhập lợi nhuận để rồi tiếp tục bơm tiền tài trợ giới tiêu thụ qua những sáng kiến của giới tài chính !

Trách nhiệm của giới ngân hàng, nếu có, chỉ là đã tiếp tay truyền nhiễm những tác hại của món nợ "dưới tiêu chuẩn" qua những dịch vụ "đóng gói" và "tích sản hóa" những món nợ trên và bán ra thị trường thế giới. Vì vậy, trái với quá khứ, thế giới đã nhanh chóng bước vào tình trạng khủng hoảng một cách... đồng bộ và nhịp nhàng !

Chưa thỏa niềm vui

Cho đến một ngày gần đây, đã có một đồng thuận chung cho rằng các quốc gia vừa thành đạt (emerging countries) sẽ thay thế các quốc gia phát triển trong vai trò làm đầu tàu phát

triển. Nhờ vào đó, cuộc khủng hoảng tài chính, tuy mãnh liệt, sẽ nhanh chóng tan biến đi và thế giới sẽ trở về trạng thái phát triển tăng tốc. Và như vậy, biểu hình tăng trưởng toàn cầu sẽ được vẽ như hình dạng của chữ V (suy thoái choáng váng rồi tăng trưởng ngoạn mục).

Nhưng giả thuyết này đã mất đi trọng lượng. Nhiều chuyên gia đã hình dung thế giới đi vào tình trạng suy thoái lâu dài và tràn lan với trạng thái chữ L, tương tự như khủng hoảng tại Nhật.

Mức tăng trưởng có thể tụt kể tỷ lệ 0%. Thật vậy, ngày hôm nay, khó tìm được một quốc gia không ít nhiều liên lụy đến khủng hoảng tín dụng, nhất là các quốc gia vừa thành đạt : sự suy sụp tỷ lệ tiêu thụ Tây Âu đã nhanh chóng đưa Tân Gia Ba và Trung Quốc vào suy thoái. Trước nguy cơ trì trệ, Bắc Kinh đã giảm hơn 27 điểm lãi suất định hướng. Để kích thích lưu động tiền tệ, Bắc Kinh cũng đã thâu giảm tỷ lệ lưu trữ tiền tệ mà các ngân hàng thương mại phải tuân thủ. Tân Đê Ly (New Dehli) đã không ngần ngại bơm vào nền kinh tế 4 tỷ Mỹ kim để thay thế cho luồng vốn đầu tư đang tháo chạy. Nam Hàn, biểu tượng của thành công dựa vào phái trọng thương (mercantilism), đã phải cung ứng 30 tỷ Mỹ kim để phòng chống viễn tượng chao đảo của thị trường chứng khoán. Các đơn vị tiền tệ của các quốc gia vừa thịnh đạt đã mất giá một cách bi đát, điển hình là Nga. Tuy có nhiều tài nguyên, nhất là nguyên liệu, Nga sẽ vấp phải nhiều khó khăn nhất vì các công ty Nga là những công ty tích lũy nhiều nợ nần nhất.

Khối dự trữ ngoại tệ và vốn tài nguyên sẽ không giúp được gì vì nguyên liệu đã mất giá nhiều khi nguồn tiêu thụ không còn nữa. Hơn nữa, ngoài Trung Quốc ra, lượng ngoại tệ của các quốc gia sẽ không đủ để có thể tiếp tục hậu thuẫn nền kinh tế đang lâm vào suy thoái trầm trọng.

Nhiều chuyên gia của Ngân hàng thế giới đã quan ngại rằng tình hình hiện nay sẽ đem lại nhiều bất ổn xã hội tại các quốc gia vừa thành đạt và nhất là tại các quốc gia đệ tam thế giới : Họ cho rằng một quốc gia như Trung Quốc phải đạt được ít nhất 7% tăng trưởng GDP để không trầm trọng hóa tình trạng thất nghiệp, nghèo nàn hóa xã hội. Bằng không, bất ổn và bạo động sẽ ngày một gia tăng. Nói tóm lại nếu khủng hoảng tín dụng kéo dài theo hình thái chữ L, mọi thành quả mà các quốc gia vừa thành đạt đã gặt hái trong 30 năm qua sẽ tan biến theo mây khói.

Nhu cầu đổi mới

Trong những quốc gia đã từng được tán thưởng vì những kết quả kinh tế ngoạn mục và những cải thiện ấn tượng, có lẽ Việt Nam sẽ gặp nhiều trắc trở nhất.

Việt Nam hội tụ tất cả những yếu tố có thể trầm trọng hóa những khó khăn đến từ khủng hoảng toàn cầu. Như hầu hết các quốc gia Châu Á, Việt Nam đã trở nên một quốc gia "trọng thương" (mercantilist) và, không nhiều thì ít, nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập vào sinh hoạt của thế giới. Hơn nữa ngoại thương Việt Nam vẫn chủ yếu dựa vào xuất khẩu nông sản phẩm (gạo, trái cây, thủy sản) và hàng tiêu dùng thông dụng, tính kỹ thuật không cao (may mặc, giấy dép...). Đây

là những ngành nghề thường gặp nhiều hiểm nghèo nhất khi suy thoái bùng nổ và kéo dài.

Ngoài ra, vì một số sai lầm tiền tệ đáng tiếc, Việt Nam đang phải đương đầu với tình trạng vật giá leo thang. Tuy đã bớt phần gay gắt, hiện tượng này sẽ giới hạn tầm hoạt động của chính quyền trong cố gắng kích thích nền kinh tế quốc gia. Song song đó, cũng phải nhìn nhận rằng chính sách bảo trợ các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã từng bước biến

những đối tác này thành những quái vật có khả năng liên minh với nhau và bóp méo thị trường. Ngay trong khu vực ngân hàng, đã có những cấu kết bất thành văn trong việc cho các DNNN vay mượn với nhiều ưu đãi. Trong trường hợp đó, ai cũng có thể và có quyền đặt nhiều nghi vấn về tính chất hữu hiệu của một chính sách tiền tệ quốc gia (định lãi suất, hướng luồng tư bản đến những doanh nghiệp năng động ...).

Thêm vào đó, hiện tượng "nợ dưới tiêu chuẩn" cũng đang xảy ra tại Việt Nam. Không nên quên rằng trong năm 2007 Việt Nam đã đón nhận nguồn đầu tư rất lớn từ nước ngoài. Tuy nhiên nguồn vốn này đã không được hướng dẫn đến các dự án hữu hiệu. Cuối cùng luồng vốn ngoại quốc đã được đầu tư vào thị trường chứng khoán và... địa ốc. Phong trào đầu cơ vào địa ốc và cổ phiếu được khởi xướng và khiến giá trị của chúng đột ngột gia tăng. Nó thôi thúc mọi người mượn tiền có thể chấp để mua nhà và cổ phiếu. Ngay cả các DNNN cũng lao vào kinh doanh này nhờ vào những món nợ với lãi suất thấp. Kết quả là một lò thuốc súng có thể nổ tung !

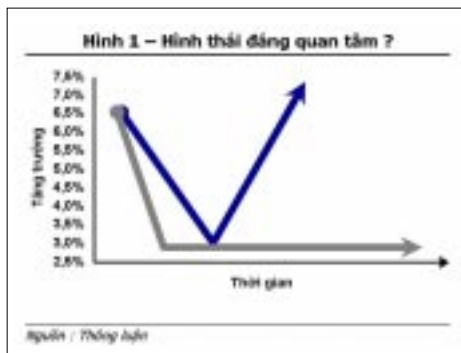
Cuối cùng, cơ cấu tổ chức chính quyền đang là một trở ngại lớn để đất nước có thể đương đầu trên bước đường khó khăn đang đón chờ Việt Nam. Với hệ thống chống chéo, với những mục tiêu và phân công thiếu rõ ràng, với những sắc luật được thi hành một cách tùy tiện, Việt Nam sẽ mất nhiều thời giờ cho những việc vô bổ và không còn thời gian chú tâm vào những việc làm cấp bách.

Mọi dữ kiện nêu trên đã thêu dệt một bức tranh u ám. Nhưng có một lý do để chúng ta có thể lạc quan. Một chí hữu Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên vừa công tác ở một số quốc gia Châu Á trở về Pháp và đã đưa ra một nhận xét qua một câu hỏi đặt ra cho người viết. "Đã bao lâu rồi anh chưa trở lại Châu Á và về Việt Nam ? Nên về bên bên bây giờ. Anh sẽ được đón tiếp bởi một Châu Á không trang điểm, không phấn son và... không còn trang sức. Một Châu Á âu lo nhưng một Châu Á rất thật !".

Đây là một ghi nhận đáng giá vì, nói cho cùng, những khủng hoảng tương tự như "nợ dưới tiêu chuẩn" sẽ khuyến khích mọi người xét lại những giá trị tưởng vững như bàn thạch : thực dụng, luồn lách, làm giàu bất chấp hậu quả phải trả cho tương lai. Các quốc gia vừa thành đạt, Châu Á và Việt Nam sẽ không là những trường hợp ngoại lệ. Quyết tâm thay đổi sẽ hiện hình một cách rõ rệt hơn.

Hình V hay dạng L không quan đáng quan tâm lắm ! Những bài học cần được rút tĩa từ hai hình thái này để có được một cuộc sống xứng đáng mới quan trọng.

Nguyễn Huy Đức (Paris)



Đi Mát Cơ Va quen U Minh Hạ đối

Ngô Nhân Dụng

Ở nước Mỹ này, khi kinh tế suy sụp thì ông tổng thống lo bị dân chán ghét (79%) và đảng của ông cũng bị vạ lây, đại biểu quốc hội lo mất ghế và ứng cử viên tổng thống chật vật khi tranh cử. Ở nước Việt Nam thì khác. Lạm phát lên 25% tới 30%, nông dân ở Cà Mau bữa rau bữa cháo. Nhưng đảng cầm quyền chỉ lo bỏ tù nhà báo này, cất chức nhà báo khác, quốc hội họp gặt lấy gặt để. Ông thủ tướng thông dong sang Trung Quốc rồi ông quốc trưởng sang Nga với cả một phái đoàn rình rang.

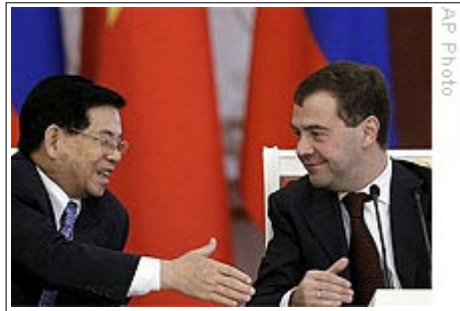
Chuyến bất ngờ trong chuyến đi Nga là ông Nguyễn Minh Triết đã hứa với tổng thống Nga Dmitry Medvedev sẽ đem tiền đầu tư ở nước Nga, một tỷ rưỡi Mỹ kim, để lập nhà máy chế tạo phân bón ở Kalmykia, bên bờ biển Caspian ! Dân chúng vùng U Minh Hạ chắc ngạc nhiên hơn cả. Tại một miền nổi tiếng "trên cơm dưới cá" mà có bà mẹ 60 tuổi phải than với phóng viên báo Tuổi Trẻ : "Bữa nào ăn cháo đêm ngủ không được, nằm nuốt nước miếng tối sáng... ! Xóm này nhà nào cũng phải ăn cháo !". Một em bé 8 tuổi năn nỉ mẹ đừng bắt ăn cháo nữa, người cha bật khóc, "Tôi thấy nhục quá, làm cha mà phải cho con ăn cháo trừ cơm !". Một người cha 63 tuổi nói thẳng : "Đói là do người chó không phải do trời... ! Nước ngập thế này mà không cho xả thì lúa nào sống nổi !". Coi bộ ông Nguyễn Minh Triết không được đọc những bài báo đó, nếu ông đọc thì mấy ký giả khác có thể bị mất việc !

Nhưng không hiểu tại sao mấy ông lại tính chuyện đem hàng tỉ Mỹ kim sang làm nhà máy phân bón ở Nga, để khai thác hơi đốt thiên nhiên trong biển Caspian trong khi nước mình cũng có bao nhiêu mỏ hơi đốt ?

Trong các hợp đồng ký kết ở Nga lần này còn có việc hứa hẹn hợp tác với công ty Rusal của Nga để lập một nhà máy ở Bình Phước, khai thác những mỏ bô xít (bauxite) ở vùng này, ước tính có 700 ngàn tấn bô xít. Việt Nam là nước có số bô xít lớn hàng thứ ba trên thế giới còn nằm dưới đất. Theo bản văn ghi nhận việc hợp tác thì đến năm 2012 công việc xây dựng mới bắt đầu. Trong khi đó thì nhà máy phân bón ở Kalmykia sang năm bắt đầu xây rồi. Tại sao tiền Việt Nam chạy sang Nga thì nhanh như vậy, trong khi tiền Nga đem qua Việt Nam lại chậm chạp ? Người Việt Nam tính hay nghi ngờ, bàn nhau rằng Nga là một cửa ngõ để các nhà tư bản đồ chuyển tiền, đem một tỷ rưỡi Mỹ kim qua đó sẽ giúp công tác rửa tiền dễ dàng và sạch sẽ hơn ! Và việc rửa tiền cũng cấp bách hơn việc khai mỏ bô xít !

Nhưng liệu sang năm 2012 tiền Nga sẽ sang tới nước ta hay chưa ? Cái đó còn tùy họ có tiền sẵn sàng hay không. Nếu biết tình trạng tài chánh của công ty này thì có thể nghi ngờ là còn lâu họ mới sẵn sàng !

Công ty United Company Rusal của nhà tỷ phú Oleg Deripaska, mà chính ông tỷ phú này lại đang gặp khó khăn vì nợ như chúa Chổm. Bữa Thứ Năm vừa qua chính phủ Nga đã phải bỏ ra 8 tỷ Mỹ kim cứu ông Oleg Deripaska, người giàu nhất nước Nga hiện nay và một đồng minh của thủ tướng Vladimir Putin. Đó là sau khi chính phủ Putin đã đem 2 tỷ đô la cứu một nhà tỷ phú khác, Mikhail Fridman. Chính phủ Nga đang dành thêm 50 tỷ đô la làm công việc cứu trợ các công ty và ngân hàng gặp nạn. Chính phủ không những cho các ngân hàng vay mà còn đem tiền mặt tới cung cấp cho các máy rút tiền ATM của các ngân hàng nữa ! Từ mấy tháng nay, chính phủ Nga đã dành 200 tỷ đô la để cứu các công ty và ngân hàng lâm nạn. Con số đó bằng 13% tổng sản lượng nội địa, trong khi chính phủ Mỹ bỏ ra 700 tỷ cũng chỉ lớn bằng 5% GDP nước Mỹ.



Cơn hoạn nạn tài chánh ở Nga khác bên Mỹ, nhưng vẫn là mối đe dọa trên nền kinh tế, sau một thời kỳ thịnh vượng rất mong manh vì không dựa trên những nền tảng vững chắc.

Ông Vladimir Putin gặp may mắn lên cầm quyền lúc kinh tế Nga đã xuống đến điểm thấp nhất, và những chính sách của chính phủ cũ của ông Yeltsin bắt đầu đem lại kết quả ổn định. Trong 8 năm làm tổng thống ông Putin được hưởng lộc nhờ giá dầu lửa lên cao vọt, mà đó là món hàng xuất cảng lớn nhất của Nga. Quỹ dự trữ ngoại tệ của Nga nhờ thế mà tăng lên, tháng Tám năm 2008 đã lên tới 597 tỷ Mỹ kim, lớn hàng thứ ba trên thế giới. Nhưng từ mấy tháng nay nhiều người Nga đã chuyển tiền ra nước ngoài vì không tin tưởng vào nền kinh tế xứ họ, sau vụ tấn công Georgia. Đồng Rúp xuống giá vì người Nga cũng lo chuyển tiền ra nước ngoài. Quỹ ngoại tệ của chính phủ Nga đã giảm xuống chỉ còn 516 tỷ vào ngày 17 tháng Mười vừa qua. Riêng trong tuần trước, quỹ dự trữ ngoại tệ đã giảm bớt 31 tỷ, cuối tuần này xuống còn 484 tỷ. Trong khi đó thì chính phủ phải lo bỏ thêm tiền cứu giúp các công ty và ngân hàng và giữ giá trị cho đồng "rúp". Ngân Hàng Trung Ương Nga đã chi 13 tỷ Mỹ kim để mua đồng rúp trên thị trường để không cho tiền tụt giá. Người ta lo rằng với đà chi tiêu hiện nay của chính phủ Nga quỹ dự trữ ngoại tệ có thể cạn trong vòng 18 tháng.

Chính phủ Nga đổ lỗi cho các ngân hàng Mỹ gây nên cuộc khủng hoảng tài chánh khiến nước Nga bị vạ lây.

Nhưng các ngân hàng Mỹ không làm gì để cho thị trường chứng khoán Nga tụt giảm, giá trị đã mất 70% từ đầu năm tới nay. Trong hai tháng Chín và Mười, chính phủ phải đóng cửa thị trường chứng khoán 15 lần để chờ đem công quỹ ra cứu ! Vì số người Nga mua cổ phần còn ít, nên khi giá cổ phiếu xuống chỉ các đại tài chủ bị mất tiền và khi chính phủ cứu là cứu những người giàu nhất nước. Các tỷ phú ở Việt Nam

đã mất tiền vì thị trường chứng khoán xuống, con số mất khoảng một tỷ Mỹ kim ; nhưng ở Nga họ còn mất nhiều hơn nữa. Vì giá cổ phiếu các công ty giảm, các đại tài chủ Nga đã mất 230 tỷ Mỹ kim, trong số 300 tỷ mà họ làm chủ khi thị trường lên cao nhất. Giá dầu lửa tụt từ hơn 140 đô la hồi tháng Bảy xuống 65 đô la một thùng bây giờ càng làm cho triển vọng kinh tế Nga xuống thấp. Người ta đã tính nếu mỗi thùng dầu thô tụt giá một đô la thì tiền thu nhờ xuất cảng của Nga sẽ mất 3 tỷ đô la. Khi giá dầu lên, các nhà đầu tư ngoại quốc đem tiền tới nước Nga giúp thúc đẩy con số tổng sản lượng nội địa tăng trung bình 7% một năm suốt thời gian ông Putin làm tổng thống. Nhưng khi thấy tình hình xuống thấp, họ cũng rút bớt tiền ra. Người dân Nga cũng biết lo. Trong tháng Chín họ rút bớt 4% số tiền gửi ngân hàng vì không còn tin tưởng nữa. Có người đến rút một triệu rúp một lúc (37 ngàn Mỹ kim), nhét vô cặp sách về nhà cất ! Nhiều người dùng Internet để chuyển tiền từ ngân hàng tư sang ngân hàng chính phủ. Dân Nga đã đổi tiền Rúp sang ngoại tệ, tổng cộng 3 tỷ rưỡi đô la. Các ngân hàng tư đã mất 30% số tiền ký thác vì bị rút ra. Đã có mười ngân hàng sụp đổ.

Chính sách bành trướng và đe dọa các nước lân bang của ông Putin là một lý do khiến giới đầu tư quốc tế lo ngại muốn rút tiền ra. Nhưng các nhà tư bản thường họ nghĩ đến tiền nhiều hơn đến chính trị đối ngoại của nước Nga. Điều mà người ta lo ngại là cả nền kinh tế Nga dựa trên những nền tảng rất mong manh, rất dễ sụp đổ.

Ba món xuất cảng của Nga đem lại 80% ngoại tệ là kim loại, dầu khí và thực phẩm. Từ năm 2000 lúc ông Putin mới lên cho đến năm 2007, giá kim loại tăng 275% sau khi tính trừ ảnh hưởng của lạm phát. Giá dầu khí tăng 210%, và thực phẩm tăng 160%. Tiền vào như nước, nhưng chính phủ Putin không có những chính sách phát triển các ngành khác ngoài ba lãnh vực trên để phân tán tài sản ra nhiều ngành sản xuất khác nhau. Một thiếu sót lớn nhất của chính phủ Putin trong 8 năm qua là không đầu tư đủ vào giáo dục để đào tạo nguồn nhân lực thích ứng với nền kinh tế mới. Khi được phỏng vấn đa số thanh niên Nga tỏ ý thích làm công chức hơn là làm cho doanh nghiệp, điều đó cho thấy một hình ảnh của tương lai.

Kể từ tháng Bảy năm 2008, giá các món hàng xuất cảng bắt đầu xuống. Nói chung, giá của các loại nông sản và khoáng sản đã giảm bớt 20% trên thị trường thế giới. Các đại tài chủ Nga dựng lên cơ nghiệp ; chính phủ Nga được thặng dư ngân sách, quỹ dự trữ ngoại tệ dồi dào đều nhờ khai thác những tài nguyên thiên nhiên như kim loại, dầu khí. Nay thời vận xuống, người dân tiêu thụ cũng bị ảnh hưởng. Công ty bán lẻ và siêu thị X5 lớn nhất nước Nga đang cắt giảm nhân viên 30%. Cửa hàng GK Viktoria số bán giảm bớt 10%. Các công trình xây cất đang ngưng lại. Một số các văn phòng du lịch Nga đã ngưng trả tiền các công ty hàng không quốc tế vì thiếu tiền !

Nhưng tai nạn tài chánh ở Nga hiện nay là do chính họ tạo ra, cũng vì một lý do quen thuộc là vay nợ nhiều quá, nhất là vay nợ từ ngoại quốc - không khác gì tình trạng những năm

1997-1998 ở Thái Lan, Malaysia và chính nước Nga. Nền tài chánh Anh, Mỹ lâm nạn vì các ngân hàng "sa ngã" đầu tư vào các loại chứng khoán mới và quá rủi ro. Còn ở Nga thì các đại tài chủ đã vay nợ quá nhiều nhưng dùng để mua cổ phần các công ty trong nước cũng như nước ngoài. Hiện nay các công ty và ngân hàng Nga đang mắc nợ nước ngoài khoảng 450 tỷ Mỹ kim, và trong hai tháng cuối năm 2008 này phải trả 50 tỷ đảo hạn.

Một trường hợp điển hình là ông Oleg Deripaska, năm nay mới 40 tuổi. Ông làm chủ một du thuyền loại sang nhất thế giới thả neo ở Địa Trung Hải. Nhưng công ty UC Rusal của ông nợ đầy mình. Ông vay các ngân hàng, trong đó có Royal Bank of Scotland bên Anh, còn đang nợ 4,5 tỷ đô la, để mua một phần tư số cổ phần của công ty Norilsk, khai thác số mỏ kền (nickel) lớn nhất thế giới. Khi vay, ông đặt các cổ phần của Norilsk làm thế chấp. Bây giờ giá những cổ phần thế chấp đó tụt xuống quá thấp so với số nợ. Công ty UC Rusal sẽ phải bù tiền vào để cho cân bằng, tức là phải trả bớt một số nợ, hoặc phải được các ngân hàng chủ nợ ký giấy "miễn chấp" vào ngày hôm qua, 31 tháng Mười năm 2008. Nếu không, các ngân hàng chủ nợ sẽ trở thành chủ nhân của các cổ phần trong công ty Norilsk !

Những món nợ 4,5 tỷ trên chỉ là một phần nhỏ trong cơn khốn đốn của ông Deripaska. Ông đã phải bán nhiều cổ phần ở các công ty tại Canada và Âu Châu vì nợ không trả được. Đại công ty Rusal có thể sẽ bị xé lẻ trong vài năm nữa !

Chính phủ Nga cứu ông Deripaska một lần này vì không muốn những cổ phần của Norilsk, một công ty kim loại lớn nhất nước lọt vào tay kiểm soát của các ngân hàng ngoại quốc. Chính vì thế, họ phải đưa tiền cho một ngân hàng quốc doanh Vnesheconombank (VEB) cho Rusal vay trả nợ! Nhưng từ đây, chính ngân hàng VEB, tức là chính phủ Nga sẽ thành chủ nhân các cổ phần này ! Hồi đầu thập niên 1990, nhiều đại tài chủ đã cho chính phủ Nga vay, đến khi chính phủ Nga không có tiền trả, đã đem cổ phần các xí nghiệp quốc doanh gán để trả nợ. Nay là cảnh tượng ngược lại : chính phủ cho các đại tài chủ vay, và nhờ thế sẽ quốc hữu hóa một phần các xí nghiệp trở lại !

Đó là tình cảnh kinh tế tài chánh nước Nga khi ông Nguyễn Minh Triết sang Mát Cơ Va thương thuyết các hợp đồng thương mại ! Nhìn vào tình trạng khốn đốn của ông Oleg Deripaska và công ty UC Rusal của ông, không biết bao giờ các nhà máy khai thác bô xít ở Bình Phước mới bắt đầu được xây cất !

Trong khi đó thì những người dân ở vùng U Minh Hạ vẫn bữa rau bữa cháo ! Ở những nước tự do dân chủ thì một chính phủ để cho dân chịu đói như vậy đã phải từ chức từ lâu rồi. Nhưng ở một nước độc tài đáng trị thì người dân chỉ biết khóc, như ông Nguyễn Thanh Toàn ở Cà Mau đã khóc khi bắt con ếch cháo : "Tôi thấy nhục quá !".

Những ông Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng và quý vị trong Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Việt Nam không biết "nhục" là cái gì cả.

Ngô Nhân Dụng (California)



Thời sự quốc tế :

Ngoại giao Mỹ sau 8 năm cầm quyền của tổng thống Bush

Nguyễn Mạnh Hùng & Phạm Trần

Tổng thống George W. Bush sẽ mãn nhiệm ngày 20-1-2009 sau tám năm cầm quyền. Thành công và thất bại của ông sẽ được các nhà viết sử phán xét, nhưng trước ngày ông rời Tòa Bạch Ốc, tổng thống Bush chỉ còn được 26 phần trăm dân chúng tin nhiệm trong khi có tới gần 90 phần trăm cho rằng nước Mỹ đang đi sai đường.

Trong số phần trăm dân chúng không hài lòng về đường lối ngoại giao của tổng thống Bush, kể cả việc theo đuổi hai cuộc chiến tranh chưa thấy đường ra tại Iraq từ năm 2003 và tại Afghanistan từ năm 2001, cứ 3 trong số 4 người dân coi cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính hiện nay là hậu quả của chính sách chi tiêu không kiểm soát được cho ngân sách Quốc phòng của chính quyền Bush.

Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng, chuyên gia chính trị và ngoại giao của Đại học George Mason đã dành cho chúng tôi cuộc phỏng vấn nhằm phân tích thành công và thất bại của tổng thống Bush trong lĩnh vực ngoại giao trong 8 năm cầm quyền của ông. Cuộc phỏng vấn này cũng được phát hình trên hệ thống truyền hình SBTN. Dưới đây là nguyên văn bài phỏng vấn.

Tổng quát

Hỏi: Khi nói về chính sách Ngoại giao của chính quyền Bush, hầu như mọi người đều đồng ý tổng thống Bush đã hoàn toàn thất bại và làm mất uy tín của nước Mỹ trên chính trường Quốc tế từ khi ông lên cầm quyền năm 2000. Giáo sư có thấy như thế không và nguyên do từ đâu: chiến tranh Iraq, chiến tranh ở Afghanistan hay vì ông Bush đã theo đuổi một đường lối ngoại giao "độc tài" nên đã làm mất lòng nhiều nước bạn vốn có truyền thống đoàn kết mật thiết với Mỹ như Pháp và Đức ?

Đáp: Khi George W. Bush lên cầm quyền thì chiến tranh lạnh đã hết, nước Nga đang gặp khó khăn, Mỹ là siêu cường duy nhất, kinh tế phát triển, ngân sách thặng dư, được các đồng minh kính nể, kẻ thù e ngại. Khi ông Bush sắp ra đi, kinh tế bị suy thoái, ngân sách thâm thủng nặng nề, quân đội bị cấm chân trong hai cuộc chiến tranh chưa có lối ra, uy tín trên thế giới suy giảm trầm trọng, mất sự kính nể của đồng minh và bị kẻ thù coi thường.

Nguyên nhân chính là tự tin quá đáng, quyết định vội vàng, đơn phương, và giáo điều của chính quyền Bush. Đường lối ngoại giao này và hậu quả của nó được thể hiện qua hai cuộc chiến tranh ở Afghanistan và Iraq. Chiến tranh Afghanistan là cuộc chiến cần thiết (necessary war) để tự vệ chính đáng nên được sự ủng hộ của cả đồng minh, của kẻ thù cũ và ngay của cả các "quốc gia côn đồ" (rogue countries), như Nga, Trung

Quốc, Libya, Cuba, và Bắc Triều Tiên. Chiến tranh Iraq là cuộc chiến tự chọn (war of choice) dựa trên những tin tức tình báo sai lầm nếu không nói là nguy tạo, và một niềm tin không thực tiễn (muốn biến Iraq và vùng Trung Đông thành những quốc gia dân chủ) cho nên không được các đồng minh lớn ở Âu châu (Đức, Pháp) ủng hộ. Ở Afghanistan, quân Mỹ chiến đấu cùng quân NATO. Ở Iraq, Mỹ hiện nay gần như chảy máu một mình, các đồng minh thân thiết lúc đầu (Anh, Ba Lan, Tây Ban Nha) hoặc đã hay đang rút quân về. Cuộc chiến Iraq làm nước Mỹ mất uy tín, tổn kém nặng nề (khoảng 12 tỉ Mỹ kim một tháng) mà chưa thấy ánh sáng cuối đường hầm, không được nhân dân ủng hộ, và quân đội bị căng mỏng thiếu khả năng ứng phó với một cuộc khủng hoảng ở nơi khác.

Trung Đông

Hỏi: Về vấn đề hòa bình ở Trung Đông, nhiều người thắc mắc không hiểu tại sao tổng thống Bush lại «làm ngơ» trong suốt 7 năm cho đến tháng 11 năm 2007 mới bắt tay vào việc tìm giải pháp hòa bình giữa hai dân tộc Israel và Palestinian? Và cho đến nay, thỏa hiệp hòa bình mà ông Bush muốn đạt được để cho dân Palestinians có một quốc gia độc lập và nước Do Thái được khởi Á Rập nhìn nhận để sống chung hòa bình vẫn còn bế tắc sau Hội nghị ở Annapolis, Maryland tháng 11 năm ngoái. Ông có tìm ra câu trả lời tại sao không ?

Đáp: Giáo sư Aaron David Miller, người đã làm cố vấn về vấn đề Palestine cho sáu đời tổng thống Mỹ, nhận xét rằng trong việc tìm giải pháp cho cuộc tranh chấp này, chính quyền Clinton đã thất bại vì quá sốt sắng, chính quyền Bush thất bại vì thiếu cố gắng.

Vì kinh nghiệm thất bại của Bill Clinton trong việc ép lãnh tụ Tổ Chức Giải Phóng Palestine (PLO) Yasser Arafat và thủ tướng Do Thái Ehud Barak ký thỏa hiệp với nhau trong những tháng cuối của nhiệm kỳ của ông, nên thoạt đầu chính quyền Bush chủ trương "đậm chằm tại chỗ" (parking policy) để cho hai phe tự giải quyết lấy. Đến khi bắt đầu can thiệp thì chính quyền Bush, vì ảnh hưởng của nhóm vận động Do Thái và phe tôn giáo cực đoan, lại thiên vị chính quyền Do Thái của

Ariel Sharon vì ông này "chống khủng bố". Chính sách thiên vị này không những bị Tổ chức Palestine chống đối mà còn không được sự ủng hộ của ba trong "nhóm bộ bốn" (the quartet) gồm Liên Hiệp Quốc, Mỹ, Nga, Liên Hiệp Âu Châu lập ra để làm trung gian tìm giải pháp cho xung đột Do Thái-Palestine.

Sở dĩ mãi đến tháng 11 năm 2007 chính quyền Bush mới đứng ra tổ chức hội nghị ở Annapolis, Maryland, đem các phe phái có liên hệ



xa gần với tranh chấp ấy ngồi lại với nhau để bàn về giải pháp "hai quốc gia dân chủ sống cạnh nhau trong hòa bình và thịnh vượng" vì một tổng hợp các lý do sau đây :

a) Trong cuộc bầu cử quốc hội cuối năm 2006, đảng Dân Chủ chiếm được quyền kiểm soát cả hai viện Quốc Hội, họ đòi chấm dứt chiến tranh ở Iraq ;

b) Mùa Xuân năm 2007, ngoại trưởng Condi Rice nhiều lần đi Trung Đông để vận động thành lập một liên minh các nước hồi giáo Sunni (gồm Ai Cập, Jordan, Saudi Arabia) chống lại liên minh hồi giáo Shia do Iran lãnh đạo, nhưng Saudi Arabia không đồng ý mà còn gọi sự hiện diện của quân Mỹ ở Iraq là một sự "chiếm đóng" ; và

c) Các quốc gia Trung Đông coi việc giải quyết tranh chấp Do Thái-Palestine, chứ không phải chiến tranh Iraq, là ưu tiên số 1, mà Mỹ cần có sự ủng hộ của họ ở Iraq để khỏi phải bị mang tiếng là một mình chống thế giới Hồi giáo.

Hỏi : Cũng liên quan đến vấn đề Trung Đông, ông có thấy Hoa Kỳ tiến được bước đi hòa bình nào gần hơn với hai nước Syria và Iran (Ba Tư) nói riêng và toàn khối Ả Rập nói chung sau 8 năm cầm quyền của tổng thống Bush ?

Đáp : Không. Ở Syria, tình hình xấu ngay từ năm 2003 khi Mỹ đổ quân vào Iraq và tổ cáo Syria cho phép các chiến binh Hồi giáo và khí giới vượt biên giới sang giúp Saddam Hussein. Năm 2005, sau khi có cuộc đảo chính ở Lebanon lật đổ chính quyền thân Syria vì Syria bị nghi là dính líu đến việc ám sát cựu thủ tướng Lebanon Rafik Hariri, Mỹ cắt đứt quan hệ ngoại giao với Syria. Mới mấy hôm trước, việc lực lượng đặc biệt của Mỹ từ Iraq xâm nhập lãnh thổ Syria để tiêu diệt nhóm thân al Qaeda đem lậu vũ khí và chiến binh vào Iraq thì tình hình căng thẳng hơn.

Bang giao Mỹ-Iran đi từ chỗ tốt đến xấu. Lúc khởi đầu chính quyền Bush, đã có những cố gắng đem hai nước sát lại gần nhau : đại sứ Iran tại Mỹ được mời đến Quốc Hội nói chuyện, Iran hứa giúp tìm kiếm và cứu các phi công Mỹ bị bắn rơi trong cuộc chiến tranh ở Afghanistan và cho phép tàu Mỹ đổ lúa mì giúp người Afghanistan tị nạn xuống các hải cảng của Iran. Tình hình trở nên căng thẳng khi Mỹ đòi Iran không được ủng hộ Hezbollah và Hamas, và chấm dứt chương trình nguyên tử mà không chịu điều đình trực tiếp với Iran. Chính sách "thay đổi chế độ" (regime change), cấm vận, và không điều đình áp dụng ở Iran đã thất bại.

Các đồng minh của Mỹ trong thế giới Ả Rập thì không hài lòng với chính sách thân Israel của chính quyền Bush và thiếu cố gắng thành thật trong việc đòi Israel gỡ bỏ những xây cất mới của Israel trên vùng đất Palestine và thi hành giải pháp hai quốc gia sống cạnh nhau trong hòa bình. Họ cũng chẳng thích áp lực của Mỹ đòi họ dân chủ hóa. Dân chủ hóa ở Palestine đã đưa Hamas, phe chống Israel quá khích lên cầm quyền. Cho tới nay, chính sách thay đổi chế độ và dân chủ hóa các nước Iraq, Iran, Syria, biến vùng Trung Đông từ một "vòng cung bất ổn thành một vòng cung dân chủ và

ổn định" đã thất bại một cách thảm hại.



Phi châu

Hỏi : Tôi có cảm tưởng như vai trò bảo vệ "an ninh và hòa bình thế giới" của Hoa Kỳ đã không còn được tin cậy dưới thời tổng thống Bush đến nỗi uy tín của nước Mỹ đã mất ảnh hưởng tại một số nước đang có khủng hoảng chính trị nội bộ ở Phi Châu như Zimbabwe, Democratic Of Congo (DRC), Sudan ? Tại sao vậy ?

Đáp : Lúc đầu chính quyền Bush thiên về phương thức hành động đơn phương,

chú trọng đến quyền lợi quốc gia hơn quyền lợi của "cộng đồng thế giới", (hủy bỏ Tokyo protocol về giảm nhiệt môi trường, không chịu ký hiệp ước thành lập Tòa án hình sự quốc tế và hiệp ước cấm vũ khí vi trùng, rút khỏi các chương trình của Liên Hiệp Quốc liên quan đến việc thành lập các trung tâm giúp phá thai), và từ chối vai trò "cảnh sát quốc tế". Chính sách này đâu có liên hệ gì đến việc "bảo vệ an ninh và hòa bình thế giới" ? Từ sau cuộc khủng bố 9-11-2001, với cuộc chiến tranh Aghanistan và Iraq và chiến lược "đánh phủ đầu" (pre-emption), Hoa Kỳ, chứ không phải Al Qaeda và phe hồi giáo quá khích, bị coi là mối "đe dọa" của nhiều nước khác. Vì hành động hung hăng đơn phương của chính quyền Bush mà Mỹ bị cựu tổng thống Pháp, Jacques Chirac, chỉ trích là "cường quốc cowboy hiếu động" (cowboy hyperpower).

Khủng hoảng chính trị ở Phi Châu bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân phức tạp (độc tài, nội chiến, xung đột bộ lạc, vi phạm nhân quyền) khó giải quyết. Ở vùng đất này, quan tâm của Mỹ chỉ liên quan đến vấn đề vi phạm nhân quyền chứ không phải là vấn đề chiến lược ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh của Mỹ nên chỉ hành động lơ là, vì thế không hữu hiệu. Tốt nhất là hành động qua Liên Hiệp Quốc mà những thành phần bảo thủ cực đoan trong chính quyền Bush lại không ưa Liên Hiệp Quốc. Mặt khác, lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hiệp Quốc lại không hữu hiệu nếu không có sự hỗ trợ của Mỹ. Hiện nay, Mỹ vẫn là một "quốc gia không có không được" (indispensable nation), nhưng quân đội và khả năng tài chánh đã dồn cho hai cuộc chiến ở Iraq và Afghanistan rồi nên dù muốn, Mỹ cũng không có khả năng giúp giải quyết hữu hiệu các khủng hoảng tại Phi Châu và tạo ảnh hưởng ở đó.

Nam Mỹ

Hỏi : Trong ít năm cuối của nhiệm kỳ thứ 2 của tổng thống Bush, tôi thấy Trung Hoa và nước Nga đã tạo được ảnh hưởng kinh tế và quân sự với một số nước ở Nam Mỹ như Venezuela, Bolivia, El Salvador... trong khi Cuba vẫn đứng vững là một nước cộng sản chỉ cách bờ biển Miami dưới 100 dặm. Giáo sư có chút lo ngại nào về viễn ảnh nước Mỹ bị Nga và Trung Hoa "bao vây" ở Nam Mỹ không ?

Đáp : Không. Nga và Trung Quốc hành động ở Nam Mỹ vì quyền lợi của họ cũng như hành động của Mỹ tạo đồng minh ở Âu châu và Á châu sát nách với hai nước đó. Dù sao, Mỹ vẫn là một siêu cường duy nhất. Khả năng Mỹ bao vây

Nga qua việc nói rộng NATO và gây ảnh hưởng tại các quốc gia Trung Á, và bao vây Trung Quốc bằng cách tăng cường quan hệ với các quốc gia Đông Á, Nam Á, và Đông Nam Á nhiều hơn là khả năng Nga và Trung Quốc bao vây Mỹ ở Nam Mỹ. Ngoài ra, Nga và Trung Quốc không có chung quyền lợi với nhau, và không có một quốc gia hay một liên minh quốc gia nào ở Nam Mỹ có thể đối đầu với Mỹ được.

Châu Á - Việt Nam

Hỏi: Đối với tình hình ở Á Châu thì giáo sư cũng biết Trung Hoa đang bành trướng sức mạnh quân sự của họ để cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ trong vùng Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Việt Nam, tuy là một nước bé nhưng lại có một bờ biển dài trên 3 000 cây số và đang tranh chấp chủ quyền lãnh hải và quyền lợi kinh tế với Trung Hoa và một số nước trong khu vực Đông Nam Á, trong đó có nguồn dự trữ dầu hỏa và khí đốt là chính. Nếu bị tấn công trên biển thì Việt Nam trông cậy vào ai? Hoa Kỳ có thể đứng yên nhìn Việt Nam lâm nạn được không, hay phải nhảy vào để bảo vệ đường lưu thông cho tàu bè trên biển Nam Hải?

Đáp: Hiện nay, nếu bị Trung Quốc tấn công thì Việt Nam không thể trông cậy vào ai. Hoa Kỳ muốn duy trì tự do lưu thông trên biển Nam Hải, nhưng không có lý do chính đáng để bênh vực Việt Nam vì Việt Nam không phải là đồng minh của Hoa Kỳ. Ngoài ra, Hoa Kỳ vẫn có thể trông cậy vào Úc, Nhật, Đài Loan, Thái Lan, có thể cả Nam Dương nữa trong việc duy trì sự hiện diện hải quân của mình ở Thái Bình Dương.

Hỏi: Bắc Hàn ngày nay có còn là mối hiểm họa nguyên tử ở Á Châu nữa không hay khối 6 thành phần gồm Mỹ, Nam Hàn, Nhật, Nga, Liên Hiệp Quốc và Trung Hoa đã «mua đứt» lãnh tụ Kim Jong Il để giúp tổng thống Bush đạt được một thành tích ngoại giao trước khi ông rời Tòa Bạch Ốc, hay đây là thành công ngoại giao duy nhất của chính quyền Bush sau 8 năm cầm quyền?

Đáp: Việc mua bán này chưa ngã ngũ. Bắc Hàn chỉ bắt buộc phải chấm dứt chương trình nguyên tử của họ nếu Trung Quốc thực sự muốn như thế và ra tay hành động. Việc Bắc Hàn từ lúc không có vũ khí nguyên tử cho đến lúc có vũ khí nguyên tử là thất bại của chính sách thiên về "thay đổi chế độ" trong khi Mỹ không có khả năng ấy, và từ chối thương thuyết đơn phương với Bắc Hàn.

Chỗ đứng lịch sử

Hỏi: Tổng thống Bush sẽ một chỗ đứng như thế nào trong lịch sử Ngoại giao của nước Mỹ?

Đáp: Còn quá sớm để đưa ra một phán đoán cuối cùng về chỗ đứng của chính quyền Bush trong lịch sử Mỹ. Ông Johnson bị người đương thời chỉ trích rất nhiều vì cuộc chiến ở Việt Nam, nhưng lịch sử đã đối xử tốt hơn với ông và cho ông thành tích thực hiện một cuộc cách mạng xã hội không

đổ máu, tạo thay đổi lớn lao trong thân phận người da đen và trong quan hệ chủng tộc ở Mỹ.

Một kết toán tạm thời về những thành công và thất bại của tổng thống Bush có thể như sau: Về thành quả, ông Bush đã chuyển nhanh chóng từ một tổng thống thời bình sang tổng thống thời chiến sau biến cố 9-11-2001 xảy ra, và trong hơn bảy năm qua đã giữ cho không có một hành động khủng bố nào xảy ra trên lãnh thổ Mỹ. Tại Aghanistan và Iraq, quân Mỹ đã đánh gục địch thủ một cách nhanh chóng và gọn ghẽ.

Ông thành công trong chiến tranh, nhưng thất bại trong hòa bình; việc quản lý Iraq một cách vụng về sau chiến thắng tiên khởi đã đưa nước Mỹ vào một chiến tranh lâu dài, tốn kém mà triển vọng thành công còn xa vời, quân đội Mỹ phải căng một cách tối đa không có khả năng tranh giành ảnh hưởng với các quốc gia đang lên, ngân sách quốc gia thâm thủng nặng nề, uy tín trên thế giới xuống thấp, bạn không nể, thù không sợ. Ở trong nước, chính sách kinh tế tài chánh của tổng thống Bush đã góp phần đưa đến một cuộc khủng hoảng tài chánh trầm trọng. Chính sách xã hội giáo điều dựa vào niềm tin tôn giáo bảo thủ cực đoan của ông thay vì tạo đoàn kết dân tộc như ông hứa đã đưa đến sự chia rẽ dân tộc.

Nhưng, nếu vì một phép mầu nào đó mà các nhà lãnh đạo Iraq ngồi lại được với nhau để xây dựng một nước Iraq dân chủ ổn cố thì lịch sử nước Mỹ sẽ dành cho tổng thống Bush một chỗ đứng xứng đáng với viễn kiến của ông.

Hỏi: Mỗi vị tổng thống Mỹ khi hết nhiệm kỳ đều để lại cho hậu thế một kỷ niệm khó quên. Kỷ niệm ấy có thể xấu hay tốt hay lẫn lộn. Vậy ông có dành cho tổng thống Bush một chỗ đứng nào trong trái tim mình không?

Đáp: Tổng thống Bush là người có một niềm tin lớn lao cả về phương diện lý thuyết kinh tế lẫn tôn giáo; ông thường suy nghĩ và hành động một cách giáo điều, vì thế đã đưa đến các khó khăn ngoại giao và kinh tế trầm trọng cho nước Mỹ.

Trong trái tim tôi, có hai hình ảnh của tổng thống Bush: một bên là hình ảnh của một nhà lãnh đạo thất bại vì bướng bỉnh quyết định theo niềm tin hơn là lý trí (faith-based not reason-based), bên kia là hình ảnh của một con người tốt bụng, thành thật, dễ tin, và có tinh thần trách nhiệm, đã vì quyền lợi quốc gia mà hy sinh niềm tin của mình vào ý thức hệ bảo thủ tôn sùng kinh tế thị trường để áp dụng những biện pháp cứu nguy kinh tế mà phe bảo thủ quá khích cho là đi vào con đường xã hội chủ nghĩa.

Hỏi: Trách nhiệm ngoại giao và gánh nặng kinh tế của vị tổng thống kế nhiệm ông Bush lớn lao như thế nào?

Đáp: Tất cả những khó khăn kinh tế và ngoại giao đều xảy ra dưới chính quyền Bush và bắt nguồn từ chính sách của chính quyền Bush. Ông Bush phải chịu trách nhiệm này.

Phạm Trần thực hiện

Những kì vọng lớn

The Economist



Barack Obama đã thắng đòn đả

Bây giờ là lúc ông phải dùng nó một cách khôn khéo. Không ai có thể hồ nghi về sức hút của những gì Barack Obama đạt được tuần này. Khi vị tổng thống đắc cử ra đời năm 1961, nhiều tiểu bang, không hẳn chỉ là tại miền Nam có luật ghi rõ trên giấy trắng mực đen bắt buộc cách li, cấm kết hôn dị chủng như trường hợp cha mẹ ông phải li cách, và hạn chế quyền bầu cử. Tuần này, nước Mỹ có thể nói to cùng thế giới rằng có một nước phương tây đã tránh được sự phân biệt màu da. Họ đã đạt những bước tiến dài trên con đường vận động quyền dân sự nhiều cay đắng và đổ máu. Lần này được đánh dấu bằng niềm vui, bất kể người trắng hay đen.

Ông Obama không thu được nhiều phiếu của người da trắng, điều đó đúng, chỉ khoảng 43-55%; nhưng ông thắng số phiếu ngang với ba vị ứng viên Dân Chủ (da trắng) trước kia: Bill Clinton, Al Gore và John Kerry. Nhưng ông thắng phiếu của cử tri da trắng trẻ tuổi. Hôm nay, nước Mỹ có một vị tổng thống có những người em cùng huyết thống tại Kenya, có bạn học cũ tại Indonesia, và nhìn thế giới trên cơ sở tôn trọng nhau chứ không phải đối đầu nhau.

Điều này có ý nghĩa lắm. Dưới thời George Bush, vị trí của nước Mỹ trên trường quốc tế xuống thấp tệ hại. Tuần này, nước Mỹ đi bầu với tỉ lệ kỉ lục vì nhiều lí do, nhưng có một lí do là họ ghê tởm vì sự kiện là uy tín của những thành phố trắng lệ bị hoen ố. Quốc gia họ hôm nay sẽ đối xử với bè bạn thoải mái hơn và khó có ai có thể căm ghét họ.

Bằng cách riêng của nó, cuộc tuyển cử lần này có tác dụng chữa chạy. Suốt tám năm qua, nhiều người vẫn nhắc lại (không phải lúc nào cũng đúng) sự kiện Florida năm 2000 là minh họa cho thứ chính trị nhỏ nhặt ở Mỹ. Thắng lợi rõ nét lần này có công của hàng triệu tình nguyện viên, cách dùng phương tiện công nghệ thông tin là điều hiếm thấy tại các nước dân chủ. Ông Obama đã chứng tỏ rằng, có một sứ điệp đúng rồi, cho dù thiếu tiền bạc và bộ máy vận hành sau lưng, ông vẫn có thể tự xây dựng nó cho mình.

Thời buổi khó khăn và tòa Nhà Trắng ọp ẹp

Cùng với thắng lợi vang dội này sẽ là những kì vọng lớn. Nhiều người ủng hộ ông Obama chắc sẽ sớm thất vọng, và họ có lí. Đối với những cử tri bỏ phiếu dù biết rõ những hạn chế của ông, bây giờ mọi chuyện sẽ tùy vào lối đi điều hành của ông. Tại hải ngoại, vị tổng thống của thế kỉ 21 sẽ chứng kiến cảnh cạnh tranh của những thế lực lớn như từng xảy ra vào thế kỉ 19. Tại quốc nội, ông phải hàn gắn lại đất nước, xử lí nền kinh tế ốm yếu và tránh tình cảnh độc đảng cai trị. Nói khéo và hành động xoa dịu có thể vẫn tác dụng, nhưng bây giờ cần cụ thể và quyết tâm mới xong.

Ông Obama bắt đầu nhiệm kì với nhiều thuận lợi. Ở tuổi 47, ông còn khá trẻ nên không bị vướng mắc trong cuộc chiến văn hóa chua cay về Việt Nam. Nay thắng cử với một đa số trong đó có những người độc lập và số nhỏ những cử tri đảng

Cộng Hòa, ông có thể tạo điều kiện cho cuộc nhìn lại trong một thời mới, trong đó đối lập chính trị không hề có nghĩa rằng người ta phản bội và rằng sự hợp tác sẽ là điều đáng khâm phục.

Nói hơi ngược đời một tí, ông sẽ được lợi nhờ thắng lợi của ông lần này chưa được trọn vẹn. Ông chỉ thu được 52% số phiếu cử tri, tất nhiên cao hơn ông Bush năm 2000 và năm 2004 đấy, nhưng chưa phải là con số ngoạn mục, thua xa thắng lợi của Roosevelt và Reagan. Dù ông có giúp đảng của mình tăng quyền kiểm soát Quốc Hội, thêm khoảng 20 ghế tại Hạ Viện và 5 tại Thượng Viện, nhưng chưa đủ mức 60 ghế để có thể lướt qua những chống đối và thông qua những dự luật gây tranh cãi mà không cần đảng Cộng Hòa ủng hộ (mặc dù cuộc kiểm phiếu có thể cho thêm một hoặc hai ghế nữa). Dù cho ông có gây được quỹ tranh cử cao đến thế, sự tàn hại của đảng Cộng Hòa dưới thời Bush và hệ lụy của cuộc khủng hoảng tài chính tệ hại nhất trong hơn 70 năm qua, sự kiện là 46% cử tri chống lại đảng Dân Chủ là một lời nhắc nhở rằng nước Mỹ vẫn còn là một xã hội bảo thủ. Ông Obama là một người thuộc phái tự do ở miền Bắc được bầu làm tổng thống kể từ ông John Kennedy đến nay; ông đừng quên vị trí xa rời trung tâm chính trị tại quốc gia đưa ông lên.

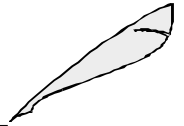
Thắng lợi của ông Obama phần nào khá tương đồng với thắng lợi của Bill Clinton năm 1992; và chỉ cần hai năm sau đảng Cộng Hòa đã có thể quay trở lại thế áp đảo qua hiện tượng Gingrich năm 1994. Nếu tổng thống Obama phải nhượng bộ cánh của những tay chống đối quá khích tại Quốc Hội, ta có thể dễ dàng hình dung một giai đoạn không mấy sạch sẽ trước mắt sẽ xảy ra trong cuộc bầu Quốc Hội giữa nhiệm kì năm 2010, không chỉ riêng với đảng Dân Chủ mà thôi. Nước Mỹ có thể sẽ rơi vào thế co cụm, hay sẽ tái hoạch định kinh doanh và tài chính qua những cải tổ mới mẻ, hoặc "rải đều của cải" (nói theo lời tổng thống mới) tới hạn mức tư bản có thể chuyển dịch ra hải ngoại một cách thận trọng.

Bạn bè song phương

Đến Tháng Giêng 2009 ông Obama mới lãnh trách nhiệm, nhưng ông vẫn có thể sử dụng khéo léo mười tuần lễ sắp tới. Bắt đầu là tuyên bố sẽ giao việc cho một số đảng viên Cộng Hoà. Ông Robert Gates là bộ trưởng quốc phòng xuất sắc của nội các Bush, người đã giúp chuyển hóa cục diện tại Iraq, cần phải được lưu nhiệm ít ra là trong một thời hạn ngắn. Đáng tiếc là Richard Lugar đã từ chối vai trò ngoại trưởng, nhưng nghị sĩ Chuck Hagel của bang Nebraska có thể là ứng viên cho bộ quốc phòng hay ngoại giao. Ông Obama vẫn có thể tìm một cương vị nào đó cho ông John McCain, là người có nhiều quan điểm giống ông lắm, đặc biệt là vấn đề hâm nóng địa cầu và việc đóng cửa trại tù Guantanamo. Một việc thực

Cảm tác trước biển lụt Thủ đô

Hà Sĩ Phu



Xác thối

Nước ngập lâu ngày trăm xác thối
Thối nào hơn được thối trung ương ?
"Đẩy tở" (1) lầu cao, liêm sỉ thấp
Kéo mác lê theo, xác dẫn đường !



Xác lợn kéo lê

Nhìn xác lợn kéo lê
Những âm thanh
vô cố vọng về
ám ảnh

Xác, các, mác, bác, ác...
Lợn, gợn, tợn, bặm trợn...
Kéo, méo, béo, ...xéo!
Lê, tê, mê, ghê, ê chề... quê !

Xác kia rửa nước cống
Rồi kéo ra chợ trời
Bán đi mà hốt bạc
Dân bập vào chắc toi !



Thăng Long thành biển

Đâu mất biển, đây ta được biển
Biển Hà thành thông tới biển Tam Sa
Thăng Long hồi, nghìn năm một hội
Rồng sẽ lên trời giữa biển Trung Hoa
Tứ sản Đò đôi bờ liên hiệp lại (2)
Nghèo đói ơi, bốn biển lại không nhà !

Hà Sĩ Phu (5-11-2008)

(1) Khẩu hiệu một thời : "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lí, nhân dân làm chủ !".
(2) "Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại !" (Karl Marx)

tiến cần công bố sớm là vị bộ trưởng tài chính mới (lí tưởng nhất là một người có quan điểm trung hòa nhiều kinh nghiệm như Larry Summers hay Tim Geithner) sẽ bắt đầu làm việc sát cánh với bộ trưởng đương nhiệm Hank Paulson.

Bổ dụng ai mặc dầu, ông Obama sẽ phải quan tâm đến nền kinh tế đang èo uột. Ông không thể treo lại gói giải cứu để giúp đưa nước Mỹ ra khỏi suy thoái. Nhưng ông cũng phải giữ những lời hứa hẹn rất lớn lao. Ông hứa sẽ giảm thuế cho 95% các hộ gia đình. Ông đã đề nghị một chính sách bảo hiểm y tế phổ quát, là một cái cách cấp bách vì dân số Hoa Kỳ giờ có tuổi cao mà các công ti thì hạn chế bảo hiểm y tế. Ông hứa sẽ chi thêm vào cơ sở hạ tầng, cả về cơ sở vật chất lẫn con người. Nhưng nếu thực thi hết những điều này thì ông phải cân đối giữa một bên các kế hoạch của mình và bên kia là ngân sách nếu không muốn phóng tay quá trán để mang nợ. Ông bắt đầu quyết định sẽ phải làm những ai ai thất vọng.

Những ai không phải là người Mỹ hẳn sẽ phải thất vọng trước. Nước Mỹ dưới thời Obama sẽ thay đổi ; thế giới của những o ép và dọa dẫm có môn bài sẽ sớm chấm dứt. Tuy nhiên, trước hết, nước Mỹ sẽ phải quan tâm đến quyền lợi của mình và của đồng minh. Rút ra khỏi Iraq sẽ khó khăn

hơn là những người ủng hộ ông mong muốn ; cuộc chiến tại Afghanistan sẽ đòi hỏi thêm những hi sinh của người Mỹ và châu Âu hơn là dự tưởng. Vấn đề Trung Đông cũng khó giải quyết chóng vánh. Thông qua một dự luật thay đổi khí hậu tại Quốc Hội cũng khó đấy.



Mười tuần sắp tới sẽ cho ông Obama cơ hội để tái xác lập niềm hi vọng cho toàn thế giới. Ông cũng có thể dùng một phần của giai đoạn chuyển tiếp này để đi một vòng quanh thế giới, chắc chắn là để lắng nghe tiếng nói của bạn bè cũng như những người chống đối, nhưng cũng là để cho họ thấy những giới hạn của nhiệm kỳ tổng thống của ông. Ông cần nói rõ rằng nước Mỹ tôn trọng nhân quyền và sẽ lắng nghe tất cả mà sẽ không áp chế ai : ông cần hết sức tránh số phận của Jimmy Carter, vị tổng thống đức độ

đã làm yếu một cường quốc.

Như hầu hết các chính trị gia khác, ông Obama chắc sẽ gánh thất bại nhiều hơn là thành công. Nhưng ông là người có tư cách, tài năng và cao vọng. Chọn ông, người Mỹ đã chúng tỏ thêm một lần nữa khả năng tự làm mới họ, và làm ngạc nhiên thế giới chung quanh.

The Economist, số ra ngày 6-11-2008
Xuyến Như chuyển ngữ

Tình hữu nghị đặc biệt đang vượt khỏi tầm tay

Nguyễn Văn Huy

Cho tới một ngày gần đây không ai nghi ngờ hay đặt lại quan hệ thắm thiết giữa hai nước Việt Nam và Lào. Các cấp lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đã không hết lời ca tụng và đề cao tình đoàn kết đặc biệt, sự hợp tác toàn diện giữa hai nước.

Thật vậy, nếu theo dõi kỹ, từ sau khi Đảng Cộng Sản Đông Dương ra đời năm 1930, quan hệ giữa các cấp lãnh đạo cộng sản hai nước trở nên gắn bó, nếu không muốn nói là như một. Các cấp lãnh đạo cộng sản Lào được sự giúp đỡ và đùm bọc của các cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam như anh em một nhà. Với một quan hệ gắn bó như thế ít ai nghĩ tới một ngày phải chia tay, nhưng thực tế hiện nay ngày ấy đang đến gần.

Một chút lịch sử

Trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1945-1954), theo sự chỉ đạo của Đệ Tam Quốc Tế, đại hội Đảng Cộng Sản Đông Dương lần thứ hai (tháng 2-1951) quyết định thành lập ở mỗi nước một đảng cộng sản riêng biệt, tuy độc lập với nhau về địa lý nhưng thống nhất với nhau về chính trị và hành động trong phong trào Việt Minh. Phía Việt Nam có Đảng Cộng Sản Việt Nam, phía Lào của đảng Pathet Lào (Đất Nước Lào). Sau khi Lào được trả độc lập, năm 1956 ban lãnh đạo Pathet Lào thành lập Mặt Trận Tổ Quốc Lào (Neo Lao Hak Xat) để tham gia chính quyền, do hoàng thân Pethsarat (Sisavang Vong) lãnh đạo. Trong chính quyền liên hiệp này, hai anh em cùng cha khác mẹ : Souphana Phouma (quốc gia) và Souphanou Vong (cộng sản), thay phiên nhau cầm quyền. Liên minh này chỉ tan vỡ năm 1962 khi đảng cộng sản Việt Nam quyết định tiến chiếm miền Nam Việt Nam bằng võ lực. Lãnh thổ Lào vừa là đường giao liên vừa là hậu cần của phe cộng sản miền Bắc xâm nhập vào Việt Nam, do đó phải tích cực giúp đỡ đảng cộng sản Lào (Pathet Lào) chiếm chính quyền bằng mọi giá. Từ đó quan hệ giữa hai đảng cộng sản Việt Lào trở nên thắm thiết. Năm 1963, lực lượng Pathet Lào (thật ra bộ đội cộng sản Việt Nam) chiếm cứ một vùng lãnh thổ rộng lớn phía đông bắc, gọi là Cánh Đồng Chum, và phía đông dọc vùng biên giới miền Trung Việt Nam để phe cộng sản miền Bắc sử dụng làm đường vận chuyển người và vũ khí vào miền Nam, được biết dưới "đường mòn Hồ Chí Minh". Phần lớn nhân sự trong lực lượng Pathet Lào là người Lào đồng bằng có cùng văn hóa với người Thái và người Thượng sinh sống trên dãy Trường Sơn, gọi là Lao Theung hay Kha (người miền cao, sơn cước).

Trong suốt cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai (1960-1975), "đường mòn Hồ Chí Minh" có lẽ là nơi bị tấn công và dội bom nhiều nhất. Số bộ đội cộng sản và thanh niên xung phong miền Bắc bị chết trên đoạn đường này nhiều bằng tổng số bộ đội cộng sản chết trên các chiến trường miền Nam, trên 500 000 người. Để ngăn chặn bộ đội cộng sản miền Bắc di chuyển trên con đường mòn này vào Nam, giới tình báo Mỹ (CIA) tuyển mộ

và huấn luyện người Hmong, sắc tộc thiểu miền núi sinh sống trên cao nguyên phía tây bắc Lào, dò thám và chỉ điểm cho không quân Mỹ ném bom. Tại Lào, người Hmong miền tây bắc và người Lao Theung miền nam được hoàng gia Lào tuyển dụng vào quân đội để ngăn chặn sự xâm nhập của quân Pathet Lào vào lưu vực sông Mekong. Nói chung, trong suốt cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai, chỉ người Hmong và người Lao Theung trực tiếp đánh phá lẫn nhau, trong khi người Lào đồng bằng chỉ lo làm thương mại và công việc hành chính. Cuối cùng, phe cộng sản miền Bắc đã chiếm được miền Nam và thống nhất đất nước. Tại Lào, phe cộng sản Việt Nam đã giúp Pathet Lào lật đổ vua Savang Vatthana cuối năm 1975 và thành lập nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào đặt dưới quyền lãnh đạo độc nhất của Đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào (Pathet Lào), mở ra một giai đoạn hợp tác toàn diện với Việt Nam về an ninh quốc phòng, chính trị và quân sự ở mọi cấp, từ trung ương đến địa phương. Nói cách khác, sự an ninh và ổn định của Lào hoàn toàn nằm trong tay đảng cộng sản Việt Nam. Tình trạng này kéo dài cho tới 1999, năm bộ đội cộng sản Việt Nam rút về nước.

Trong thời gian từ 1975 đến 1999, mọi ngõ ra vào lãnh thổ Lào, từ phía sông Mekong hay dãy Trường Sơn đều bị kiểm soát gắt gao. Cộng đồng người thiểu số Hmong vùng tây bắc bị phân biệt đối xử phải chạy sang Thái Lan lánh nạn, số còn lại trốn lên vùng núi cao phía đông bắc sinh sống bằng nghề trồng cây á phiện. Nhờ nguồn lợi này, người Hmong đã tự trang bị vũ khí và sẵn sàng chống trả lại quân chính phủ.

Cũng nên biết năm 1977, Việt Nam và Lào ký một hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện, nghĩa là hai nước là một. Quan hệ giữa hai nước không chỉ giới hạn trong lãnh vực an ninh quốc phòng mà cả về kinh tế, văn hóa và giáo dục. Tính đến nay, hai nước đã ký khoảng 40 hiệp ước, hiệp định, thỏa thuận ở cấp cao trong mọi lãnh vực. Việt Nam đã tích cực giới thiệu Lào vào ASEAN và giúp Lào tổ chức thành công hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 10 tại Vientiane tháng 11-2004, đồng thời bảo trợ Lào tham gia vào tiến trình ASEM. Từ đó hai nước hợp tác chặt chẽ trong việc tham gia các chương trình phát triển khu vực như Hợp tác tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS), Hợp tác kinh tế chiến lược sông Mekong (AMECS), Hành lang Đông Tây (WEC), Nhóm các nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam (CLMV), Tam giác phát triển gồm 7 tỉnh ngã ba biên giới Việt Miền Lào, v.v.

Để phát triển đất nước, từ 1986 Lào ban hành một chính sách kinh tế cởi mở mang tên Guồng Máy Kinh Tế Mới cho phép tư nhân kinh doanh và người nước ngoài vào đầu tư. Chính trong giai đoạn này chính quyền Thái Lan thiết lập quan hệ bình thường với Lào và giới tư bản Thái vào Lào đầu tư. Gần như toàn



bộ sinh hoạt kinh tế và khai thác tài nguyên thiên nhiên dọc bờ tả ngạn sông Mekong nằm trong tay doanh nhân Thái. Từ thập niên 1990 đến nay, chính quyền tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, đã tái lập quan hệ ngoại giao và kinh tế với Lào, doanh nhân và di dân Trung Quốc đã gần như tràn ngập vào các tỉnh tây bắc Lào (Phong Saly, Luong Namtha, Oudomsay và Bokeo) định cư và khai thác tài nguyên thiên nhiên (gỗ rừng và mỏ quặng).

Không có tiền khó giữ được bạn

Nhân dịp kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1965-2007) và 30 năm hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt Lào (1977-2007), phía Việt Nam đã làm đủ mọi cách để nâng cao tình hữu nghị này với hy vọng giữ mãi Lào trong tầm tay.

Tại Hà Nội, ngày 17-7-2007, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Nông Đức Mạnh khai mạc buổi mít tinh chào mừng dịp kỷ niệm đó, cùng với các nhân vật cáo cấp nhất trong chính quyền hay đã từng nắm chính quyền : cựu tổng bí thư Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, chủ tịch quốc hội Nguyễn Phú Trọng, chủ tịch quốc hội Nguyễn Văn An, chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc cùng nhiều phó thủ tướng, bộ trưởng và bí thư thành ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân Hà Nội. Phía Lào chỉ có phó chủ tịch nước kiêm thường trực ban bí thư, ông Bunnhang Volachit, và một vài thành viên trong phái đoàn đại biểu đến tham dự.

Tại Vientiane cùng ngày, Đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào cũng tổ chức kỷ niệm này, tổng bí thư kiêm chủ tịch nước Choummaly Souriya Sayasone đọc diễn văn khai mạc. Phía Việt Nam có Trương Tấn Sang, thường trực ban bí thư trung ương đảng cộng sản, và một số nhân vật trong đảng đại diện.

Mặc dù hai bên cố gắng nhắc tới tình đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai đảng và nhà nước, coi đây là qui luật tồn tại và phát triển đất nước, là tài sản quý báu do lịch sử để lại, v.v., trong thực tế quan tâm của những người lãnh đạo đất nước Lào hướng về những đối tượng khác, vừa giàu có vừa hùng mạnh hơn Việt Nam : Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Nam Hàn và các quốc gia phát triển phương Tây.

Với một dân số hơn 6 triệu người sinh sống trên một lãnh thổ rộng 236 000 km², trong đó 15% dân số tích cực tập trung vào những vùng thành thị, phần lớn tài nguyên thiên của Lào chưa được khai thác đúng mức. Đây là một nguồn lợi lớn mà giới đầu tư quốc tế mong được vào khai thác. Do thiếu cơ sở hạ tầng về đường sá và cầu cống, phần lớn các phương tiện di chuyển đều nằm trong tay người nước ngoài (Thái Lan, Trung Quốc và Việt Nam), những người này chỉ chấp nhận chuyên chở hàng hóa và tài nguyên mang lại nhiều lợi nhuận như gỗ quý, gỗ rừng lâu năm, thú rừng, á phiện, đá quý, quặng mỏ hiếm, v.v.

Nhắc lại, trước khi thiết lập quốc hội thẩm thiết với Việt Nam trong suốt cuộc chiến Đông Dương lần thứ 2, quan hệ giữa người Lào và người Thái rất là gần bó, vì cả hai dân tộc có cùng văn hóa và ngôn ngữ. Chính nhờ yếu tố này mà người Thái đã chiếm gần như trọn quyền khai thác kinh tế và tài nguyên dọc bờ tả ngạn sông Mekong từ Vientiane đến Pakse. Năm 1994 chiếc cầu hữu nghị đầu tiên (Mittaphap Bridge do Úc tài trợ) bắc qua sông Mekong, dài 1 170 m, nối liền Vientiane với thành phố Nong Khai của Thái được khánh thánh. Chiếc cầu thứ hai được khánh thành năm 2006, nối liền Savannakhet với thành phố Mukdahan của Thái, trong dự án xây dựng hành lang Đông-Tây nối liền Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương. Với hai chiếc cầu này, hàng hóa và tài nguyên giữa hai nước được di chuyển qua lại dễ dàng.

Với hành lang Đông Tây này, người Lào không còn thấy tương lai của họ lệ thuộc vào Việt Nam như trước. Lào là một quốc gia lục địa, không có đường ra biển cả, tất cả mọi hàng hóa muốn nhập hay xuất qua đường biển đều phải qua ngõ Việt Nam, với rất nhiều khó khăn và tốn kém. Khi trục lộ này hoàn tất, Lào có nhiều chọn lựa hơn : hàng hóa xuất nhập khẩu có thể vận chuyển hoặc qua ngã Thái Lan hoặc Việt Nam tùy theo lợi ích kinh tế. Cũng chính nhờ hành lang này mà Lào tiếp nhận thêm nhiều vốn đầu tư đến từ nước ngoài, nhất là Nhật Bản, Đài Loan và Nam Hàn, nhờ đó mức sống của người Lào được cải thiện hơn và mức sống cũng được nâng cao.

Trong bối cảnh mới này, Việt Nam là quốc gia yếu kém nhất và vắng mặt trên nhiều lãnh vực. Các cấp lãnh đạo Lào dành nhiều ưu tiên cho các quốc gia giàu có và hùng mạnh hơn nhiều lần Việt Nam : Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Nam Hàn, Úc, Liên Hiệp Châu Âu, Hoa Kỳ, Thái Lan, v.v. Hiện nay Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan là ba quốc gia đầu tư lớn nhất tại Lào, Úc chỉ đứng hạng thứ tư. Nhật Bản còn là quốc gia viện trợ kinh tế nhiều nhất cho Lào, trong khi Thái Lan là quốc gia đứng đầu về khối lượng hàng hóa nhập khẩu (64%) và cũng là khách hàng chính của Lào với 20% lượng hàng xuất khẩu. Các chương trình truyền hình của Lào đều do người Thái cung cấp, nhất là dân chúng Lào có thể bắt xem tất cả các đài truyền hình của Thái một cách miễn phí, và nhờ đó chinh phục được sự tin cậy của dân Lào vào Thái Lan. Khách du lịch mang ngoại tệ đến cho Lào là người phương Tây : Mỹ, Pháp, Úc và các quốc gia ASEAN giàu có (Thái Lan, Singapore, Indonesia, Malaysia).

Cố gắng đầu tư của Việt Nam trên đất nước Lào tập trung vào những lãnh vực có tính kỹ thuật thấp như thủy điện, lâm nghiệp, khảo sát và khai thác khoáng sản, vận tải, trồng cây công nghiệp (cà phê và cao su). Kim ngạch thương mại giữa hai nước thuộc hạng thấp nhất so với các nước khác : 45 triệu USD đầu thập niên 1990, 160 triệu USD vào đầu thập niên 2000, riêng năm 2006 là 260 triệu USD. Lãnh vực đầu tư chính của người Việt trên đất nước Lào là nghề khai thác gỗ rừng xuất khẩu, một dịch vụ đang bị dư luận thế giới lên án vì bất chấp môi trường.

Sự hiện diện của người Trung Quốc trong các tỉnh phía bắc Lào ngày càng lộ liễu. Cũng nên biết, Trung Quốc là quốc gia đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở giao thông của Lào từ đầu thập niên 1990 : quốc lộ 13 và đường xe lửa nối liền Bắc Nam.

Hiện nay di dân Trung Quốc dọc biên giới vào đất Lào khai hoang khẩn đất rất đông và không hề bị kiểm soát. Nhà cửa của người Trung Quốc mọc lên như nấm dọc các trục lộ giao thông Bắc Nam trong các tỉnh này. Lào là quốc gia đứng vào hạng thứ ba về sản xuất thuốc phiện, sau Afghanistan và Myanmar. Nhiều sông bạc và khách sạn của người Trung Quốc được thành lập để thu hút số tiền bẩn do thuốc phiện mang lại. Những nhóm Hmong chống đối chính quyền cộng sản thân Việt Nam trước kia được Trung Quốc giúp đỡ để trở về quê quán cũ canh tác, một số còn được huấn luyện quân sự và trang bị vũ khí để tự bảo vệ khi bị chính quyền Lào tấn công. Nói chung, gần như bốn tỉnh phía bắc Lào đang nằm trong tay người Trung Quốc, với tất cả những hệ lụy của sinh hoạt mua bán hợp pháp và bất hợp pháp.

Mặc cho các cấp lãnh đạo cộng sản Việt Nam ra sức hô hào củng cố tình đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện, người bạn Lào đang hưởng về những thế lực giàu có và hùng mạnh hơn Việt Nam. Lào đang vượt khỏi tầm tay Việt Nam.

Nguyễn Văn Huy

Chuyện thường ngày ở thủ đô ngàn năm văn hiến

Hoàng Quý

Những ngày qua, Hà Nội phải gánh chịu một trận lụt hiếm thấy trong lịch sử. Dĩ nhiên, đây không phải là lần đầu tiên Hà Nội chịu cảnh lụt lội. Chuyện những con phố như Khâm Thiên, Đội Cấn, Tôn Đức Thắng, Nguyễn Lương Bằng... bị ngập sau những trận mưa lớn đã thành chuyện thường ngày ở thủ đô ngàn năm văn hiến rồi. Nhưng mức độ ngập gần như ở mức toàn thành phố thủ đô, không do bão lũ hay vỡ đê, trong khi mực nước sông Hồng không quá cao, mà chỉ vì... mưa nhiều, có lẽ là chuyện hi hữu không chỉ ở riêng Việt Nam.

Trong một vài ngày tới, người dân Hà Nội sẽ vẫn phải tiếp tục "sống chung với nước". Tôi không muốn đi sâu vào những chi tiết, những thảm cảnh mà người dân thủ đô đang từng ngày phải gánh chịu, mà chỉ muốn đưa ra vài suy gẫm nhân trận lụt này.

Bài ca muôn thủa

Rảo qua các diễn đàn trên mạng X-Café và các trang điện tử chính thức, có thể thấy những hình ảnh, những nhận xét khá phong phú và đa dạng. Ở diễn đàn x-café, ý kiến của những người được gọi là Hồng Vệ Binh dường như không nhiều lắm. Tuy nhiên, rải rác bên cạnh những hình ảnh dỏ khóc dở cười như đưa đồ qua phố, cất vó trên đường, ngan bơi trong phòng khách..., cũng có những hình ảnh của những trận lụt từng tàn phá những thành phố ở những xứ sở văn minh, để chứng minh rằng : chắc, ở đâu mà chẳng có lụt lội !

Nhớ lại cách đây chừng hơn một tháng, cũng trên diễn đàn X-Café, sau khi những hình ảnh đàn áp đánh đập giáo dân Thái Hà bằng dùi cui điện và hơi cay được tung lên mạng, lập tức một loạt những hình ảnh cảnh sát ở các nước tự do dân chủ dùng hơi cay và dùi cui điện để vãn hồi trật tự nhằm kiểm soát tình hình những cuộc biểu tình cũng được tung lên, để chứng minh rằng đó cũng là chuyện bình thường.

Hay khi có những người bới ra những thói hư tật xấu của đảng hoặc các lãnh tụ cộng sản, lập tức một loạt thói hư tật xấu của đảng này đảng nọ, nhân vật này nhân vật kia liền được trưng ra để khẳng định rằng ai mà chẳng có tật xấu, chính thể nào mà chẳng có những khiếm khuyết này nọ ! Thói đánh tráo khái niệm dường như đã ăn vào máu thịt của những người tự xưng là khoa học biện chứng.

Một lần, khi nói chuyện với một nhân viên an ninh đã giải nghệ, tôi có nói rằng bộ trưởng bộ nội vụ trước đây là Trần Quốc Hoàn vốn xuất thân là một tên lưu manh mặt hạng, rằng Đỗ Mười vốn chỉ là gã hoạn lợn. Anh chàng này lập tức phản ứng rằng chuyện những vĩ nhân có xuất xứ bản hàn đầu phải hiếm trong lịch sử nhân loại. Tôi trả lời rằng chuyện đó chính xác, nhưng liệu có thể tin rằng trong một thời điểm cụ thể không dài trong lịch sử Việt Nam, một loạt những vĩ nhân cùng xuất hiện, bởi con số không nhỏ những nhà lãnh đạo

cộng sản Việt Nam vốn là những người ít học, thậm chí lưu manh ? Vĩ nhân ở đâu mà lắm thế ?

Cũng vậy, cái không bình thường là ở chỗ Hà Nội bị lụt lội khủng khiếp chỉ vì mưa nhiều, hệ thống thoát nước quá kém cỏi. Sau bao nhiêu năm kiên trì đường lối "sai đâu sửa đấy, càng sửa càng sai", Hà Nội vẫn chịu cảnh cứ mưa là ngập. Thế mà theo kiểu nói của ông Phạm Quang Nghị được trang điện tử *VietnamNet* trưng dẫn rằng : "Thiên tai thì không tính trước được", hiểu theo hoàn cảnh cụ thể tại Hà Nội nghĩa là



chuyện trời có thể mưa lớn và kéo dài chưa được đảng ta tính đến ! Hóa ra chỉ tại đồng chí Trời không chịu vè vè đi theo lối do đảng vạch ra ! Mà sao sau bao nhiêu chỉnh huấn, rồi thanh trừng nặng mùi tử khí, đồng chí Trời vẫn cứ lọt lưới và hình như đang bị các thế lực thù địch lôi kéo xúi giục ? Thật ra, với kiểu chất lượng công trình như vườn hoa ở Tòa Khâm Sứ cũ, nghĩa là chỉ

trong vòng hơn một tháng trời, người ta cứ khởi công, khánh thành rồi sửa lên sửa xuống tới tận lần thứ tư vẫn chưa đâu ra đâu, có thể nhận ra rằng cái lối suy nghĩ tiền thuế, mồ hôi xương máu của dân bỏ ra cũng chỉ là thứ của "chùa", tiền "chùa", đã ăn thật sâu vào đầu óc những tên đầy tớ bất lương. Chuyện Hà Nội sẽ còn chịu cảnh ngập lụt dài dài sẽ là chuyện thường ngày ở thủ đô ngàn năm văn hiến, sẽ cùng tồn tại với đất nước và dân tộc !

Vậy nên, cũng như muôn vàn chuyện bất bình thường vẫn ngang nhiên tồn tại hằng ngày ở cái quốc gia đã sắp chạm tay vào thiên đường mù, việc giáo dân bị đối xử bằng dùi cui điện và hơi cay, khi họ chỉ cầu nguyện một cách ôn hoà, lại cũng được xem là chuyện thường ngày ở thủ đô ngàn năm văn hiến !

Xem ra bài ca "ở đâu mà chẳng vậy, con người ai mà chẳng thế" dường như đã thành bài ca muôn thủa, luôn được lôi ra hát mỗi khi cần, với mức độ xuất hiện mỗi ngày càng nhiều hơn! Thế mà không hiểu tại sao khi những Hà Sĩ Phu, Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Xuân Nghĩa, Vũ Hùng, Phạm Thanh Nghiên ..., chỉ đòi cái quyền đã được ghi chêm chệ trên xấp giấy có tên là Hiến Pháp, bài ca nọ đã bị giấu biệt ở đâu, khi họ bị kết cho cái tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ, cái quyền mà họ mới chỉ đòi chứ chưa hề có !

Dân ý lại nhà nước ?

Cũng trong cùng bài báo ở trang Vietnamnet kể trên, lời ông Phạm Quang Nghị trong cuộc trả lời phỏng vấn được ghi lại rằng : "Kinh nghiệm tốt nhất vẫn là huy động chính sức dân và huy động tại chỗ. Do đang đi kiểm tra dưới cơ sở nên tôi thấy nhân dân ta bây giờ so với ngày xưa ý lại nhà nước lắm. Cứ chờ trên về, chờ cung cấp cái này, hỗ trợ cái kia chứ không đem hết sức ra tự làm".

Hầu như cứ mỗi lần xảy ra biến cố nào đó, trên báo chí chính thức luôn xuất hiện những câu nói ngây ngô ngờ nghệch của giới lãnh đạo cao cấp. Ông Phạm Quang Nghị cứ làm như những kẻ ăn lương của dân, là những tên công bộc không có trách nhiệm gì với quốc kế dân sinh. Nhân dân chứ không phải ai khác sẽ phải tự lo liệu mọi chuyện. Còn những tên đầy tớ của nhân dân, những cán bộ ăn lương của nhân dân chỉ để làm một việc duy nhất là ngồi chơi xơi nước, đánh bạc, chơi gái và nhăm nhe có vụ nợ việc kia để hạch sách, vòi vĩnh, ăn chặn. Làm đầy tớ kiểu ấy thì không những không thể gọi là tử tế, mà phải nói là mất dạy, dĩ nhiên phải hiểu ngầm là họ cũng từng được dạy dỗ như ai.

Ôi, sao cái lẽ đơn giản Nguyễn Trãi từng nói trước đây gần 600 năm rằng kẻ làm quan phải "lo trước điều thiên hạ phải lo, vui sau cái vui của thiên hạ" mới thật xa vời với đất nước ngàn năm văn hiến này, cứ như chuyện chỉ tồn tại trong cổ tích !

Khối tự phát khổng lồ

Trong khi ông Phạm Quang Nghị dạy rằng "nhân dân ta bây giờ so với ngày xưa ỷ lại Nhà nước lắm", thì từng ngày, dân nghèo Hà Nội vẫn phải chật vật lo lắng từng mớ rau, bữa gạo, với mức tăng giá hàng chục lần, vẫn phải dùng những con đò qua phố với mức giá 20 ngàn đồng trên 20m. Ra đường, dân phải chống chọi với sóng dữ của các loại ô tô, nhất là hung thần xe buýt. Cũng chính người dân chứ không phải ai khác đã nghĩ ra các kiểu di chuyển hết sức tự phát như thuyền trên phố, đò trên đường, xe ngựa chống lụt, công con chống lụt ... Với cụ Nghị, những điều dân tự nghĩ ra để đối phó với hoàn cảnh như thế là chưa đủ. Có lẽ người dân phải mỗi người một xô một chậu xúc nước đổ ra sông Hồng, như vậy các quan chức sẽ đỡ phải lo nghĩ chuyện xe của các ngài có thể bị ngập. Mà mỗi chiếc xe có giá cả mấy trăm ngàn Mỹ kim chứ đâu có ít. Gì thì gì cũng xót tiền cướp được của dân lắm chứ! Cái giọng ấy thật giống kiểu kêu quang quác của ả gà mái. Không, so sánh như thế là bất công với ả gà nọ, vì ả kêu quang quác sau khi cho đời một quả trứng. Kiểu nói đó thật sự là của những tên vừa ăn cướp vừa la làng.

Mà đồng chí Nghị thân mến ạ, chuyện kể ra đâu có gì khó. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của đảng ta, hình như đồng chí Hoàng Trung Thông từng hát rằng "*Nghiêng đống đổ nước ra sông / Vất đất ra nước thay trời làm mưa*". Đồng chí Trời mà không chịu nghe thì ta cưỡng chế, nếu không thì cứ nghiêng cái vèo là nước ở thủ đô sẽ chảy ào ào ra sông Hồng chứ làm gì mà cứ nặng lên. Nhưng chết. Nhỡ nghiêng cái, mà cụ Hồ xồng xộc chạy tuốt ra sông Hồng, rồi xuôi thẳng về biển Đông, hết chỗ hương khói thì ăn mày cả đám ! Vậy nên thôi, ai nấy cứ tự thân vận động là đảng yên tâm nhất.

Kể ra vụ cho đồng chí Trời bị các thế lực thù địch lôi kéo xúi giục kể cũng hơi quá. Đồng chí cho đảng ta cơ hội ngàn vàng là có chỗ khai khổng. Những công trình bị rút ruột, những thất thoát chưa biết đổ cho ai thì giờ đã có đồng chí Trời chịu trách nhiệm. Tiện nhất là từ xưa đến nay, đồng chí Trời không bao giờ biết tự biện hộ. Như thế là rất tốt, nếu cần đồng chí sẽ nhận được giấy khen. Gì chứ món giấy khen thì đảng ta chỉ thỉnh thoảng mới hà tiện thôi.

Nghĩ ra cũng thật hay, dân Việt Nam ta hiền lành cam chịu. Dù bị oan ức tới mức nào đi nữa cũng chỉ biết im lặng, cắn răng nuốt nỗi đau nỗi nhục vào tim, có phần nào thật giống đồng chí Trời. Để rồi họ sẽ dùng hết khả năng sức lực chạy đôn chạy đáo như bầy ong vỡ tổ, mạnh ai nấy sống, gặp gì làm nấy, thấy gì làm vậy, cốt sao qua cơn bĩ cực. Ông Vương Trí Nhàn có nói tới một xã hội Việt Nam theo kiểu khối tự phát khổng lồ thật không hề sai, nhất là khi ta quan sát những sáng kiến muôn hình muôn vẻ người ta có thể nghĩ ra trong trận lụt lịch sử hiện nay tại Hà Nội. Có điều khi nói như thế e rằng ông đã đánh giá hơi cao sự lãnh đạo sáng suốt tài tình của đảng ta.

Hôm nay, 3-11, khi tôi ngồi viết những dòng này, những cơn mưa có nhỏ hơn, nhưng chưa dứt hẳn, nhiều khu vực vẫn tiếp tục bị cắt điện. Theo dự kiến của báo đài nhà nước, nhanh nhất cũng phải chùng năm ngày nữa Hà Nội mới thoát cảnh ngập lụt. Trong thời gian này, người dân nào muốn sống sót thì tuyệt đối không nên ỷ lại vào nhà nước. Nhưng không biết tới bao giờ nước Việt Nam mới thoát cảnh coi những chuyện thậm vô lí đến mực cười như là những chuyện thường ngày ở thủ đô ngàn năm văn hiến !

Bàn cờ đã thành rối tinh rối mù. Những kẻ cầm quân cò trên tay đã không đủ khả năng giải gỡ thế bí, lại cũng không đủ can đảm xoá bàn cờ đi chơi ván khác, mà chỉ kiên trì đánh cù nhảy theo kiểu lũ nhãi ranh hè phố. Tương lai đất nước và dân tộc vẫn tiếp tục chìm trong nước ngập tù đọng, hàm chứa muôn vàn thứ hiểm hoạ bệnh tật và chết chóc !

Hoàng Cúc (Hà Nội)

Nguồn : *VietcatholicNews*, ngày 04/11/2008

MUA BÁO
Gia nhập HVNHĐ

ABONNEMENT
Adhésion à VNFraternité

Họ (Nom) :
 Tên (Prénom) :
 Địa chỉ (Adresse) :
 Mã số hành chính (Code postal).....
 Thành phố (Ville) :
 Điện thoại (Tél.) :

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*):

mua / gia hạn mua báo (35 EUR/năm)
 pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ
 pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(*): đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG
 Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : **Vietnam Fraternité**
 Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau -
 77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) :

Chữ ký (Signature).....

THỰC TẾ HAY BÁNH VÈ ?

Sau 63 năm giành được độc lập từ thực dân Pháp, chính quyền cộng sản Việt Nam đã quyết định "mở rộng dân chủ" bằng cách cho phép người dân bầu trực tiếp chức vụ "chủ tịch xã". Báo chí Việt Nam đã hết lời ca ngợi chủ trương "cởi mở" và "dân chủ" này của "đảng cộng sản Việt Nam quang vinh và muôn năm". Tôi cũng thấy "mừng", vì với kiểu "dân chủ tiệm tiến" này thì khoảng... 200 năm nữa người dân Việt Nam sẽ có cơ hội bầu... chủ tịch nước (tổng thống).

Trong nhiều bài viết đề cập đến vấn đề "mở rộng dân chủ" cho Việt Nam tôi đã đưa ra đề nghị là hãy thay đổi (chuyển đổi) dân chủ từ "trên xuống" thay vì theo kiểu "từ dưới lên". Có nghĩa là phải mang dân chủ đến cho tầng lớp lãnh đạo trước, tầng lớp trí thức và có văn hóa trước. Hãy cọ xát và chấp nhận "trò chơi" dân chủ ở những người có hiểu biết và sau đó rút ra kinh nghiệm, bài học thực tiễn rồi mang ra áp dụng trên diện rộng, đến từng làng xã, thôn xóm trên toàn quốc.

Dân chủ không phải là một thứ hàng hóa hay đặc ân mà có thể ban phát. Dân chủ là một quá trình nhận thức, học hỏi và thích nghi. Đây là một quá trình gian nan, vất vả và cần phải có hiểu biết lẫn quyết tâm. Dân chủ với Việt Nam cũng như một cuộc "cách mạng" bởi nó mang lại nhiều thay đổi, nhiều biến động, nhiều tích cực và cũng có cả tiêu cực.

Dân chủ là lắng nghe, là đối thoại, là hợp tác, là chấp nhận lẫn nhau, vì thế nó cần thực hiện ở những người có «văn hóa cao» trước. Nếu đưa "dân chủ" đến những người ít hiểu biết mà không hướng dẫn được họ thì nhiều khi hại sẽ nhiều hơn là lợi. Mô hình chuyển đổi từ độc tài sang dân chủ theo kiểu Đài Loan hay Hàn Quốc rất đáng để học hỏi và suy ngẫm. Hãy thay đổi từ trên xuống tầng chính trị trước rồi đem ra "áp đặt" cho dân chúng sau.

Một cuộc thay đổi (hay thậm chí là đảo chính) trong chính phủ hay quốc hội sẽ tốt hơn nhiều so với một cuộc cách mạng trên đường phố, từ những người dân bất mãn và bất trị.

Chính quyền cộng sản Việt Nam có truyền thống "quí báu" là luôn làm mọi việc ngược đời và luôn chạy theo đuôi... người dân. Việc bầu cử chủ tịch xã cũng đúng như vậy. Trong nhiều ý kiến xoay quanh chủ đề này thì tôi tâm đắc nhất với ý kiến của nhà văn Nguyễn Quang Thiều trong bài viết "Nông dân cần trợ giúp để hưởng tài sản dân chủ" đăng trên *Vietnamnet* ngày 6-10-2008. Ông cho rằng xã là đơn vị hành chính đơn giản nhất vì thế đó là nơi phải tiến hành vấn đề dân chủ muộn nhất, do trình độ nhận thức, dân trí, văn hóa, xã hội. Ông khẳng định rằng làng xã là nơi cuối cùng mà bước tiến dân chủ có thể lan tỏa tới chứ không phải lấy nơi đó để thí điểm bước đi dân chủ.

Là một nhà văn gắn liền với người dân ông Nguyễn Quang Thiều rất đúng khi cho rằng mối quan tâm của những người ở nông thôn rất cụ thể, đó là điều kiện lao động, y tế, học hành, hạ tầng cơ sở... nhưng những việc đó chính quyền cấp xã đâu có khả năng giải quyết ?

Và cũng vì "xã không có quyền quyết định ngân sách, không vạch ra đường lối, không thể cung cấp phương tiện lao động,



không trợ cấp thuốc men, không thể giảm đi đóng góp của nhà trường", cho nên "người dân chỉ thực sự cần vai trò của ông chủ tịch xã nếu chữ ký của ông ta quyết định được những vấn đề liên quan đến công ăn việc làm, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội, chăm sóc sức khỏe, việc học hành của con cái họ".

Ông kết luận "Tại sao chúng ta không làm ở bậc cao hơn, có thể là ở phường, hoặc nơi đô thị ? Thí điểm trước ở nông thôn, theo cá nhân tôi, là chúng ta đang làm ngược. Dân chủ thực chất đòi hỏi người dân một khả năng sống phức tạp hơn và rất khoa học trong khi lúc này, những người nông dân vẫn sống phần nhiều theo bản tính tự nhiên và duy cảm".

Bài viết của nhà văn Nguyễn Quang Thiều là tiếng nói phản biện rất đáng để suy ngẫm nhưng với một chế độ toàn trị thì mỗi khi "Đảng đã quyết" thì dân "cứ thế mà làm", sai hay đúng tính sau. Giả sử bây giờ tôi cũng đưa ra một đề nghị giống ông Nguyễn Quang Thiều rằng : thay vì bầu chủ tịch xã hãy cho phép bầu "thị trưởng các thành phố" liệu đảng ta có chịu không ?

Bây giờ chúng ta hãy cùng bàn đến việc là nên bầu cử "đồng chí chủ tịch xã" thế nào cho dân chủ mà không mang tính hình thức ? Hay nói như tiến sĩ Nguyễn Sĩ Dũng là đừng có tốn tiền của dân để rồi bầu cử vẫn chỉ là việc "rút thăm" để làm "chủ tịch xã".

Ngay từ những phát biểu đầu tiên của các "ông lớn" trong Bộ chính trị thì người dân cũng đã có quyền nghi ngờ tính trung thực và khách quan của việc "bầu chủ tịch xã" qua những "ý kiến chỉ đạo" như kiểu "các cuộc bầu cử phải đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của đảng" hay "phải tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ", "phải thông qua mặt trận tổ quốc"...

Vậy làm sao để các cuộc bầu cử có chút kết quả dù là khiêm tốn ?

Trong quá trình bầu cử thì "ủy ban bầu cử" và "ủy ban giám sát" rất quan trọng, nhiều khi người dân bầu cử bầu nhưng khâu kiểm phiếu lại không có giám sát, như vậy kết quả kiểm phiếu hoàn toàn có thể bị thay đổi. "Hội đồng nhân dân xã" cũng sẽ phải đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát các hoạt động của chủ tịch xã. Để tránh trường hợp "Hội đồng nhân dân" chỉ là bù nhìn thì vai trò giám sát của hội đồng phải cụ thể hóa, trong đó hội đồng phải có chức năng bãi miễn chức chủ tịch xã nếu trong hội đồng đạt được hai phần ba số phiếu thuận.

Câu hỏi tiếp theo là "Hội đồng nhân dân", "Ủy ban bầu cử" và "Ủy ban giám sát bầu cử" sẽ được bầu ra như thế nào để vừa đơn giản vừa dân chủ, vừa công khai minh bạch ? Theo ý kiến của tôi thì tất cả các "ủy ban" và "hội đồng" nêu trên không cần phải bầu vì thực tế đã có sẵn ! Đó chính là các vị «Trưởng thôn».

Câu chuyện xúc tích nhất về việc "mở rộng dân chủ" kiểu này đã được các nhà đạo diễn Việt Nam đưa lên màn ảnh truyền hình và đã chiếm được rất nhiều cảm tình lẫn quan tâm của dân chúng đó là bộ phim "Người tù và hàng tổng". Quan niệm "một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp", "con gà ghét nhau

tiếng gáy", chuyện dòng họ... vẫn còn ghi đậm dấu trong đời sống người dân quê. Việc các "trưởng thôn" trở thành các "ủy viên hội đồng nhân dân xã" sẽ đảm bảo được "sự công bằng" vì họ đại diện cho tất cả các thôn trong xã. Đảm bảo được "dân chủ" là vì họ đã được người dân bầu lên. Đảm bảo ít tổn kém vì không phải bầu đi bầu lại.

Sẽ có ý kiến cho rằng những vị trưởng thôn sẽ không làm nổi những công việc này vì nhiều người trong số đó vốn là nông dân. Để khắc phục điều này thì trong những trường hợp phải đưa ra các quyết định quan trọng hãy cho họ một thời gian nhất định để họ có thể tham khảo ý kiến của những người dân. Chính trách nhiệm nặng nề đặt trên vai họ sẽ khiến họ phải suy nghĩ đắn đo khi đưa ra các quyết định. Trong trường hợp đặc biệt như bầu cử thì các vị trưởng thôn có thể có từ một đến hai người cố vấn do họ tự chọn để tham gia việc tổ chức bầu cử và giám sát bầu cử.

Số lượng các ứng cử viên cũng không cần hạn chế, mỗi người muốn ra ứng cử phải thu được chữ ký của khoảng một trăm người dân là đủ. Bầu cử chỉ cần một lần, ai có số phiếu cao nhất sẽ trở thành "chủ tịch xã", chức "phó chủ tịch xã" sẽ được tân chủ tịch xã giới thiệu và phải được sự nhất trí của hai phần ba các ủy viên hội đồng nhân dân xã (tức các trưởng thôn).

Điều quan trọng nhất để chức "chủ tịch xã" có thực chất là phải tăng cường trách nhiệm lẫn quyền hạn cho chủ tịch xã, trong đó có việc phân bổ các nguồn vốn quốc gia dành cho y tế, giáo dục, xây dựng hạ tầng, học hành, cơ hội việc làm, phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở nông thôn... Chỉ cần nhà nước công khai ngân sách dành cho các xã là được còn việc giám sát và theo dõi nguồn vốn đó sẽ đi đâu, về đâu là trách nhiệm của "hội đồng nhân dân xã", các vị trưởng thôn. Trách nhiệm của chủ tịch xã sẽ được đánh giá qua các việc họ sẽ làm được chứ không còn đơn giản là làm trọng tài phân xử các vụ tranh chấp lật vật hay dừng lại ở việc "chứng thực" (đóng dấu) chuyện "sinh tử" hay người này nghèo, kẻ kia khổ. Phải có cơ chế để chủ tịch xã trở thành tác nhân của sự phát triển trong khu vực mình lãnh đạo chứ không chỉ là "rình bán đất" hay ăn chặn mấy đồng tiền cơm của người dân khi phải đến ủy ban xin giấy chúng nhận.

Đường lối mà Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên theo đuổi là "nâng cao dân trí", có nghĩa là cung cấp thông tin đầy đủ và khách quan cho người dân để họ hình thành cho mình một chính kiến. Đây là con đường canh tân đất nước mà nhà cách mạng Việt Nam lỗi lạc Phan Châu Trinh đã đưa ra gần một trăm năm trước. Đó cũng chính là quan điểm của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên trong việc dân chủ hóa đất nước, đó là sự kiên trì cố vũ cho một sự đồng thuận để tạo thành sức mạnh cho quần chúng và trên hết sự đồng thuận đó phải đặt trên các giá trị nhân bản và tiến bộ mà loài người đã đạt được. Đồng thuận để đi đến các giải pháp chung cho cả đất nước. Đồng thuận phải dựa trên sự hiểu biết chứ không mang tính áp đặt, đồng thuận phải là kết quả của trí thức và sự tự nhận thức. Đây là một quá trình gian nan và vất vả nhưng sẽ mang đến dân chủ bền vững vĩnh viễn cho dân tộc Việt Nam.

Trên tinh thần đó Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên luôn luôn mong muốn đối thoại, trao đổi, tham gia vào các cuộc hội đàm của tất cả các tổ chức chính trị nếu các cuộc đối thoại đó có tính chất nâng cao hiểu biết cho người dân và có thực chất lẫn thực tâm mang lại dân chủ đích thực cho dân tộc Việt Nam.

Việt Hoàng (Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên)

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN & NGHĨA HỘI TỰ DO VIỆT NAM

trân trọng kính mời các thân hữu tham dự :

Bữa ăn và khiêu vũ

gây quỹ yểm trợ những người dân chủ trong nước đang bị mắc nạn

Chủ Nhật 14-12-2008, từ 12 giờ đến 17 giờ
Salle des Fêtes Associatives
Rue Lech Walesa, 77185 Lognes

Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam (Association Vietnam Libertés) là một quỹ thiện nguyện theo luật 1901 (Pháp).

Do Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên thành lập năm 1993, Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam đã yểm trợ một cách tích cực và rất có hiệu quả các anh em dân chủ mắc nạn hoặc gặp khó khăn trong nước.

Nghĩa Hội yểm trợ một cách cụ thể bằng cách gửi tiền trợ cấp cho gia đình các chiến sĩ dân chủ bị cầm tù hoặc bị chính quyền cộng sản cô lập về mặt kinh tế không thể tìm được việc làm hay sinh hoạt kinh tế độc lập.

Nghĩa Hội cũng động viên một cách hiệu quả dư luận thế giới, các chính phủ dân chủ và các tổ chức nhân quyền bảo vệ những người dân chủ bị bách hại.

Trong vô số các cố gắng yểm trợ anh em dân chủ trong nước, Nghĩa Hội Tự Do Việt Nam là cố gắng bền bỉ đều đặn và hiệu lực nhất. Tài nguyên của Nghĩa Hội đến từ các chí hữu và thân hữu của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng như từ các cố gắng gây quỹ đặc biệt.

Cuộc vận động dân chủ trong nước đang trải qua một giai đoạn rất căng thẳng. Nhiều anh em dân chủ, sau một đợt đàn áp tháng 10 vừa qua, đã cùng với một số đồng đảo tín hữu công giáo và dân oan đòi công lý. Tuy vậy nếu chúng ta kiên trì thì đây là một căng thẳng đầy hứa hẹn, chuẩn bị cho một bước tiến quyết định của tiến trình dân chủ hóa. Anh em dân chủ trong nước đang rất cần được yểm trợ. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên mong đợi sự yểm trợ tài chính của các thân hữu.

Bữa cơm gây quỹ này cũng là dịp cuối năm để chúng ta gặp nhau trao đổi về tình hình đất nước và thăm hỏi nhau sau những bận rộn của mọi người.

Lịch sử nhân loại xét cho cùng là cuộc hành trình của con người về một tương lai tự do hơn. Đó là cuộc hành trình vất vả nhưng vinh quang của các dân tộc về dân chủ đa nguyên.

Mức độ văn minh và phẩm giá của mỗi dân tộc được đánh giá qua sự gắn bó với tự do và dân chủ.

Liên lạc : **Nguyễn Gia Kiểng** : 06 60 07 68 00
Nguyễn Sơn Bá : 06 12 20 25 21

BA VỤ HẠ SÁT

Lữ Giang

Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, chưa có biến cố nào gây nhiều tranh luận bằng cuộc đảo chánh lật đổ và giết tổng thống Ngô Đình Diệm. Các cuộc tranh luận vẫn đang tiếp tục và chưa biết bao giờ mới chấm dứt.

Lý do tranh luận kéo dài

Sở dĩ có nhiều tranh luận vì ba lý do chính sau đây :

1. **Về phía chính phủ Hoa Kỳ** : Chính phủ Hoa Kỳ nhận ra rằng việc lật đổ và giết tổng thống Ngô Đình Diệm là một sai lầm trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ nên Bộ ngoại giao và CIA quyết định giấu đi nhiều tài liệu quan trọng liên hệ đến biến cố này. Một số tài liệu đã được tiết lộ dần dần khi tình hình lắng dịu qua thời gian, nhưng đa số đã bị cắt xén nhiều đoạn, nhiều câu hoặc nhiều chữ khiến những người tra cứu khó đoán biết được những gì đã thật sự xảy ra. Đọc các bộ tài liệu liên quan đến biến cố này in trong các bộ "*Foreign Relations of the United States*" của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ, chúng ta sẽ rất bức mình về những sự kiểm duyệt này. Hiện nay, còn khoảng 17 văn kiện quan trọng liên quan đến vụ lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm vẫn chưa được giải mã, không kể các văn kiện linh tinh.

Riêng bản phúc trình của phái đoàn Liên Hiệp Quốc điều tra về vụ Phật Giáo thì không thể giấu được, vì nó đã được đệ nạp tại Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc. Tuy nhiên, khi thấy bản phúc trình đó đã đưa ra những sự kiện bất lợi, Bộ ngoại giao Hoa Kỳ đã ngăn chặn không để Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc thảo luận và tìm cách ém nhẹm đi.

2. **Về phía Việt Nam** : Ngay chiều 2-11-1963, sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm vừa bị hạ sát, đại tá Đỗ Mậu, giám đốc an ninh quân đội, đã ra lệnh cho đốt sạch các tài liệu về các cán bộ cộng sản nằm vùng bị bắt và lời khai của nhiều tăng sĩ Phật Giáo được lưu trữ tại văn khố của đoàn Công Tác Đặc Biệt ở trại Lê Văn Duyệt, vì sợ những tài liệu đó gây bất lợi cho Phật Giáo. Sau đó, các tờ khai và hồ sơ Phật Giáo trên toàn miền Nam cũng bị đốt sạch, chỉ còn lại tờ khai của thượng tọa Thích Tâm Châu, vì tờ khai này đã được đưa lên Bộ nội vụ Việt Nam Cộng Hòa để khai thác, nhưng Đỗ Mậu không biết. Ông Hà Thúc Ký, lúc đó là tổng trưởng nội vụ, đã lấy tờ khai đó bỏ vào hồ sơ cá nhân của ông.

3. **Về những người viết sử** : Vì thiếu những tài liệu căn bản hay quan trọng nhưng được coi là "không có lợi" nên bị giấu đi, nhiều tác giả - Việt cũng như Mỹ - đã có những cách nhìn phiếm diện. Đáng tiếc hơn nữa, một số người đã cố tình xuyên tạc lịch sử để biện minh cho quan điểm sai lầm của họ. Sau đây là một vài thí dụ :

- Năm 2000, hai ký giả Bradley S. O'Leary và Edward Lee đã viết cuốn "*The Deaths of the Cold War Kings, the Assassinations of Diem & JFK*" (Những cái chết của các vua chiến tranh lạnh, cuộc ám sát Ngô Đình Diệm và Kennedy), đã dựa vào những tài liệu giả tưởng, cho rằng ông Diệm và ông Nhu tổ chức buôn lậu thuốc phiện nên bị tổng thống

Kennedy ra lệnh giết. Sau đó, bọn buôn lậu đã trả đũa bằng cách ám sát tổng thống Kennedy !

Vụ nổ trước Đài phát thanh Huế tối 8-5-1963 đưa đến biến cố Phật Giáo : Bản cáo trạng đọc tại Tòa Án Cách Mạng ngày 2-6-1964 khi xét xử thiếu tá Đặng Sỹ, đã nói rõ rằng 8 thiếu nhi bị chết trên thêm Đài phát thanh Huế do một chất nổ chưa được xác định. Các cửa sổ đài phát thanh bị bể kính và một vài chỗ trên trần nhà bị sập xuống. Báo cáo của an ninh quân đội do đại tá Đỗ Mậu ký, nói rằng đó là chất nổ plastic, thời đó chỉ có Việt Cộng mới sử dụng. Ủy viên chính phủ tin rằng đó là MK-3, một thứ lựu đạn nổ không có mìn được dùng để huấn luyện... Tuy nhiên, hầu hết các sử gia Phật Giáo, kể cả thiển sư Nhất Hạnh, đều viết rằng các nạn nhân đã bị xe tăng cán và súng bắn phân thây !

Có ba biến cố mà chúng tôi muốn bàn hôm nay, đó là vụ hạ sát ba sĩ quan cao cấp của Việt Nam Cộng Hòa.

Như mọi người đã biết, để thực hiện cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963, tướng Dương Văn Minh đã đích thân ra lệnh giết 5 người : tổng thống Ngô Đình Diệm, ông Ngô Đình Nhu, đại tá Hồ Tấn Quyền, đại tá Lê Quang Tung và thiếu tá Lê Quang Triệu.

Vụ giết tổng thống Ngô Đình Diệm đã được các sử gia bàn khá nhiều. Trong bài hôm nay, chúng tôi chỉ bàn đến vụ giết ba sĩ quan sau đây :

- Đại tá Hồ Tấn Quyền, tư lệnh hải quân ;
- Đại tá Lê Quang Tung, tư lệnh lực lượng đặc biệt, và
- Trung tá Lê Quang Triệu, tham mưu trưởng lực lượng đặc biệt.

Vụ giết đại tá Hồ Tấn Quyền

Trong cuốn "*Chín năm máu lửa dưới chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm*", một trong những cuốn sách viết về lịch sử đấu tranh của Phật Giáo năm 1963, hai tác giả Nguyệt Đàm và Thần Phong đã nói về cái chết của đại tá Hồ Tấn Quyền như sau :

"Sau khi được lệnh của Nhu qua hệ thống "điện thoại trắng", đại tá Hồ Tấn Quyền, tư lệnh hải quân liền ra lệnh cho hai chiếc chiến hạm nhỏ neo ra khơi với nhiệm vụ bắn máy bay của phe Cách Mạng.

"Chính những phát đạn bắn lên những phi cơ bay lên nền trời chiều hôm ấy là từ hai chiến hạm này...

"Nhưng mọi hành động của vị tư lệnh hải quân này đều không lọt qua cặp mắt của những sĩ quan trực thuộc (có chân trong phe Cách Mạng) là đại úy Y. Nhiệm vụ của đại úy Y là hề thấy đại tá Quyền chống lại thì phải bắt giữ ngay.

"Do đó, khi hai chiến hạm vừa nhổ neo thì đại úy Y cùng với mấy quân nhân nữa lái xe díp đến tư dinh của đại tá Quyền để định bắt sống ông này. Nhưng khi vừa đến nơi, thì thấy đại tá Quyền lái xe ra khỏi cổng.

"Thế là một cuộc rượt bắt sôi nổi đã diễn ra trên xa lộ Biên Hòa, chiếc xe "Traction 15" chạy rất nhanh, nên đại úy

Y cố rồ ga mà không sao qua mặt được. Khi còn cách ngã tư đường rẽ vào Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức độ 200 thước thì chiếc xe díp còn cách xe Traction vài chục thước.

"Đại úy Y thấy không thể nào qua mặt xe của đại tá Quyền để bắt sống nên đành hạ sát bằng súng tiểu liên, vì nếu chậm 10 phút nữa đã đến khu vực đại tá X nói trên".

Sự thật như thế nào ?

Chúng tôi viết bài này dựa trên tài liệu của *ngothelinh.tripod.com*, Wikipedia, cuộc phỏng vấn các nhân chứng và bà Hồ Tấn Quyền.

1. Vài nét về đại tá Hồ Tấn Quyền

Đại tá Hồ Tấn Quyền sinh năm 1927 tại Đà Nẵng, xuất thân từ Khóa 1 Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang, có vợ và 8 người con. Ông được cử làm tư lệnh hải quân Việt Nam Cộng Hòa từ ngày 6-8-1959 cho đến ngày 1-11-1963 là ngày ông bị hạ sát, lúc đó ông mới 36 tuổi. Hai vị tư lệnh hải quân Việt Nam Cộng Hòa trước ông là đại tá Lê Quang Mỹ và trung tá Trần Văn Chơn. Trước khi được chỉ định làm tư lệnh, đại tá Quyền là tham mưu trưởng hải quân cho ông Chơn.

Đại tá Hồ Tấn Quyền được coi là người có lòng nhiệt thành và có nhiều công lao trong việc xây dựng binh chủng hải quân. Ông là người có sáng kiến thành lập Lực Lượng Hải Thuyền để ngăn chặn sự xâm nhập người và vũ khí của quân đội miền Bắc. Đặc biệt, ông rất trung thành với tổng thống Ngô Đình Diệm.

Trong cuộc đảo chánh ngày 11-11-1960 của nhóm Vương Văn Đông và Nguyễn Triệu Hồng, đại tá Quyền đã đích thân đem hai đại đội của Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến vào dinh Độc Lập, hợp sức với Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống bảo vệ dinh.

Ngày 27-2-1962, khi hai phi công Nguyễn Văn Cử và Phạm Phú Quốc dùng máy bay dội bom dinh Độc Lập, đại tá Quyền chỉ đạo các chiến hạm hải quân bắn đạn bay đan kín vùng trời, bảo vệ dinh Độc Lập. Máy bay do Phạm Phú Quốc lái bị bắn rơi ở Nhà Bè, còn phi cơ do Nguyễn Văn Cử lái bay được qua Cao Miên.

2. Việc hạ sát đại tá Quyền

Để thực hiện cuộc đảo chánh lật đổ chính phủ Ngô Đình Diệm theo kế hoạch của CIA, các tướng Việt Nam phụ trách tiến hành cuộc đảo chánh đã gặp một trở ngại lớn là không thuyết phục được đại tá Hồ Tấn Quyền tham gia. Vì thế, tướng Dương Văn Minh, người lãnh đạo cuộc đảo chánh, phải tìm cách loại đại tá Hồ Tấn Quyền và vô hiệu hóa lực lượng hải quân. Tướng Dương Văn Minh đã móc nối được với những sĩ quan hải quân sau đây chống lại đại tá Hồ Tấn Quyền :

- Trung tá Chung Tấn Cang, chỉ huy trưởng Giang Lực,
- Thiếu tá Khương Hữu Bá, chỉ huy trưởng Duyên Lực,
- Thiếu tá Trương Ngọc Lực, chỉ huy trưởng Vùng III Sông Ngòi,

- Đại úy Nguyễn Kim Hương Giang, gốc thủy quân lục chiến, chỉ huy trưởng Giang Đoàn 24 Xung Phong, kiêm chỉ huy trưởng đoàn Giang Vận.

Thiếu tá Trương Ngọc Lực và đại úy Nguyễn Kim Hương Giang là hai người được đại tá Hồ Tấn Quyền đặc biệt nâng đỡ và được coi là như người thân của đại tá Quyền, nên nhóm đảo chánh đã thuyết phục hai sĩ quan này gài mưu bắt giam

hay giết đại tá Quyền.

Đại úy Nguyễn Kim Hương Giang cho biết thiếu tá Lực đã nói với ông như sau :

"Ông Quyền trung thành với ông Diệm lắm, không cách nào thuyết phục ông ta theo phe cách mạng được đâu, mà có khi còn nguy cho tính mạng và đại cuộc. Ông Lực được ông Minh (Dương Văn Minh) cho biết là giữa tổng thống Diệm và ông Quyền có một kế hoạch di tản bí mật bằng tàu hải quân khi có biến, lánh nạn khi có đảo chánh. Chi tiết thế nào thì không được biết, chỉ nghe ông Lực nói lại mà thôi".

Khoảng 10 giờ sáng hôm 1-11-1963, ngày lễ Chư Thánh được nghỉ buổi sáng, đại tá Quyền đã đi đánh tennis với trung tá Đặng Cao Thắng. Để thực hiện việc loại trừ đại tá Quyền, thiếu tá Lực đã đến sân tennis mời đại tá Quyền đi Thủ Đức ăn trưa, mừng lễ sinh nhật thứ 36 của đại tá Quyền, do một số anh em hải quân tổ chức. Đại tá Quyền không muốn đi vì đã được điện thoại mời đến họp tại Bộ Tổng Tham Mưu vào buổi trưa. Thiếu tá Lực năn nỉ mãi ông mới chấp nhận.

Đại tá Quyền đã trở về nhà thay quần áo rồi lái chiếc xe Citroen đen chở thiếu tá Lực và đại úy Giang cùng đi lên Thủ Đức. Đại tá Quyền cầm lái, thiếu tá Lực ngồi ở ghế trên, bên cạnh đại tá Quyền, còn đại úy Giang ngồi ở ghế sau. Khi xe từ xa lộ Biên Hòa rẽ vào đường đi Thủ Đức, xe nghiêng, thiếu tá Lực ngã vào đại tá Quyền rồi rút dao găm ra đâm đại tá Quyền. Đại tá Quyền nhanh tay đỡ và giựt được cây dao găm, đâm vào tay thiếu tá Lực. Khi hai người giằng co nhau, xe ủi xuống lề đường. Đại úy Giang ngồi ở ghế sau chồm lên dí súng vào vai phải đại tá Quyền và nổ súng. Đại tá Quyền ngã gục trên tay lái, con dao găm đâm máu rớt xuống phía trước. Ngay lúc đó, một chiếc xe dân sự do tài xế của thiếu tá Lực lái từ sau chạy tới. Thiếu tá Lực và anh tài xế bê xác đại tá Quyền bỏ vào thùng xe dân sự và cả ba lên xe này chạy về Sài Gòn.

Theo bà đại tá Quyền, bác sĩ bệnh viện Cộng Hòa cho bà biết ông Quyền bị giết khoảng 11 giờ trưa, nhưng được đưa về nhà tướng Lê Văn Kim, đến 11 giờ 30 tối mới được đưa vào bệnh viện Cộng Hòa. Trung tá Lực đã chiếm luôn chiếc xe Citroen của chồng bà.

3. Chiếm Bộ tư lệnh hải quân

Thiếu tá Lực và đại úy Giang cấp tốc trở lại Sài Gòn, thay quần áo tác chiến hải quân và đến ngã ba bến Bạch Đằng và đường Nguyễn Huệ vào lúc 1 giờ trưa, để đón hai đại đội khóa sinh từ Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung lên, do đại tá Đỗ Kiến Nhiêu đích thân trao lại. Thiếu tá Lực và đại úy Giang hướng dẫn đoàn xe chở hai đại đội này chạy ào vào chiếm Bộ tư lệnh hải quân. Quân nhân hải quân thấy sĩ quan hải quân hướng dẫn đoàn xe, nên không chống cự, vì thế việc chiếm Bộ tư lệnh hải quân không gặp trở ngại nào.

Trong khi đại úy Giang phân chia lính bộ binh tước khí giới và canh gác Bộ tư lệnh hải quân, thiếu tá Lực chạy thẳng vào Văn phòng tư lệnh hải quân, nói với trung tá Đặng Cao Thắng, tham mưu trưởng hải quân : "Cách Mạng đem quân tới chiếm Bộ tư lệnh hải quân". Sau này, phó đề đốc Đặng Cao Thắng cho biết tổng thống Diệm có gọi ông. Hết sức bình tĩnh, ông Diệm hỏi hải quân ra sao, anh Quyền đâu. Ông chỉ thị phải đẩy quân của thiếu tá Lực ra. Nhưng lúc đó Bộ tư lệnh hải

quân đã bị tước khí giới rồi, ông không làm gì được.

Trong thời gian này, có hai máy bay của không quân bay rất thấp quanh Bộ tư lệnh hải quân, có lẽ để uy hiếp hải quân. Các chiến hạm liền nổ súng dày đặc bầu trời. Đặc biệt, chiến hạm HQ-06 đậu tại cầu A, vị trí 1, do đại úy Đỗ Kiểm làm hạm trưởng, bắn lên rất dữ dội. Thiếu tá Lực yêu cầu trung tá Thăng ra cột cờ trước Bộ tư lệnh ra lệnh cho các chiến hạm ngưng bắn. Người trực tiếp áp tải ông là trung úy Thái Quang Chúc, em của trung tướng Thái Quang Hoàng, một sĩ quan thuộc đơn vị của đại úy Giang.

Lúc 1 giờ 30, trung tá Chung Tấn Cang đem đoàn chiến đình sang chiếm Bộ tư lệnh hải quân. Ông đứng trên chiếc Monitor Combat (Tiền phong đình) do trung sĩ Thạch Sơn lái và ra lệnh cập vào cầu tàu tư lệnh. Sau đó ông lên Văn phòng tư lệnh đảm nhiệm vai trò tư lệnh hải quân.

Hôm sau, 2-11-1963, trung tá Cang được thăng đại tá, thiếu tá Lực được thăng trung tá và đại úy Giang được thăng thiếu tá.

Sau này thiếu tá Giang cho biết một hôm trung tá Lâm Ngươn Tánh, lúc ấy là tham mưu trưởng, đã kéo ông ra kè xi măng ở bờ sông trước cầu C và nói : "Tụi bây liệu đường đi đâu thì đi xa đi. Tụi nó dự trù giết mày và thằng Lực đó". Ít lâu sau, trung tá Lực được cử đi làm tùy viên quân sự tại Hán Thành, còn thiếu tá Giang được đổi ra Phú Quốc, làm cố vấn cho vị chỉ huy hải quân tại đây.

4. Tâm tình của bà Hồ Tấn Quyền

Trong một cuộc phỏng vấn của đài VNCR được thu lại bằng video và phổ biến trên website của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, bà Hồ Tấn Quyền cho biết khi đại tá Quyền bị hạ sát, bà đang đi học về thăm mẹ ở Nhật. Bỗng nhiên bà nhận được một công điện do Tòa đại sứ Việt Nam ở Nhật trao lại, trong đó ghi vắn vắn chỉ có mấy chữ : "Tư lệnh bị thương nặng, bà về gấp". Ở dưới ghi Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng nhưng không có ai ký tên.

Khi bà về tới phi trường, có một ông bác sĩ và mấy ông hải quân đi đón bà. Khi về tới nhà, đứa con nhỏ chạy ra cho biết chú Lực đã giết ba chết rồi. Bà rất ngạc nhiên. Sáng hôm sau, bà được đưa đến nhà xác Bệnh Viện Cộng Hòa để nhận xác đại tá Quyền. Bà thấy ông bị bắn ba viên đạn, một viên ở tay trái, một viên trên vai và một viên ngay tim. Bà không có tiền chôn cất nên ông bà Hà Kim đã cho bà mượn 30.000 đồng và sau đó cho luôn.

Bà có đến gặp tướng Dương Văn Minh và hỏi tại sao đã giết chồng bà, tướng này nói "Chúng nó làm bậy" và chỉ xin lỗi. Tướng Đôn cũng nói như thế. Nhưng về sau bà nghe nói chính tướng Dương Văn Minh đã giao việc thanh toán đại tá Quyền cho thiếu tá Trương Ngọc Lực. Bà cho biết đại úy Trương Ngọc Lực mới được chồng bà thăng thiếu tá hôm 25-10-1963.

Theo bà Quyền, đại úy Nguyễn Kim Hương Giang vốn thuộc binh chủng thủy quân lục chiến, nhưng trung tá Lê Nguyên Khang, chỉ huy trưởng thủy quân lục chiến không thích đại úy Giang. Lúc đó, vợ của đại úy Giang đang



làm việc xã hội với bà nên đã năn nỉ bà nói với đại tá Quyền đưa ông ta về hải quân, vì lúc đó đại tá Quyền kiêm tư lệnh thủy quân lục chiến. Đại tá Quyền đồng ý và đưa đại úy Giang về hải quân. Không ngờ việc làm ơn này đã gây thảm họa cho ông. Về sau, thiếu tá Giang muốn gặp riêng bà để thanh minh về cái chết của đại tá Quyền, nhưng bà không muốn gặp. Hiện nay, Nguyễn Kim Hương Giang đang định cư tại San Diego, California.

Cũng theo bà Quyền, trung tá Trương Ngọc Lực khi làm tùy viên quân sự ở Tòa đại sứ Việt Nam tại Hán Thành đã vi phạm lỗi nặng, bị triệu hồi về và bị đưa ra trước tòa án quân sự. Đại tá Lê Nguyên Khang có điện thoại cho bà biết sáng hôm sau ông sẽ ngồi xử Trương Ngọc Lực và tuyên án nặng. Nhưng sáng hôm sau, đại tá Khang cho bà biết người ta đã tìm cách thả Trương Ngọc Lực ra và đưa anh ta đi trốn qua Cao Miên. Nghe nói sau đó ông ta đã đi qua Pháp nhưng bị diên nên phải đưa vào nhà thương diên và chết tại đó.

Sau khi đại tá Quyền chết, bà phải nuôi 8 đứa con, đứa lớn nhất mới 9 tuổi và đứa nhỏ nhất mới 8 tháng. Vợ chồng bà để dành trong 10 năm được hơn 10.000 đồng. Số tiền này bà gửi ở ngân hàng Việt Nam Thương Tín, nhưng khi đến lấy tiền ra thì được cho biết Hội Đồng Cách Mạng đã tịch thu !

Bà cho biết thêm : Một số sĩ quan hải quân tới thăm và đốt hương cho chồng bà cũng bị cảnh cáo. Vì năm 1960 đại tá Quyền đã lập ra Hội Người Nhái nên có 6 anh em người nhái đến nói với bà rằng họ sẽ thanh toán tên Lực và tên Giang, nhưng bà khuyên họ : "Thôi để trời phạt mấy người đó, mấy anh đừng có làm bậy". Một tuần sau, có 4 người nhái khác cũng đến nói như vậy, nhưng bà cũng bảo họ đừng làm.

Vụ giết đại tá Tung và thiếu tá Triệu

Trong cuốn "Nam Việt Nam 1954-1975, những sự thật chưa hề nhắc tới", hai tác giả Hoàng Lạc và Hà Mai Việt có ghi lại như sau :

"Cũng tại phòng họp, khi đại tá Lê Quang Tung, tư lệnh lực lượng đặc biệt, chửi lớn trước hội đồng "Chúng bây đeo lon, mặc áo, thụ hưởng phú quý, lạy lục để được tổng thống Diệm ban ơn, mà nay lại dở trò bất nhơn bất nghĩa..." liền bị dẫn ra khỏi phòng và bị đại úy Lê Minh Đảo, sĩ quan tùy viên của tướng Lê Văn Kim, đưa lên chòi canh trên sân thượng tòa nhà chánh Bộ Tham Mưu hạ sát ngay đêm đó (Ngày Lễ Mổ).

"Em của đại tá Tung là thiếu tá Lê Quang Triệu, tham mưu trưởng lực lượng đặc biệt, khi nhận được tin liền chạy tới Bộ Tổng Tham Mưu, để xem hư thực cùng chịu chung số phận..."

Tướng Lê Minh Đảo phủ nhận lời tường thuật nói trên có liên hệ đến ông. Ông cho biết những người giết đại tá Lê Quang Tung và thiếu tá Lê Quang Triệu là đại úy Nguyễn Văn Nhung và lính của đại úy Nhung. Tướng Đảo kể lại rằng sau khi giết Lê Quang Tung, Lê Quang Triệu, tổng thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu xong, Nguyễn Văn

Nhung có tường thuật lại câu chuyện giết đại tá Lê Quang Tung

và thiếu tá Lê Quang Triệu như sau :

"Khi đại tá Lê Quang Tung chống lại cuộc đảo chánh, Dương Văn Minh đã ra lệnh cho thiếu tá Nguyễn Văn Nhung, người cận vệ của ông ta đưa đi giết. Nguyễn Văn Nhung và hai binh sĩ phụ tá đã dẫn đại tá Lê Quang Tung ra nghĩa trang Bắc Việt Tương Tế ở sau Bộ Tổng Tham Muu, đâm chết rồi vùi xác ngay trên đường bên hông nghĩa trang.

Thiếu tá Lê Quang Triệu nghe tin anh mình bị bắt, chạy vào Bộ Tổng Tham Muu hỏi thăm tin tức, cũng bị tướng Dương Văn Minh ra lệnh cho Nguyễn Văn Nhung đưa đi thanh toán luôn. Nguyễn Văn Nhung và hai binh sĩ phụ tá cũng đưa thiếu tá Triệu vào nghĩa trang Bắc Việt Tương Tế và đâm chết tại đó rồi chôn gần chỗ chôn Lê Quang Tung. Nguyễn Văn Nhung cho biết Lê Quang Triệu rất khỏe, vùng vẫy rất dữ nên phải khó khăn lắm mới đâm chết được.

Theo tướng Lê Minh Đảo, có thể tìm xác Lê Quang Tung và Lê Quang Triệu không có gì khó khăn. Hai người này đều có mang thẻ bài và được chôn ở cạnh đường đi từ Nghĩa Trang Bắc Việt Tương Tế ra Phú Nhuận, đoạn bên hông nghĩa trang. Tuy nhiên, ngày nay nhà cầm quyền đã cho san bằng nghĩa trang Bắc Việt Tương Tế rồi.

Thủ tiêu nhân chứng

Trong cuốn "*Les Guerres du Vietnam*" (Chiến tranh Việt Nam) xuất bản năm 1965, tướng Trần Văn Đôn không hề mô tả gì đến cách giết ông Diệm và ông Nhu, mà chỉ mô tả về tên sát thủ Nguyễn Văn Nhung mà thôi. Tướng Đôn cho biết sở dĩ Nhung được tướng Dương Văn Minh chú ý vì mỗi ngày hẳn chặt vài ba cái đầu Việt Minh mang về. Tướng Minh sợ bị ám sát nên đã chọn một tên hung dữ như vậy làm cận vệ. Sau khi tướng Ba Cụt bị xử tử và chôn tại nghĩa trang Cần Thơ, Dương Văn Minh đã ra lệnh cho Nhung đào mả lên, lấy xác chặt làm nhiều khúc và phân tán ra vì sợ người của Ba Cụt lấy xác ông ta đem về chôn ở chiến khu. Có người cho biết Nhung thích ăn gan nạn nhân vừa bị bắn chết.

Trong cuốn "*Việt Nam nhân chứng*", tướng Trần Văn Đôn viết thêm về Nguyễn Văn Nhung :

"Tối ngày 2 tháng 11, Thanh, con trai nhỏ của tôi đang ở nhà ông Kim, có mặt ông Minh thì thấy đại úy Nhung đưa con dao găm ra khoe với mấy đứa nhỏ trong nhà :

- Đây là con dao găm lịch sử !

Tướng Đôn cho biết tướng Minh đã nói với ông :

"Xưa kia đại úy Nhung ở trong đơn vị Commando Pháp, là đơn vị chuyên đi khủng bố giết người. Lúc Ba Cụt, tướng Hòa Hảo là Lê Quang Vinh bị án tử hình xử chém ở Cần Thơ, đại úy Nhung lấy xác Ba Cụt chặt từng khúc, thả cùng mọi nơi để không toàn thây cho khỏi ai tìm xác xây mộ thờ cúng".

Tướng Đôn nói thêm :

"Người ta cho rằng thủ phạm giết anh em Diệm-Nhu chính là sĩ quan cận vệ của của tướng Dương Văn Minh tên là Nguyễn Văn Nhung. Tướng Khánh sau này đã nói rằng Nguyễn Văn Nhung là kẻ giết người chuyên nghiệp, đã giết khoảng 40 người. Mỗi lần giết xong một người là Nhung lại khắc một dấu hiệu vào báng súng lục...".

Đại tá Dương Hiếu Nghĩa cho biết : "Ba tháng sau, ngày 30-1-1964, xảy ra biến cố chính lý do tướng Nguyễn Khánh

cầm đầu, thiếu tá Nhung bị lực lượng của tướng Khánh bắt và giao qua cho Lữ Đoàn Nhảy Dù ngay sáng hôm đó. Và ngày hôm sau, thi hài thiếu tá Nhung được giao trả về cho gia đình với vòn vẹn một câu khám nghiệm "chết vì treo cổ tự tử" của một bác sĩ quân y Lữ đoàn Dù.

Lữ Giang (Orange County)

Triển lãm văn hóa và nghệ thuật Việt Nam tại Châu Âu

Nhân dịp kỷ niệm 4889 năm dựng nước (từ - 2879 đến 2009) của các vua Hùng và 33 năm hiện diện (từ 1976 đến 2009) của cộng đồng người Việt tị nạn tại Hòa Lan, Tổ Chức Quốc Tế Phát Triển Việt Nam sẽ tổ chức một cuộc triển lãm lớn tại châu Âu về văn hóa nghệ thuật Việt Nam vào tháng 4-2009. Cuộc triển lãm này sẽ kéo dài trong suốt một tháng.

Đây là cuộc triển lãm lớn nhằm thể hiện các khía cạnh văn hóa, nghệ thuật và sự sáng tạo của người Việt Nam tại nước ngoài. Các đề tài triển lãm gồm có nghệ thuật tranh vẽ, điêu khắc, hình ảnh, đồ vật cổ truyền và hiện đại...

Để vinh danh cuộc triển lãm này, nhiều họa sĩ, điêu khắc gia và nhiếp ảnh gia nổi tiếng của các nước ngoài sẽ được mời đến tham dự.

Sau cuộc triển lãm tại châu Âu, nhiều cuộc triển lãm khác sẽ được tổ chức tại châu Mỹ, châu Úc và nhiều nơi khác trên thế giới. Khách đến xem sẽ được dịp làm quen và trao đổi với nhiều họa sĩ, điêu khắc gia, nhiếp ảnh gia Việt Nam và quốc tế, đồng thời cũng là dịp thưởng ngoạn những tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng. Cuộc triển lãm này là dịp để cộng đồng người Việt tị nạn tại nước ngoài giới thiệu văn hóa và nghệ thuật Việt Nam trước dư luận thế giới.

Ban tổ chức hoan nghênh mọi cố gắng giới thiệu và mời thân hữu đến tham dự. Ban tổ chức sẵn sàng gửi giấy mời đến những khách muốn đến thưởng ngoạn nếu được cung cấp họ tên và địa chỉ.

Cuộc triển lãm này được sự bảo trợ của các Bộ Văn Hóa, Bộ Phát Triển Hòa Lan và các cơ quan văn hóa quốc tế khác. Những nghệ sĩ tham dự cuộc triển lãm có thể bán những tác phẩm nghệ thuật của mình tại chỗ.

Để chuẩn bị tốt cuộc triển lãm, ban tổ chức đề nghị các họa sĩ, điêu khắc gia, nhiếp ảnh gia... tham dự gửi tài liệu sách báo, hình ảnh, tiểu sử, v.v... trong tháng 11-2008. Xin gửi mỗi thứ ba bản về địa chỉ :

Tổ Chức Quốc Tế Phát Triển Việt Nam
(International Foundation for the Development of Vietnam)

p/a drs T. Ngo

P.O. Box 332

2400 AH Alphen a/d Rijn

The Netherlands

Điện thoại : (31) (0) 172 414254

Email : sov@tiscali.nl , sov332@gmail.com

Ngôn ngữ của im lặng

Đỗ Thái Nhiên

Nhờ vào năng lực của tư tưởng, con người diễn tả những cảm nghĩ đối với đời sống bằng các loại ngôn ngữ mang liều lượng khác nhau. Người khiêm cung mượn lời tiếng êm ả để biểu tỏ nỗi bất bình sâu sắc. Người nghèo-nàn-hiểu-biết thường rất "rộng lượng" trong việc chi tiêu chữ nghĩa. Họ sẵn sàng ném vào đời sống các loại từ ngữ nặng ngàn cân chỉ để ứng xử với một trái ý nhẹ tựa tờ trời.

Trong nhiều hoàn cảnh đặc biệt, con người lại vận dụng ngôn ngữ của sự im lặng để thay thế cho những đối thoại rộn ràng. Im lặng qua một cái bắt tay. Im lặng bằng một tiếng thở dài. Im lặng trong một ngược mắt nhìn mung vào khoảng không... Những cô nghiệt của đời sống đã mang lại cho con người một thể nghiệm rằng : im lặng là hình thức lên tiếng tinh vi nhất. Nó giúp người dân hiệu báo cho nhà cầm quyền biết : im lặng chính là thước đo mức độ khinh miệt của người dân dành cho giới thống trị độc tài và tham ô. Ngược lại, đôi khi im lặng còn là dấu hiệu của lòng kính trọng và cảm thông dành riêng cho những người mà tâm tình của họ bị suy diễn sai lầm .

Sau đây là hai trường hợp im lặng điển hình.

Im lặng của Nguyễn Việt Chiến

Ngày 15-10-2008, tại Hà Nội, tòa án cộng sản Việt Nam đã chiếu điều 258 bộ hình luật để xét xử nhà báo Nguyễn Việt Chiến về tội "Lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân". Kết quả : Nguyễn Việt Chiến bị phạt 2 năm tù giam. Dư luận trong và ngoài nước đều thừa biết 2 năm tù giam là cái giá mà Nguyễn Việt Chiến phải trả cho sự việc năm 2006 ông đã thâu lượm tin tức để tận lực tố cáo quan chức Hà Nội đã tham ô trong hồ sơ PMU18. Ngày 31-10-2008, gia đình của nhà báo Nguyễn Việt Chiến cho biết ông quyết định không ký tên chống lại án sơ thẩm ngày 15-10-2008. Có hai lý do để từ chối chống án.

Lý do một : Thiếu tướng Phạm Xuân Quắc và thượng tá Đinh Văn Huỳnh của công an cộng sản Việt Nam bị truy tố và bị trừng phạt về tội "Tiết lộ bí mật công tác". Tiết lộ bí mật không thể là gì khác hơn là tiết lộ sự thật. Thế nhưng khi nhà báo Nguyễn Việt Chiến lấy những tin tức do hai vị kia tiết lộ đăng lên báo thì ông lại bị phạt về tội đăng tin sai sự thật ! Nếu sai sự thật tại sao hai viên chức công an kia lại bị án phạt về tội "Tiết lộ bí mật công tác" ?

Lý do hai : Trong một bài báo gửi cho đài BBC Luân Đôn ngày 1-11-2008, bà Phùng Bích Ngọc, vợ của nhà báo Nguyễn Việt Chiến, khi nhận định về bản án ngày 15-10-2008 viết rằng : "Cũng những thông tin ấy, vài năm trước, anh (Nguyễn Việt Chiến) nhận giải thưởng báo chí nhưng lần này thì lại bị buộc tội. Một mình giữa bốn bức tường, với anh ấy, giờ thì bầu trời cao và ở xa lắm".



Hai lý do nêu trên tổng hợp lại với nhau tạo thành khối nghịch lý cực lớn chất chứa bên trong guồng máy pháp quyền của cộng sản Việt Nam. Nhìn và suy nghĩ xoáy vào khối nghịch lý kia dư luận sẽ nhận ra trọn vẹn tội ác độc tài và tham ô của cộng sản Việt Nam. Đối diện với núi tội ác kia, mọi nỗ lực chống án để đi tìm công lý chỉ là công việc mò kim đáy biển.

Nói cách khác, nhà báo Nguyễn Việt Chiến đã quyết định từ chối chống án như một biểu tỏ bằng im lặng thái

độ khinh miệt hệ thống tòa án của Hà Nội.

Im lặng của nhà thơ Đỗ Trung Quân

Ngày 5-10-2008, qua câu chuyện giữa ký giả Mặc Lâm của đài Á Châu Tự Do (RFA) và nhà thơ Đỗ Trung Quân, thính giả được biết : ông Đỗ Trung Quân (sinh năm 1955 tại Sài Gòn) là tác giả một số bài thơ nổi tiếng. Năm 1978 thi phẩm "Hương Tràm" ra đời, Vũ Hoàng phổ nhạc. Năm 1988 thi phẩm "Chút Tình Đầu" ra đời Vũ Hoàng phổ nhạc, đổi tên thành "Phượng Hồng". Năm 1986, Đỗ Trung Quân sáng tác "Bài Học Đầu Cho Con", Giáp Văn Thạch phổ nhạc và đổi tên thành "Quê Hương". Riêng thi phẩm "Bài Học Đầu Cho Con" có hàm chứa một im lặng cho đến bây giờ vẫn chưa được Đỗ Trung Quân minh thị giải thích.

Trước hết, chúng ta hãy đọc nguyên văn thi phẩm "Bài Học Đầu Cho Con" của Đỗ Trung Quân.

*Quê hương là gì hở Mẹ,
Mà cô giáo dạy phải yêu
Quê hương là gì hở Mẹ
Ai đi xa cũng nhớ nhiều*

*Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày
Quê hương là đường đi học
Con về rợp bướm vàng bay*

*Quê hương là con diều biếc
Tuổi thơ con thả trên đồng
Quê hương là con đò nhỏ
Êm đềm khua nước ven sông*

*Quê hương là cầu tre nhỏ
Mẹ về nón lá nghiêng che
Là hương hoa đồng cỏ nội
Bay trong giấc ngủ đêm hè*

*Quê hương là vòng tay ấm
Con nằm ngủ giữa mùa đêm
Quê hương là đêm trăng tỏ
Hoa cau rụng trắng ngoài thềm*

*Quê hương là vàng hoa bí
Là hồng tím đậu mồng tơi
Là đỏ đôi bờ dâm bụt
Màu hoa sen trắng tinh khôi*

*Quê hương mỗi người chỉ có một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ...*

Thi phẩm "Bài Học Đầu Cho Con" sáng tác theo thể thơ tứ tuyệt : mỗi đoạn gồm bốn câu. Đặc biệt đoạn cuối lại chỉ gồm ba câu. Thế nhưng khi phổ thành nhạc và đổi tên thành "Quê Hương", đoạn cuối được người nào đó thêm vào câu thứ tư :

*Quê hương mỗi người chỉ có một
Như chỉ là một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người...*

Tại sao và ai đã viết thêm câu cuối "Sẽ không lớn nổi thành người" ? Qua chương trình Văn Học Nghệ Thuật của đài Á Châu Tự Do, do ký giả Mặc Lâm phụ trách, Nhà thơ Đỗ Trung Quân giải thích như sau :

"Tôi đăng bài thơ này lần đầu năm 1986 ở báo Khăn Quàng Đỏ. Khi đăng bài này thì người biên tập có bỏ một vài đoạn và thêm cái câu cuối cùng : Sẽ không lớn thành người".

Nhà thơ Đỗ Trung Quân nói tiếp : "Khi tôi thấy họ sửa và bỏ một vài đoạn nên khi đăng lại vào năm 1991 ở trong tập "Cỏ Hoa Cẩn Gặp" thì tôi đăng lại nguyên bản... không có câu cuối cùng".

"Đăng lại nguyên bản" có nghĩa là bài thơ vẫn được kết thúc bằng một câu thơ bỏ lửng : "Quê hương nếu ai không nhớ...". Điều hết sức đặc biệt nằm ở sự thể : Đỗ Trung Quân không hề minh thị nói cho người đọc hiểu rõ ý nghĩa của câu thơ bỏ lửng kia. Thay vào đó, Đỗ Trung Quân lại luận về đời sống riêng của bài thơ :

"Thật sự tôi cũng rất ngạc nhiên là

bài thơ này có một số phận rất là đặc biệt, nó được nhiều người biết đến, nó được loan đi rất xa, nó có thể gây yêu mến, nhưng đồng thời nó có thể gây ngộ nhận. Tất cả những cái đó là số phận riêng. Tốt nhất là thôi cứ để nó có số phận riêng của nó".

Bây giờ, xin cứ hình dung "số phận riêng" của bài thơ như một dòng sông, chúng ta hãy ngồi xuống bên cạnh dòng sông kia để thử tìm hiểu xem "Quê hương nếu ai không nhớ" thì chuyện gì sẽ xảy ra và ai là người không nhớ quê hương?

Phàm là người, không ai lại không nhớ quê hương. Tuy nhiên, ở vào tình huống đặc biệt của lịch sử, có một thành phần dân tộc rất dễ bị suy diễn là đã không nhớ quê hương. Đó là những người phải cấn rằng bỏ nước ra đi do biến cố 30-4-1975. Ra đi biệt lập. Ra đi sau mấy mươi năm vẫn không quay về. Phải chăng không quay về có nghĩa là không nhớ quê hương ? Cần nói ngay rằng càng không quay về, càng nhớ thương quê hương da diết. Không quay về chỉ vì họ không muốn trong tình huống bất lực lại phải chứng kiến quê hương thân yêu bị đọa đày dưới ách độc tài tham ô. Họ chỉ quay về chừng nào họ có thể làm một điều gì đó góp phần giúp cho quê hương vươn mình tìm tới dân chủ và thịnh vượng. Hiểu được tâm tình u uẩn kia, bài thơ "Bài Học Đầu Cho Con" không chấp nhận một suy diễn hỗn láo và vô ý thức theo kiểu viết của ban biên tập báo Khăn Quàng Đỏ :

*Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người...*

Thế rồi thi phẩm "Bài Học Đầu Cho Con" vẫn duy trì kết thúc cũ với một câu sáu chữ đi kèm dấu ba chấm :

Quê hương nếu ai không nhớ...

Dấu ba chấm kia là sự ẩn giấu một cảm thông, một lời thăm hỏi dành cho những người càng đi biệt lập, càng thương nhớ quê hương, nhưng nhất định không quay về. Sở dĩ tình cảm nồng nàn kia phải được cất dấu bên dưới các dấu chấm là vì Đỗ Trung Quân không muốn thi phẩm "Bài học Đầu Cho Con" bị công an văn hóa quấy nhiễu. Đó là ý nghĩa của hiện tượng được gọi là ngôn ngữ của im lặng trong thi ca.

Bài viết này muốn nhắm đến hai mục tiêu : vừa tố cáo chế độ Hà Nội gay gắt chà đạp quyền tự do ngôn luận của người dân, vừa gửi lời cảm thông sâu sắc về những khổ khổ mà đồng bào quốc nội phải gánh chịu dưới ách cai trị độc tài của cộng sản Việt Nam. Từ những khó khăn của đồng bào quốc nội, cộng đồng Việt Nam hải ngoại hãy nghĩ đến những tự do dân chủ, nhất là tự do ngôn luận mà chúng ta đang được hưởng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Xin hãy trân trọng quyền tự do ngôn luận. Xin đừng lạm dụng quyền tự do ngôn luận để thóa mạ lẫn nhau. Xin hãy sử dụng quyền tự do ngôn luận để kiến tạo tình thương yêu và đoàn kết giữa người Việt với người Việt, giữa người Việt với Tổ Quốc Việt Nam. Có như vậy đất nước Việt Nam mới có cơ hội tiến tới dân chủ và thịnh vượng.

Đỗ Thái Nhiên (Orange County)



God bless Obama!

Bạn tôi ủng hộ John McCain hết mình. Còn tôi ủng hộ Barack Obama. Không phải tôi không phục McCain anh hùng, về điểm này thì dù không có bằng có tôi vẫn tin là thần tượng Obama của tôi không đứng đến gót chân ông ta. Tôi cũng không chê bà Sarah Palin là chẳng biết gì, ăn nói vớ va vớ vẩn. Trái lại tôi còn thấy bà ta đẹp. Tôi cũng không thích ông running mate Joe Biden của Obama, nghe nói ông này hay đạo vắn. Thế nhưng tôi chọn Obama, và không những bầu cho Obama tôi còn vận động bạn bè bầu cho Obama. Đây là lần đầu tiên tôi hoạt động chính trị và tôi khám phá ra một điều lý thú không ngờ là phần lớn người Việt tại Mỹ coi việc bầu cho đảng Cộng Hòa là một lẽ dĩ nhiên của mọi người Mỹ gốc Việt chân chính. Ông chú tôi chỉ mặt tôi mắng lớn: "À, thì ra mày là một thằng dân chủ!" và không thèm nói chuyện với tôi nữa. Thế là gia đình tôi chia rẽ vì lý do chính trị.

Tôi ủng hộ Obama vì nghĩ rằng mình là thân phận di dân da màu và sự thắng cử của Obama sẽ mở ra một kỷ nguyên mới. Một tổng thống da đen chứng tỏ mọi cánh cửa tại Mỹ, kể cả cánh cửa tòa Nhà Trắng, mở ra cho mọi người, kể cả người da màu.

Bạn tôi phản đối:

- Sarah Palin có chồng là dân Eskimo. Thắng lợi của McCain mở ra giai đoạn đàn bà cũng làm được phó tổng thống, không chừng làm tổng thống luôn nếu McCain tịch, một điều có thể xảy ra vì ông này đã 72 tuổi, và một người eskimo, còn bị kỳ thị hơn người da đen, cũng có thể trở thành tổng thống phu quân. Nếu mày muốn bình đẳng thì biểu tượng Sarah Palin mạnh hơn Obama nhiều.

Hắn có lý nhưng không thuyết phục được tôi bởi vì, cũng như mọi người Việt Nam lành mạnh về cả thể xác lẫn tinh thần, tôi không lý luận để đi đến kết luận, tôi chỉ lý luận để bảo vệ một kết luận đã có sẵn. Chúng tôi đồng ý là không đồng ý với nhau và chia tay.

Hôm nay tôi đến vấn đề hấn vì tôi lo âu cho Obama. Không phải tôi sợ Obama thua. Đối với tôi thắng lợi của Obama đã chắc chắn và không thể đảo ngược, điều tôi sợ là sau khi đắc cử Obama sẽ gây thất vọng, trở thành tổng thống một nhiệm kỳ và làm cử tri Mỹ chán và đóng cửa tòa Nhà Trắng đối với người da màu trong vài thế hệ. Lý do là vì Obama đã hứa hẹn những điều chưa thể làm hoặc không thể làm. Obama hứa sẽ cho mọi người hưởng bảo hiểm sức khỏe, nhưng tiền đâu để tài trợ trong cơn khủng hoảng này? Giữ lời hứa thì phải tăng thuế làm cho kinh tế bại sụp luôn không góc đầu lên được và gây thất vọng. Chưa kể là còn bị cánh hữu đả kích là tạo ra tâm lý ỷ lại ngửa tay. Giữ lời hứa là chết, nhưng nuốt lời hứa cũng sẽ chết trong cuộc bầu cử lần tới. Obama cũng hứa sẽ rút quân khỏi Iraq, nhưng bây giờ tình hình Iraq đã ổn định rồi, chính quyền Iraq đang đòi quân Mỹ rút đi, vấn đề là ở lại chứ đâu phải là rút quân về, rút quân là mất toi mấy giếng dầu, và tiêu tùm vì dân Mỹ rất thực dụng. Làm thế nào để cứu Obama? Tôi hỏi hấn.

Hấn suy nghĩ hồi lâu rồi lấy ra một mảnh giấy loay hoay viết. Hấn đưa tờ giấy cho tôi:

- Mày viết thư cho Idol của mày bảo hấn đọc diễn văn này.

MỤC LỤC

01. Khủng Hoảng!
Thông Luận
02. ASEAN và Trung Quốc tìm cách thoát hiểm
Nguyễn Minh & Kiên Hương
05. Chiến lược "lãnh thổ màu xanh lam"
Trần Kha
07. Những gì sẽ đến sau cuộc khủng hoảng này?
Nguyễn Gia Kiểng
10. Hình Việt hay dạng L?
Nguyễn Huy Đức
13. Đi Mát Cơ Va quên U Minh Hạ đời
Ngô Văn Dụng
15. Ngoại giao Mỹ sau 8 năm cầm quyền của tổng thống Bush
Nguyễn Mạnh Hùng
18. Những kì vọng lớn
The Economist
19. Cảm tác trong biển lụt Thủ Đô
Hà Sĩ Phu
20. Tình hữu nghị đặc biệt đang vượt khỏi tầm tay
Nguyễn Văn Huy
22. Chuyện thường ngày ở thủ đô nghìn năm văn hiến
Hoàng Cúc
24. Thực tế hay bánh vẽ?
Việt Hoàng
26. Ba vụ hạ sát
Lữ Giang
30. Ngôn ngữ cim lạng
Đỗ Thái Nhiên
32. God bless Obama!
Đáy

Tôi cầm tờ giấy và đọc:

"Đồng bào thân mến,

Cách đây hơn hai tháng các bạn đã bầu tôi làm tổng thống thứ 44 của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Tôi đã hứa sẽ là một tổng thống của thay đổi và các bạn đã chọn một tổng thống của thay đổi. Trong hành động, trong suy tư, cũng như trong lời cầu nguyện tôi lúc nào cũng thấy có bốn phận phải xứng đáng với hợp đồng đó. Giữa một thế giới đang chuyển động nhanh chóng, nước Mỹ của chúng ta, trước hết là tổng thống Mỹ, phải chứng tỏ khả năng thay đổi để luôn luôn thích nghi với tình thế và bảo đảm vai trò lãnh đạo thế giới của chúng ta. Muốn như thế chúng ta phải đi đầu trong mọi tiến bộ, phải không ngừng thay đổi. Tôi đã nói trong suốt cuộc tranh cử là đã đến lúc phải thay đổi, hôm nay tôi công bố một thay đổi chính sách để phục vụ tốt đẹp quyền lợi của nước chúng ta. Vì quyền lợi của Hoa Kỳ tôi tạm hoãn chương trình bảo hiểm sức khỏe đại chúng đã dự trù cho đến một thời điểm thuận lợi hơn. Những việc nên làm và cần làm cũng phải được làm đúng lúc. Cũng vì quyền lợi của Hoa Kỳ tôi sẽ giữ quân đội của chúng ta ở lại Iraq để giúp ổn định nền dân chủ vừa thành lập và để bảo đảm các trữ lượng dầu khí không lọt vào tay những thế lực thù địch. Là tổng thống của sự thay đổi do các bạn bầu ra, tôi luôn luôn thấy có bốn phận phải xứng đáng với sự ủy nhiệm của các bạn, nghĩa là chứng tỏ khả năng thay đổi, kể cả thay đổi ý kiến và chính sách. Hôm nay tôi muốn chứng tỏ với các bạn khả năng đó.

God bless America!".